

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ THU

TRUYỆN NÔM TRONG SÁNG TÁC CỦA
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC

Thái Nguyên – 2014

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ THU

**TRUYỆN NÔM TRONG SÁNG TÁC CỦA
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60220121

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Dương Thu Hằng

Thái Nguyên – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn “*Truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*” là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, không sao chép của ai khác.

Nội dung của đề tài luận văn có sử dụng tài liệu, thông tin được đăng tải trên các báo, tạp chí, và một số cuốn sách (đã nêu ở phần *Tài liệu tham khảo*). Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Tác giả

Nguyễn Thị Thu

**XÁC NHẬN CỦA KHOA
CHUYÊN MÔN**

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI
HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

MỤC LỤC

Trang

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan.....	i
Mục lục.....	ii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Mục đích nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng nghiên cứu.....	7
5. Phạm vi nghiên cứu.....	8
6. Nhiệm vụ nghiên cứu	8
7. Phương pháp nghiên cứu.....	8
8. Đóng góp của luận văn.....	9
9. Kết cấu luận văn.....	9
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN LIÊN	
QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	10
1.1. Những vấn đề về thể loại truyện Nôm	10
1.1.1. Khái niệm truyện Nôm	10
1.1.2. Phân loại	11
1.1.3. Cơ sở hình thành và phát triển truyện Nôm trong văn học trung đại.	13
1.1.4. Đặc điểm truyện Nôm.....	17
1.2. Một số vấn đề về tác gia Nguyễn Đình Chiểu	21
1.2.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác	21
1.2.2. Quan niệm văn chương	24
1.3. Đôi nét về văn bản truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu	26
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG TRONG TRUYỆN NÔM CỦA	
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	32

2.1. Đề tài	32
2.1.1. Đề tài hiện thực đời sống	32
2.1.2. Đề tài mang tính tự truyện	36
2.2. Chủ đề.....	41
2.2.1. Đề cao đạo lý dân tộc.....	42
2.2.2. Đề cao chủ nghĩa yêu nước.....	51
Chương 3: ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN NÔM	
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	58
3.1. Cốt truyện và yếu tố ngoài cốt truyện	58
3.1.1. Cốt truyện.....	58
3.1.2. Yếu tố ngoài cốt truyện	59
3.2. Nhân vật	62
3.2.1. Phác thảo thế giới nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu	62
3.2.2. Nhân vật mang tính cách người miền Nam.....	68
3.3. Ngôn ngữ.....	71
3.3.1. Lối từ vựng đặc trưng.....	71
3.3.2. Ngôn ngữ bình dân	79
3.3.3. Ngôn ngữ địa phương.....	85
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91
PHỤ LỤC	-1-

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong văn học trung đại Việt Nam thể loại là vấn đề quan trọng hàng đầu bởi nó quy định tính quy phạm về chức năng và hình thức tác phẩm. Trong hệ thống thể loại phong phú của văn học trung đại Việt Nam, truyện Nôm là thể loại giữ vị trí hàng đầu có lịch sử phát triển khoảng bốn thế kỷ và đạt được những thành tựu rực rỡ, nhất là ở giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX.

Nguyễn Đình Chiểu là một tác gia đặc biệt trong thời kỳ trung đại của văn học Việt Nam. Tuy là một nhà văn mù nhưng Đồ Chiểu đã để lại một sự nghiệp sáng tác khá lớn mà ít nhà văn trung đại nào sánh kịp. Ông sáng tác ở nhiều thể loại và ở thể loại nào cũng đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhất là ở thể loại truyện Nôm.

Với ba truyện Nôm lớn: truyện *Lục Vân Tiên* (dài 2082 câu thơ), *Dương Từ - Hà Mậu* (dài 3456 câu thơ), *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (dài 3642 câu thơ) Nguyễn Đình Chiểu được xem là người phá kỷ lục về sáng tác truyện Nôm trong lịch sử văn học nước nhà. Điều đó khẳng định, ông là cây bút có bút lực dồi dào ở thể loại này. Vậy truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu có đóng góp gì cho dòng chảy truyện Nôm văn học trung đại nước nhà là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được giảng dạy trong nhà trường các cấp với số lượng khá lớn. Vì vậy việc lựa chọn đề tài này làm đối tượng nghiên cứu chúng tôi hy vọng sẽ góp phần cung cấp kiến thức để nâng cao chất lượng học tập, giảng dạy và nghiên cứu về tác gia Nguyễn Đình Chiểu nói riêng, văn học trung đại Việt Nam cuối thế kỷ XIX nói chung.

Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi lựa chọn đề tài: "*Truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*".

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu

Do có phong cách văn chương độc đáo nên từ rất sớm Đồ Chiểu đã trở thành đối tượng thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể kể ra một số bài viết như: Hoeffel với bài *"Đức trung, hiếu, tiết, nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu"* in trên *Đại Việt tạp chí*, Sài Gòn, số 19, 16.7.1943; Hoàng Tuệ đóng góp bài *"Nhân dân tính trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu"* in trong *Tập san Đại học Sư phạm*, Hà Nội, số 2, 7.1955; bài viết *"Nhận xét về những đặc điểm trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu"* của Bằng Bá Lân in trên *Báo Văn đàn*, Sài Gòn, số 37 – 38, 7.1962; tác giả Nguyễn Huệ Chi có bài viết: *"Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ yêu nước lớn nửa cuối thế kỷ XIX"* in trên *Báo Tiền Phong*, Hà Nội, 3.7.1963; bài viết *"Đồ Chiểu với sự chuyển mình của văn hóa dân tộc"* của Cao Huy Đình in trên *Tạp chí Văn học*, Hà Nội, số 4, 7.8.1972... Dưới đây chúng tôi xin điếm qua và trích dẫn những nhận xét của các bài viết tiêu biểu:

Bàn về vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong bầu trời văn nghệ dân tộc thời trung đại cố thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài *"Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc"* nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của Đồ Chiểu đưa ra nhận xét: *"Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy"* [22, tr.69].

Nguyễn Đình Chiểu đã đóng góp một phần không nhỏ cho nền văn học nước nhà. Xem xét vị trí của ông trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Ngọc Thiện đã khẳng định và nhấn mạnh ý kiến: *"ông vừa là người đại diện chung cục một thời đại văn học trung đại, nhưng với việc sáng tạo người anh hùng vô danh đại diện cho cuộc kháng chiến của dân tộc, ông*

lại đồng thời là người mở đầu và đứng ở vị trí tiên phong cho trào lưu văn học chống ngoại xâm ở nước ta" [22, tr.19]. Vì vậy khi đọc thơ văn Đồ Chiểu không chỉ thấy được tài năng và tâm huyết của ông mà còn thấy được cả một thời đại lịch sử đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc.

Đặng Thai Mai trong bài viết "*Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn của nhân dân Việt Nam*" khẳng định: "*Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng chói về tinh thần làm việc kiên cường và khí tiết yêu nước bất khuất. Bất chấp mọi sự thiếu thốn, gian khổ, tật bệnh, Nguyễn Đình Chiểu đã đem cả thân thế cống hiến vào sự nghiệp dạy học, làm thuốc và viết văn*" [22, tr.75]. Điều này giải thích tại sao nhân dân ta nhất là những người dân Nam Bộ vùng Lục tỉnh xưa lại yêu mến và kính trọng ông đến vậy.

Nhận xét về con người và cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu tác giả Bùi Thanh Ba trong bài viết "*Qua Ngự Tiều vấn đáp tìm hiểu thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu*" đánh giá: "*Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân ta. Ông đã có tâm hồn trong sạch lại được soi rọi bằng một thế giới quan tiến bộ, nên ranh giới giữa bạn và thù được rạch ròi và dứt khoát trong tư tưởng ông. Cuộc đời của ông là một tấm gương trong trắng. Tinh thần yêu nước của ông rục rờ như trăng sao. Lòng nhân đạo của ông dạt dào như biển cả*" [22, tr.422].

Xem xét vị trí Nguyễn Đình Chiểu trong nền thơ văn yêu nước thời kỳ cận đại Trần Thanh Mại nhấn mạnh ý kiến: "*Nếu trước 1858 với Lục Vân Tiên và Dương Từ - Hà Mậu, Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ cuối cùng của nền văn học cổ đại, thì sau 1858, với các văn tế, hịch, với Ngự Tiều vấn đáp y thuật, ông là nhà thơ đầu tiên của nền văn chương yêu nước thời kỳ cận đại*" [22, tr.99]. Vì vậy, tinh thần chiến đấu anh dũng của các nghĩa quân Cần Giuộc, tinh thần "*thà đui mà giữ đạo nhà*" của Kỳ Nhân Sư mãi mãi là tấm gương sáng cho tinh thần yêu nước, căm thù giặc, chiến đấu hết mình của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

2.2. Những công trình liên quan trực tiếp đến đề tài.

Đồ Chiểu sáng tác ở nhiều thể loại và ở thể loại nào ông cũng đạt được những thành công nhất định. Đúng như lời nhận xét của Giáo sư Nguyễn Đình Chú: *"Về thể loại truyện thơ, Lục Vân Tiên của Đồ Chiểu đáng xếp vào hàng thứ hai sau Truyện Kiều của Nguyễn Du, sự sáng tạo nghệ thuật ở sức sống, ở khả năng phôn-cờ-lô-ri-dê (dân gian hóa) của nó. Về thể loại thất ngôn Đường luật, công bằng mà nói, Đồ Chiểu còn phải đứng sau Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương...nhưng một đôi bài của Đồ Chiểu (Xúc cảnh, Làm thuốc...) lại vẫn xứng đáng xếp vào những bài thơ luật Đường hay nhất của thơ luật Đường nước ta. Còn thể loại văn tế, thì như trên đã nói, Đồ Chiểu là đỉnh cao nhất"* [22,tr.581]. Có rất nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu xoay quanh các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu như: *"Nguyễn Đình Chiểu; Ngự Tiều vấn đáp y thuật"* của Nghiêm Toàn in trong Tập san *Chỉ đạo*, Sài Gòn, số 20-21, 26.10.1958; tác giả Nguyễn Khoa có bài *"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu"* in trên Tạp chí *Giáo dục Phổ thông*, Sài Gòn, số 56, 1.3.1960; bài viết *"Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu"* của tác giả Dương Quảng Hàm in trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu*, Hà Nội, 1941....

Về ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu có khá nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu xoay quanh một số khía cạnh khác nhau. Dưới đây chúng tôi cũng xin điếm qua một vài công trình quan trọng có liên quan trực tiếp đến đề tài.

Tác giả Nguyễn Phong Nam trong bài viết *"Hình tượng thời gian trong các truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu"* đã đóng góp một lời bàn về truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu như sau: *"Nhìn chung, thời gian trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu là thời gian có tính chất phiếm định. Đây là thời gian của các truyện kể, của truyền thuyết, cổ tích... nghĩa là thuộc*

phạm trù trung cổ...Song đặt trong chính thể tác phẩm, hình tượng thời gian ở truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đã giữ một vai trò lớn lao trong việc thể hiện ý thức tư tưởng nghệ thuật của nhà văn; phục vụ đắc lực cho mục tiêu hàng đầu: truyền bá đạo lý, giáo huấn về đạo đức...Hình tượng thời gian đã góp phần tạo nét cá biệt, độc đáo của phong cách nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu ở thể loại truyện Nôm" [22, tr.454]. Như vậy, với ý kiến này, Nguyễn Phong Nam chú trọng nhấn mạnh yếu tố thời gian trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Vũ Đức Phúc trong bài viết "*Đạo nho và các nhân vật trí thức trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu*" đã đi tìm hiểu các nhân vật trí thức trong ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu. Ông khẳng định: "*Nhân vật trí thức trong các truyện thơ Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp mà tôi muốn nói ở đây trước hết là người thạo chữ Hán, thông hiểu kinh truyện của đạo Nho*" [22, tr.241].

Trong bài viết "*Từ Lục Vân Tiên đến Dương Từ Hà Mậu*" Nguyễn Văn Hoàn đưa ra ý kiến: "*Từ Lục Vân Tiên đến Dương Từ - Hà Mậu là sự tiếp tục nhất quán của một phong cách, một khuynh hướng, là sự phát triển tự nhiên của một tài năng sáng tạo trên một chặng đường mới của lịch sử. Tiếp theo Lục Vân Tiên, tiếng kêu gọi bảo vệ đạo đức, bảo vệ chính nghĩa trong Dương Từ - Hà Mậu đã báo hiệu tiếng kêu gọi kháng chiến, kêu gọi bảo vệ đất nước trong giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Đình Chiểu*" [22, tr.438]. Ở bài viết này, Nguyễn Văn Hoàn quan tâm đến sự chuyển biến trong nội dung tư tưởng, chủ đề trong hai truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu là *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*.

Lê Ngọc Trà trong bài viết "*Nguyễn Đình Chiểu trong sự vận động của văn chương Việt Nam cận đại*" đưa ra nhận định: "*Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp là những truyện thơ mang tính chất kể*

nhều hơn là đọc. Với tính cách là những câu chuyện bằng thơ, các tác phẩm này tập trung được khá nhiều truyền thống ưu tú của truyện thơ, câu thơ dân gian" [22, tr.271]. Với bài viết này, Lê Ngọc Trà chú trọng đến yếu tố ngôn ngữ trong ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Trong bài viết "Tính nhân dân của Nguyễn Đình Chiểu" tác giả Phan Ngọc khẳng định: "Thế giới của Lục Vân Tiên, của Dương Từ - Hà Mậu, của Ngư Tiều vấn đáp, ngoài một số yếu tố huyền thoại bắt buộc đối với mọi truyện Nôm, là thế giới của hiện thực Việt Nam" [22, tr.259]. Với nhận định này, Phan Ngọc chú trọng đến chất liệu hiện thực trong nguồn đề tài sáng tác ở ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Hay ở trong bài viết mang tên "Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn yêu nước, chống xâm lăng, một tâm hồn vằng vặc nhân nghĩa, một tấm gương kiên trung và bất khuất" Hà Huy Giáp đã khẳng định: "Hầu hết bà con nông dân đều thuộc và kể Lục Vân Tiên...Cái gì cất nghĩa được sự say mê của quần chúng đối với Miền Nam đối với tác phẩm bất hủ ấy? Theo tôi, chưa nói đến tính bình dị, trong sáng của ngôn ngữ, tính dân tộc và đại chúng trong các hình tượng nghệ thuật, cái chủ yếu là tác phẩm Lục Vân Tiên đã đáp ứng tinh thần dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài, ghét gian ác "kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" của người nông dân miền Nam mà cũng là của mọi người dân Việt Nam" [22,tr.126].

Với ý kiến này, Hà Huy Giáp quan tâm nhấn mạnh đến giá trị nội dung và điếm qua một vài nét về nghệ thuật của truyện *Lục Vân Tiên* chứ chưa có cái nhìn khái quát về ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Trần Đình Hượu với bài "Bàn về Nguyễn Đình Chiểu – người nghệ sĩ từ và trong truyện Nôm" đã nhận xét: "Nguyễn Đình Chiểu chia người ra hai loại thiện ác, phân thành hai tuyến rõ rệt: chính và tà...Đó là cách nhìn theo đạo đức, theo nhân tình" [9, tr.188]. Như vậy, với ý kiến này, Trần Đình

Hượu chú trọng đến vấn đề nhân vật trong truyện Nôm của Đồ Chiểu còn những mặt khác thì chưa được ông nhắc đến.

Tóm lại, từ việc nghiên cứu những tài liệu trên chúng tôi nhận thấy:

Một là, tất cả các nhà nghiên cứu đều khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học nước nhà, khẳng định sức sống mãnh liệt của nhà văn cũng như các tác phẩm của ông.

Hai là, xuất phát từ mục đích nghiên cứu khác nhau đã có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến các phương diện như: đạo đức, ngôn ngữ, nhân vật...trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu. Tuy nhiên chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về truyện Nôm của ông.

Xuất phát từ những lí do trên đây chúng tôi lựa chọn đề tài “*Truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*”. Hy vọng rằng đề tài này sẽ cung cấp một cái nhìn hệ thống, toàn diện hơn về truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

3. Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài này chúng tôi nhằm các mục đích sau:

- Tìm hiểu ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu để có được cái nhìn hệ thống, toàn diện về thể loại này trong sự nghiệp sáng tác của ông. Đồng thời thấy được những đặc điểm khác biệt trong truyện Nôm của Đồ Chiểu so với các tác gia trung đại khác. Qua đó, góp thêm một góc nhìn mới về thể loại truyện Nôm – một thể loại độc đáo của văn học dân tộc.

- Trau dồi tri thức, rèn luyện phương pháp và thao tác nghiên cứu một đề tài khoa học cụ thể.

4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài này là ba truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu:

+ Truyện Nôm *Lục Vân Tiên* in trong *Lục Vân Tiên tác phẩm và lời bình* của Nhà xuất bản Văn học năm 2008.

+ Truyện *Dương Từ - Hà Mậu* in trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* (tập 1) của Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp năm 1980.

+ Truyện *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (còn gọi là *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*) in trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* (tập 2) của Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp năm 1982.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi vấn đề nghiên cứu:

+ Ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*.

- Phạm vi tư liệu nghiên cứu:

+ Tư liệu đã xuất bản thành sách

+ Tư liệu sưu tầm trên các trang báo, trên mạng internet

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài

- Khảo sát, phân tích ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu để chỉ ra những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của thể loại đó trong sáng tác của ông. Trong một chừng mực có thể, chúng tôi sẽ so sánh truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu so với truyện Nôm của các tác gia văn học trung đại khác.

7. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này chúng tôi đã sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Nhằm tạo dựng cơ sở lí luận vững chắc đảm bảo tính khoa học, tính chính xác cho luận văn.

- Phương pháp thống kê phân loại

Phương pháp này giúp chúng ta phân loại và lựa chọn chính xác đối tượng nghiên cứu. Trong quá trình triển khai và giải quyết vấn đề, phương pháp này có tác dụng chỉ ra và cụ thể hóa các khía cạnh của vấn đề.

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

- Phương pháp phân tích tổng hợp

Phương pháp này phục vụ đắc lực cho quá trình tìm hiểu, khám phá và đánh giá ý nghĩa của vấn đề được nghiên cứu. Đây là phương pháp không thể thiếu để có thể hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp này nhằm tạo ra tương quan so sánh nhằm chỉ ra sự tiếp nối cũng như những sáng tạo mới mẻ riêng biệt của đối tượng nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Phương pháp này vận dụng hiệu quả các môn khoa học liên ngành (lịch sử học, văn hóa học, toán học, xác suất thống kê....) nhằm giúp cho vấn đề được nhìn nhận bao quát hơn và chính xác hơn.

8. Đóng góp của luận văn

- Là công trình đầu tiên nghiên cứu về ba truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu một cách hệ thống và toàn diện. Qua đó góp thêm một góc nhìn mới về tác gia quen thuộc này.

- Luận văn là một trong những nguồn tư liệu hữu ích phục vụ việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu về tác gia Nguyễn Đình Chiểu.

9. Kết cấu luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo* và *Phụ lục*, phần *Nội dung* luận văn được triển khai trong ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài

Chương 2: Đặc điểm nội dung truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

Chương 3: Đặc điểm nghệ thuật truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

NỘI DUNG

Chương 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Những vấn đề về thể loại truyện Nôm

1.1.1. Khái niệm truyện Nôm

Xung quanh khái niệm truyện Nôm có nhiều ý kiến khác nhau của các nhà nghiên cứu. Tác giả Dương Quảng Hàm có lẽ là người đầu tiên dùng thuật ngữ *Truyện Nôm*. Trong phần tổng kết sách *Việt Nam văn học sử yếu* mục tác giả ghi rõ: "*Truyện Nôm là tiểu thuyết bằng văn vần*". Đây là định nghĩa đầu tiên sơ lược về truyện Nôm. Trong *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* tác giả Đặng Thanh Lê đã mở rộng khi cho rằng: "*Truyện Nôm nằm trong hệ thống tác phẩm phản ánh cuộc sống bằng phương thức tự sự (phân biệt với các tác phẩm phản ánh cuộc sống bằng phương thức trữ tình kiểu Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc và các thể loại khác như ca dao, đường luật) có nghĩa là phản ánh cuộc sống xã hội thông qua sự trình bày miêu tả có tính chất hoàn chỉnh vận mệnh một nhân vật và trên cơ sở đó, sự phát triển có tính chất hoàn chỉnh của một tính cách nhân vật (trong mối quan hệ với nhiều vận mệnh nhiều tính cách nhân vật khác)" [12, tr.55].*

Tác giả Kiều Thu Hoạch cho rằng "*khái niệm Nôm có thể hiểu là tiếng, là chữ của nước ta...nhưng khái niệm Nôm chủ yếu là chỉ vào tính chất bình dân, đại chúng, tính chất phổ thông, dễ hiểu*" [8, tr.354].

Tác giả Đinh Thị Khang trong cuốn "*Văn học trung đại Việt Nam tập 2*" của Nxb Đại học sư phạm Hà Nội trong bài viết về truyện Nôm đưa ra định nghĩa: "*Truyện Nôm là một loại hình tự sự bằng thơ dùng văn tự Nôm, có tác phẩm được viết bằng thể thơ Đường luật...được gọi là truyện Nôm Đường luật. Nhưng phổ biến các tác phẩm viết bằng thể thơ được gọi là truyện Nôm*" [15, tr.112].

Nhìn chung những định nghĩa khác nhau về truyện Nôm được nêu ra trên đây đều xuất phát từ những hướng nghiên cứu khác nhau của các tác giả. Sau khi đi tìm hiểu và tham khảo các bài viết của các tác giả về truyện Nôm chúng tôi hiểu: Truyện Nôm là loại hình tự sự bằng thơ dùng ngôn ngữ văn tự dân tộc – chữ Nôm để sáng tác. Phần lớn truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát cho nên truyện Nôm còn được gọi bằng một tên gọi khác là truyện thơ lục bát. Truyện Nôm phản ánh cuộc sống xã hội thông qua sự trình bày, miêu tả có tính chất hoàn chỉnh vận mệnh, tính cách nhân vật bằng một cốt truyện với hệ thống biến cố, sự kiện.

1.1.2. Phân loại

Cũng như khái niệm truyện Nôm, cách phân loại truyện Nôm có nhiều ý kiến khác nhau. Có người chia truyện Nôm thành truyện Nôm hữu danh và truyện Nôm khuyết danh; có người chia thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học; có người chia thành truyện Nôm Tài tử - Giai nhân và các loại truyện Nôm khác. Tác giả Nguyễn Lộc trong cuốn *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX* cho rằng: "*Trước nay, nói đến truyện Nôm các nhà nghiên cứu thường chia làm hai loại: truyện Nôm hữu danh và truyện Nôm khuyết danh. Truyện Nôm hữu danh là truyện Nôm biết rõ tên tác giả, còn truyện Nôm khuyết danh là truyện Nôm chưa biết rõ tên tác giả là ai. Thực ra lối phân chia này có tính hình thức mà không nói lên một đặc điểm nào về nội dung hay thể loại*" [13, tr.506]. Từ đó tác giả khẳng định: "*Thực tế kho tàng truyện Nôm tồn tại song song hai loại truyện còn được nghiên cứu riêng như hai thể loại của một thể thống nhất. Một loại là truyện Nôm kiểu: Phạm Tải – Ngọc Hoa, Tống Trân – Cúc Hoa, Hoàng Trừu.... Một loại là những truyện Nôm kiểu: Truyện Kiều, Phan Trần, Sơ kính tân trang, Hoa Tiên.... Loại trên có thể gọi là truyện Nôm bình dân, loại dưới có thể gọi là truyện Nôm bác học*" [13, tr.506].

Tác giả Đinh Thị Khang trong bài viết về truyện Nôm (*Văn học trung đại Việt Nam tập 2*) đưa ra cách phân chia, chia truyện Nôm làm hai loại: truyện Nôm hữu danh và truyện Nôm khuyết danh. Tuy nhiên, tác giả cũng khẳng định sự phân chia này không còn chính xác, không thực sự có nội dung khoa học. "*Bởi trên thực tế nhiều tác phẩm truyện Nôm được coi là khuyết danh đã tìm được tên tác giả (như truyện Quan Âm Thị Kính của Nguyễn Cáp, truyện Phương Hoa của Nguyễn Cảnh, truyện Bích Câu kỳ ngộ của Vũ Quốc Trân...) hoặc có khả năng dự đoán về tên tác giả*" [15, tr.112].

Lại Nguyên Ân trong *từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX* đưa ra cách phân loại dựa vào thể thơ, có thể chia truyện Nôm thành hai loại: truyện Nôm lục bát và truyện Nôm Đường luật.

Qua việc tìm hiểu một số ý kiến về vấn đề phân loại truyện Nôm như trên chúng tôi thấy nổi lên hai khuynh hướng cơ bản: một là phân chia truyện Nôm thành truyện Nôm hữu danh và truyện Nôm khuyết danh; hai là phân chia truyện Nôm thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học. Khuynh hướng phân loại thứ hai được hầu hết các nhà nghiên cứu tán thành vì khuynh hướng phân loại này nói lên một số đặc điểm nội dung và hình thức nghệ thuật trong từng tác phẩm.

Truyện Nôm bình dân là truyện Nôm phần nhiều do lớp trí thức bình dân sáng tác. Phần lớn truyện Nôm bình dân lấy đề tài cốt truyện từ kho tàng truyện cổ dân gian của dân tộc. Thông qua việc miêu tả các cuộc đấu tranh giành hạnh phúc cá nhân, quyền sống của con người nhất là người phụ nữ, truyện Nôm bình dân phản ánh những áp bức bất công trong xã hội. Nhân vật trong truyện Nôm bình dân về cơ bản vẫn chưa thoát ra khỏi khuôn mẫu của nhân vật truyện cổ tích. Do đó thế giới nhân vật trong truyện Nôm bình dân mang tính chất lý tưởng hóa, công thức hóa hơn là hiện thực. Do sống trong lòng quần chúng nên các tác giả truyện Nôm bình dân thường dùng thứ ngôn

ngữ nôm na, giản dị, gần với quần chúng. Vì vậy, truyện Nôm bình dân phần lớn được kể, lưu truyền trong dân gian trước khi được in ra thành văn bản.

Truyện Nôm bác học là truyện Nôm do các trí thức Hán học sáng tác. Cốt truyện chủ yếu được lấy trong sách vở (kho tàng truyện cổ Trung Quốc) và từ chất liệu hiện thực từ chính cuộc sống và bản thân tác giả sáng tạo nên. Do lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống làm nguồn đề tài nên truyện Nôm bác học thường phản ánh các cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh xã hội qua đó tác giả bộc lộ tinh thần yêu quê hương, đất nước của mình. Nhân vật trong truyện Nôm bác học vẫn là những con người hoặc tốt, hoặc xấu như trong truyện cổ tích. Tuy nhiên, có những nhân vật mang tính cách đa diện đậm dần lên những yếu tố tiểu thuyết (*Truyện Kiều* được coi là "cuốn tiểu thuyết bằng thơ" của dân tộc). Do có trình độ học vấn cao nên ngôn ngữ trong truyện Nôm bác học được gọt giũa, trau chuốt công phu, sử dụng nhiều điển cố và thành ngữ Hán. Vì vậy, truyện Nôm bác học hầu như ít được lưu truyền qua phương thức kể mà chỉ tồn tại ở dạng văn bản.

Trở lại với truyện Nôm của Đò Chiểu, dễ thấy, cả ba tác phẩm vừa mang những đặc điểm của truyện Nôm bình dân, vừa mang những đặc điểm của truyện Nôm bác học. Điều này sẽ được chúng tôi làm rõ ở các chương sau của luận văn.

1.1.3. Cơ sở hình thành và phát triển truyện Nôm trong văn học trung đại.

Cho đến nay, có nhiều công trình của các nhà nghiên cứu xoay quanh vấn đề này. Nhà nghiên cứu Đinh Thị Khang cho rằng: "*Quá trình hình thành và phát triển của thể loại truyện Nôm bao gồm những chặng đường xây dựng hai loại hình truyện Nôm Đường luật và truyện Nôm lục bát*" [15, tr.113].

Lại Nguyên Ân trong cuốn *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX* cho rằng: "*có thể là truyện thơ Nôm đã hình thành từ thế kỷ XVI, nhưng căn cứ vào tác phẩm hiện còn thì chỉ có thể cho rằng nó định hình ở thế kỷ XVII*" [2, tr.550].

Trong cuốn *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* tác giả Đặng Thanh Lê đã đưa ra nhiều ý kiến, đánh giá xác đáng về cơ sở hình thành và phát triển của thể loại này. Tác giả khẳng định "*cơ sở truyền thống văn học đã góp phần tạo nên sự hình thành và phát triển của thể loại truyện Nôm*" [12, tr.50]. Đồng thời tác giả cũng cho rằng "*Truyện Nôm bắt nguồn từ một yêu cầu phản ánh xã hội với những nội dung thời đại cũng như với những điều kiện thực tiễn của bản thân thời đại ấy*" [12, tr 50. Tác giả Kiều Thu Hoạch trong cuốn *Truyện Nôm lịch sử hình thành và bản chất thể loại* có lẽ là người tìm hiểu cặn kẽ và xác đáng nhất về vấn đề này. Ông dành cả một chương trong cuốn sách để đi tìm hiểu và phân tích cơ sở hình thành và phát triển của thể loại truyện Nôm trong văn học trung đại.

Ông cho rằng "*thời kỳ định hình của thể loại truyện Nôm không sớm hơn thế kỉ XVII và sau đó, từ đầu thế kỷ XVIII là thời kỳ nở rộ và phát triển liên tục cho đến đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, nếu muốn nói đến một thời kỳ mạnh mẽ, thì cũng không loại trừ khả năng truyện Nôm đã có thể hình thành từ thế kỷ XVI*" [8, tr.25].

Những tiền đề về lịch sử, kinh tế, văn hóa – xã hội là nhân tố quan trọng trong việc hình thành và phát triển thể loại truyện Nôm trong văn học trung đại.

Thứ nhất, về mặt lịch sử, quá trình nở rộ và phát triển của thể loại truyện Nôm cũng chính là quá trình suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam. Vào đầu thế kỷ XVI, triều đình phong kiến rơi vào khủng hoảng. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Một mặt các cuộc khởi nghĩa này đã làm lay động tận gốc nền thống trị mục nát của triều đình nhà Lê. Mặt khác nó đã làm thức tỉnh ở người nông dân ý thức dân chủ, tự do, tinh thần đấu tranh vì công bằng xã hội và đồng thời làm cho họ hiểu rõ hơn về vai trò và xứ mạng lịch sử của mình.

Thứ hai, về kinh tế, thế kỷ XVI – XVIII là thời kỳ nở rộ của nền kinh tế hàng hóa, thủ công nghiệp. Thời kỳ này nghề làm giấy và nghề khắc ván in có bước phát triển mới là tiền đề quan trọng trong việc truyền bá và lưu hành thể loại truyện Nôm.

Những tiền đề lịch sử, kinh tế ấy là mảnh đất tươi tốt cho tinh thần dân chủ và tư tưởng nhân văn của thời đại nảy sinh và phát triển mạnh mẽ. Và có thể những tư tưởng dân chủ, tiên bộ như: tinh thần đấu tranh chống lại những lễ giáo phong kiến nghiệt ngã, cùng với tinh thần đấu tranh đòi tự do hôn nhân, đòi quyền sống của người phụ nữ được biểu hiện trong các truyện Nôm chính là bắt nguồn từ nền tảng kinh tế - xã hội của thời đại lịch sử này.

Thứ ba, văn hóa – xã hội thời kỳ này cũng có nhiều điểm đáng chú ý.

Từ thời Trần, Chữ Nôm đã được sử dụng vào sáng tác văn học. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi lại truyền thuyết về nhà thơ Nguyễn Thuyên làm văn tế cá câu thả xuống sông Phú Lương khiến cá sấu phải bỏ đi nên được vua Trần Nhân Tông khen thưởng cho đổi từ họ Nguyễn ra họ Hàn (Hàn Dũ một tác gia nổi tiếng đời Đường giỏi cả thơ và văn xuôi). Vì thế sau này làm thơ quốc âm gọi là Hàn luật. Sau Nguyễn Thuyên có Nguyễn Sĩ Cố, Chu Văn An và Hồ Quý Ly đều làm thơ, văn Nôm. Các tác gia và tác phẩm văn học Nôm thời Trần tuy chưa nhiều nhưng cho thấy ý thức người Việt dùng chữ Việt để sáng tác văn học có ý nghĩa chính trị sâu sắc, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển của văn học Nôm ở các thế kỉ sau.

Sang thế kỉ XV, chữ Nôm được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với các tác gia văn học, chữ Nôm đã trở thành một công cụ sáng tác khá thuận lợi để thể hiện ngôn ngữ dân tộc. Thời kỳ này, tất cả các nhà thơ ưu tú đều có làm thơ Nôm mà đại diện tiêu biểu là “sao Khuê sáng rực” Nguyễn Trãi với “*Quốc âm thi tập*”, gồm trên 250 bài thơ Nôm, vận dụng sáng tạo phương ngôn tục ngữ dân gian. Hội tao đàn và Lê

Thánh Tông có “*Hồng Đức quốc âm thi tập*” gồm hơn 300 bài thơ Nôm, ngôn ngữ khá là chau chuốt, điêu luyện. Đáng chú ý thơ Nôm thời kỳ này phần nhiều làm theo lối lục ngôn.

Thế kỷ XVI –XVIII văn học Nôm phát triển với nhiều thể loại khác nhau. Ngoài thơ còn có phú, văn, diễn ca lịch sử, văn xuôi Nôm... Trong đó sự phát triển của các thể văn, ca khúc, diễn ca là đáng chú ý vì ở các thể loại này, các tác giả đều sử dụng khá thuần thục lối thơ lục bát và lục bát biến thể, một lối thơ rất quen thuộc của thể loại truyện thơ Nôm. Do đó khảo sát các thể loại này để tìm hiểu sự xuất hiện của thơ lục bát trong văn học Nôm là một trong những tiền đề quan trọng để có thể xác định thời điểm ra đời của thể loại truyện thơ Nôm.

Như vậy, sự hình thành và phát triển của thể loại truyện Nôm gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của văn học Nôm nói riêng cũng như quá trình hình thành và phát triển của loại hình tự sự trong văn học Việt Nam nói chung.

Nền văn hóa dân tộc thời kỳ này bước vào giai đoạn phục hưng và phát triển. Những truyền thống văn hóa dân gian nhất là nghệ thuật ca, múa, nhạc cùng với các hình thức sinh hoạt văn hóa như: đánh đu, chọi trâu, bơi chải... Đó là những hình thức văn hoá cổ truyền diễn ra trên khắp cả nước ta thời bấy giờ. Tất cả tạo nên một không khí văn hóa sôi nổi trên cả nước cuốn hút mọi người từ già đến trẻ, từ gái đến trai. Câu ca dao sau đây có lẽ đã phản ánh hiện thực lịch sử này:

*“Ăn no rồi lại nằm khoèo,
Nghe giục trống chèo bé bụng đi xem.”*

Những sinh hoạt dân gian ấy chủ yếu diễn ra ở ngôi đình làng. Đình làng trở thành không gian văn hóa của nhân dân ta thời kì này. Vì vậy từ thế kỷ XVI – XVIII, việc xây dựng đình làng diễn ra ở khắp các tỉnh trung du và

miền núi phía bắc, tạo nên một loại hình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đình làng in rõ dấu ấn của thời đại. Cùng với nghệ thuật điêu khắc đình làng thì sự phát triển của tượng chân dung và tượng tròn đã đánh dấu bước phát triển lớn của nghệ thuật điêu khắc gỗ cũng như điêu khắc đá ở giai đoạn này. Đáng chú ý các chân dung tượng phần lớn là các phật bà, bà chúa, thánh mẫu, bà hoàng.... Chính sự bùng nổ của các tượng phật nữ trong giai đoạn này là biểu hiện của tinh thần nhân văn, dân chủ trong văn hóa Việt Nam. Nó chứng tỏ người phụ nữ vốn có một vai trò, một địa vị quan trọng trong xã hội, đã đến lúc họ cần được đề cao, được tôn vinh và hiện diện trong nghệ thuật kể cả trong những tác phẩm văn học như truyện Nôm.

Những tư tưởng nhân văn chủ nghĩa, ý thức dân chủ, tự do, tinh thần đấu tranh về công bằng xã hội của nhân dân ta; sự phát triển nở rộ của nghề in, nghề làm giấy; việc sử dụng chữ Nôm thành thạo cùng với sự phát triển của văn học Nôm, văn hóa nghệ thuật truyền thống dân gian là cơ sở hình thành truyện Nôm – một thể loại dân tộc của nền văn học Việt.

1.1.4. Đặc điểm truyện Nôm

1.1.4.1. Đặc điểm về nội dung

Về phương diện đề tài, khi đi xem xét đề tài nguồn gốc cốt truyện truyện Nôm, có thể nhận thấy một hiện tượng mang tính quy luật của văn học viết thời trung đại là văn học vừa lấy sáng tác dân gian làm cơ sở vừa tiếp thu những thành tựu văn học nước ngoài trong quá trình giao lưu văn hóa, văn học khu vực. Nguồn gốc đề tài cốt truyện truyện Nôm rất đa dạng có thể khái quát chia thành ba nhóm chính sau:

1. Nguồn đề tài từ các truyện cổ dân gian như các truyện: *Thạch Sanh, Tống Trân – Cúc Hoa, Phạm Tải – Ngọc Hoa, Thoại Khanh – Châu Tuấn...* Đây là nguồn đề tài chiếm một tỷ lệ khá lớn.

2. Nguồn gốc đề tài từ các truyện cổ Trung Quốc như các truyện: *Truyện Kiều*, *Phan Trần*, *Nhị độ mai*... Tuy nhiên dưới ánh sáng của tinh thần dân tộc, của quan điểm nhân dân, các tác giả đi sau đã tiếp thu trên cơ sở đóng góp phần sáng tạo để dân tộc hóa, hiện thực hóa những đề tài có tính chất lịch sử kia.

3. Nguồn đề tài từ hiện thực đời sống, hiện thực lịch sử. Chẳng hạn như, hiện thực lịch sử về cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn và cuộc chiến tranh Trịnh – Mạc đã được nhân dân ta ghi lại trong hai tác phẩm *Ông Ninh cổ truyện* và *Chúa Thao cổ truyện*. Nguồn đề tài này chiếm một tỷ lệ không đáng kể và nội dung cũng đơn giản, song lại có giá trị về nhiều mặt. Về cơ bản, ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu nằm trong nhóm truyện Nôm này.

Về chủ đề, thời kỳ đầu các tác phẩm truyện Nôm chủ yếu viết về đề tài tình yêu lứa đôi cùng với chủ đề đấu tranh bảo vệ tình yêu chung thủy, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Dù đó là câu chuyện trong phạm vi một gia đình hay ngoài xã hội ; dù tác phẩm đề cập tới vấn đề giải phóng tình cảm hay số phận con người bị áp bức, hầu hết các truyện Nôm đều lấy con người bị áp bức, nhất là người phụ nữ làm chủ thể trong mọi mối quan hệ để lý giải các vấn đề xã hội đặt ra với xã hội đương thời. Do vậy, cùng với chủ đề đấu tranh giành hạnh phúc lứa đôi, đấu tranh để bảo vệ tình yêu chung thủy, truyện Nôm cũng bao hàm những chủ đề có ý nghĩa tư tưởng và xã hội rộng lớn khác như: vạch trần sự tàn bạo của mối quan hệ cương thường vua – tôi, cha – con,... trong thể ứng xử phong kiến; tố cáo ách áp bức, bất công cùng với những tội ác man dợ đã chà đạp lên quyền sống của con người, đặc biệt là chà đạp thô bạo lên phẩm giá của người phụ nữ; tôn vinh và ca ngợi những phẩm chất truyền thống của người của người phụ nữ Việt Nam như: chịu thương, chịu khó, bất khuất kiên cường, trung hậu đảm đang...

Trên quá trình phát triển, sang thời kỳ sau, truyện Nôm dần dần tự nhận thức về bản chất của thể loại, nhận thức được ưu thế, sở trường của thể loại trong khả năng phản ánh cuộc sống, phản ánh đấu tranh giai cấp, đấu tranh xã hội. Những vấn đề liên quan đến vận mệnh đời sống của dân tộc được đề cập trong các sáng tác của các nhà văn phong kiến. Đây là giai đoạn văn học đã tìm thấy con đường đi của mình. Những người trí thức chân chính, tiến bộ dưới xã hội phong kiến đã xa rời con đường giáo điều của Khổng Mạnh để tìm về cuộc sống muôn màu muôn sắc của nhân dân, hướng tác phẩm văn học về những chủ đề có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Đến Nguyễn Đình Chiểu các tác phẩm truyện Nôm chủ yếu viết về chủ đề yêu nước.

Như vậy, xét về mặt nội dung truyện Nôm là loại truyện có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Với nguồn đề tài phong phú, đa dạng truyện Nôm phản ánh những vấn đề xã hội rộng lớn. Chừng nào còn cái xấu, cái ác ngự trị trong xã hội thì chừng đó truyện Nôm vẫn còn những ý nghĩa tư tưởng nhất định. Đọc truyện Nôm người ta có thể rút ra trong đó những triết lý nhân sinh và những ý nghĩa tư tưởng mang tính phổ quát mà không mang tính cụ thể hoặc tính xác định.

1.1.4.2. Đặc điểm về nghệ thuật

Về kết cấu, hầu hết các truyện Nôm đều tuân theo một mô hình chung là “Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ”. Trong mô hình cấu trúc Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ của truyện Nôm thì thường đoạn “Tai biến” là đoạn có nhiều diễn biến phức tạp nhất của cốt truyện. Tại đây, nhân vật chính nhiều khi phải trải qua những biến cố tưởng chừng như vượt quá sức chịu đựng của một con người bình thường. Trong những trường hợp như vậy, ý chí của nhân vật chính giữ vai trò có ý nghĩa quyết định. Song bên cạnh đó vẫn không thể thiếu được sự hỗ trợ của một sức mạnh vô hình, thường được biểu hiện bằng những lực lượng siêu nhiên, bằng những yếu tố thần kỳ. Nhờ vậy, nhân vật chính mới có thể vượt qua những tai ách tưởng chừng như không thể vượt qua ấy

để đi tới thắng lợi cuối cùng, bước vào đoạn "Đoàn tụ" như mô hình của nó. Các yếu tố thần kỳ và các mô típ dân gian là những thủ pháp nghệ thuật chủ yếu để xử lý mô hình kết cấu "Gặp gỡ - Tai biến – Đoàn tụ". Đây là biện pháp nghệ thuật không thể thiếu được để hướng nhân vật chính của truyện Nôm đi tới kết thúc có hậu và là đặc trưng thi pháp không thể thiếu của thể loại truyện Nôm.

Về nhân vật, truyện Nôm đã xây dựng một hệ thống rất nhiều nhân vật. Số lượng nhân vật ở mỗi tác phẩm tùy thuộc vào phạm vi cuộc sống được phản ánh trong truyện. Nhân vật truyện Nôm cơ bản vẫn chưa thoát ra khỏi khuôn mẫu của nhân vật truyện cổ tích. Do đó có thể nói, nhân vật truyện Nôm mang đầy đủ những đặc trưng của nhân vật truyện cổ tích. Họ đều là những người mang tính cách hoặc tốt, hoặc xấu. Tuy nhiên cũng cần quan tâm đến một loại hình nhân vật phụ, họ là những người giữ vai trò trung gian, có chức năng giúp đỡ nhân vật chính trong quá trình phát triển cốt truyện. Họ thường là người hầu, người tâm phúc của chủ. Đôi khi, họ cũng đương đầu với thế lực cường quyền để bảo vệ tự do.

Về mặt ngôn ngữ, truyện Nôm đều được sáng tác bằng chữ Nôm. Truyện Nôm bác học hầu hết đều là sản phẩm của các nhà thơ có trình độ học vấn cao do đó ngôn ngữ tác phẩm bao giờ cũng được gọt giũa, trau chuốt công phu. Tuy nhiên, do văn chương mang phong cách điền nhã, nên không tránh khỏi việc sử dụng điển cố và thành ngữ Hán. Truyện Nôm bình dân phần nhiều do tầng lớp trí thức bình dân sáng tác. Họ là những ông đồ quê, những hàn sĩ dở dở đường công danh, những nghệ nhân tuy chữ nghĩa chẳng có là bao nhưng sống gần gũi với quần chúng nhân dân lao động, những người nông dân và những người thợ thủ công. Vì vậy, ngôn ngữ tác phẩm của họ thường bình dị, mộc mạc, ít dùng điển cố và từ Hán hoặc có dùng đó là những điển, những từ đã được Việt hóa, hoặc đã khá quen thuộc trong thơ ca dân gian.

1.2. Một số vấn đề về tác gia Nguyễn Đình Chiểu

1.2.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

Nguyễn Đình Chiểu, tục gọi Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, sau khi bị mù lại có hiệu Hối Trai, sinh giờ Dậu, ngày Bính Tuất, mười ba tháng năm, năm Nhâm Ngọ (1822) ở làng Tân Khánh, tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (làng tổng ấy thuộc về Sài Gòn ngày nay) và mất ngày Ất Hợi, hai mươi bốn tháng năm, năm Mậu Tý (1888) ở làng An Đức, tổng Bảo An, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre (xưa là làng An Bình Đông, huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị, tỉnh Vĩnh Long).

Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho lớp dưới, sống và lớn lên trong một cơn quốc biến, gia vong. Cha của Nguyễn Đình Chiểu cũng học chữ nho nhưng không đỗ đạt gì nên ông đi vào Gia Định làm thơ lại cho quan tổng trấn Lê Văn Duyệt. Tại đây, ông lấy bà Trương Thị Thiệt sinh ra bảy người con. Nguyễn Đình Chiểu là con đầu lòng.

Từ nhỏ đến năm mười một, mười hai tuổi Nguyễn Đình Chiểu được sống và học tập có nề nếp bên cạnh bà mẹ hiền. Ông thường được mẹ kể cho nghe nhiều chuyện cổ dân gian và được theo mẹ đi xem hát ở vườn ông Thượng. Qua đó, mẹ bắt đầu giáo dục ông về những điều thiện, ác, chính tà, nhân nghĩa. Ông lại được theo học một ông đồ ở làng vốn là học trò của Võ Trường Toản. Việc nuôi dạy của người mẹ và giáo dục của người thầy có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành tư tưởng sau này của ông.

Chưa được hưởng một tuổi thơ trọn vẹn thì cái chết của tả quân Lê Văn Duyệt đã dẫn đến nhiều tai biến cho đất nước và gia đình ông.

Năm 1833, con nuôi Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi nổi lên trống triều đình đánh chiếm Gia Định lúc đó Nguyễn Đình Chiểu mới 12 tuổi. Cha ông vừa bị cách chức thấy tình cảnh đất nước rối ren đã đưa ông về Huế gửi vào gia đình một người bạn cũ làm quan Thái Phó, hàng ngày vừa lo việc điều đãi hầu hạ, vừa học tập.

Năm 1840, ông trở về Nam và 3 năm sau (1843) ông đỗ tú tài. Có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông.

Đến năm 1847, ông trở ra Huế để chuẩn bị dự kỳ thi Hương năm Kỷ Dậu (1849) ngày thi vừa đến thì nghe tin mẹ mất. Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi về Nam chịu tang mẹ, trên đường về vì quá khóc thương mẹ ông bị mắc chứng đau mắt. Ông phải xin trọ tại nhà một người thầy thuốc dòng ngự y ở Quảng Nam để chữa bệnh. Nhưng vì bệnh quá nặng đôi mắt của ông từ đây vĩnh viễn không nhìn thấy được nữa.

Mẹ mất lại mù cả hai mắt hơn thế nữa vợ hôn thê lại bội ước. Ông suy nghĩ về cuộc đời, về con người nhưng không vì thế mà ông ngã gục. Trong thời gian này ông bắt đầu học nghề thuốc, học cốt để cứu người chứ không phải vì nghề sinh sống, không vì danh lợi:

“Đứa ăn mày cũng trời sinh,

Bệnh còn cứu được, thuốc dành cho không”

(Ngư tiều y thuật vấn đáp)

Nguyễn Đình Chiểu ngoài ba mươi tuổi vẫn chưa lập gia đình. Có một học trò là Lê Tăng Quýnh vì cảm thông với hoàn cảnh của thầy nên đã xin gia đình gả cô em gái thứ năm của mình cho thầy. Từ đây cuộc sống của ông đã bớt nỗi cô đơn. Gần ngót chục năm, ông dạy học và bốc thuốc cứu người sống trong tình thương yêu, quý trọng của nhân dân và môn sinh của mình. Trong thời gian này ông sáng tác *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định. Nguyễn Đình Chiểu phải bỏ Gia Định chạy về quê vợ ở Cần Giuộc.

Năm 1861, thực dân Pháp đánh Cần Giuộc ông phải lánh nạn sang Ba Tri thuộc tỉnh Bến Tre. Cũng từ đây cuộc đời của ông bước sang trang mới để bắt đầu ghi lại những sự kiện oai hùng của đất nước chống ngoại xâm. Bài

Chạy giặc ra đời ghi lại sự kiện sông Bến Nghé mở đầu cho đời thơ yêu nước của Đồ Chiểu. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được ông viết năm 1861 đã bày tỏ niềm xót thương vô hạn đối với những người chiến sĩ nông dân, ca ngợi tinh thần chiến đấu dũng cảm của họ. Qua đây, Nguyễn Đình Chiểu cũng tỏ rõ quan điểm đánh Pháp, chống Pháp của mình.

Ông trở thành tham mưu của chủ tướng Trương Định. Nguyễn Đình Chiểu là đầu mối lôi kéo kêu gọi quần chúng nhân dân đi theo cách mạng. *Mười hai bài thơ và Văn tế Trương Định* viết năm 1864 sau khi Trương Định hy sinh trong một trận tấn công bất ngờ của thực dân Pháp. *Mười hai bài thơ điệu Phan Tông* được ông sáng tác năm 1868 khi Phan Tông hy sinh ở gần nơi nhà thơ sống.

Triều đình phong kiến đầu hàng giặc, lần lượt cắt ba tỉnh miền Đông nam kỳ, miền Tây nam kỳ dâng cho thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu của dân nhân Nam kỳ lần lượt bị nhân chìm trong bể máu, Nguyễn Đình Chiểu viết bài *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* (1874).

Ngoài ra ông còn viết *Hịch đánh chuột*, *Hịch đánh Tây* (chưa xác định được thời điểm sáng tác). Đối với tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* trước đây ông chỉnh đốn lại cho hợp với thời cuộc. Tác phẩm dài *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* chủ yếu nói về các phương thuốc nhưng tràn đầy tinh thần yêu nước cũng được viết ra trong thời gian này.

Đau buồn trước cảnh nước mất nhà tan lại mang trọng bệnh, Nguyễn Đình Chiểu đã từ trần ngày 3-7-1888.

Giáo sư Nguyễn Đình Chú đã rất sâu sắc khi tổng kết con người Nguyễn Đình Chiểu “*Trong một Đồ Chiểu có ba con người đáng quý: một nhà giáo mẫu mực, đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, một thầy lang lấy việc chăm lo sức khỏe cho nhân dân làm y đức, một nhà văn coi trọng chức năng giáo huấn của văn học*”[4, tr.24].

1.2.2. Quan niệm văn chương

Nguyễn Đình Chiểu là một trong số ít các nhà văn trung đại Việt Nam thể hiện quan niệm nghệ thuật khá rõ ràng, ổn định xuyên suốt trong các sáng tác văn thơ của mình. Ông luôn đề cao nội dung đạo đức trong thơ văn. Vậy nên văn chương của Đồ Chiểu không có loại thuần túy giải sầu mà luôn có mục đích, có đối tượng cụ thể. Ông ý thức rõ ràng về thiên chức của người cầm bút và chức năng của văn chương nghệ thuật:

*“Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”*

(Dương Tử - Hà Mậu)

Đó là hai câu thơ mang tính chất cương lĩnh tóm gọn toàn bộ cuộc đời sáng tác văn chương của Đồ Chiểu. Thực ra quan điểm dùng văn chương để chở đạo giúp ích cho đời không phải đến Nguyễn Đình Chiểu mới có. Nhưng phải đến Nguyễn Đình Chiểu quan điểm đó mới được nhận thức một cách tự giác hơn và đặc biệt là được thực thi một cách triệt để và bền bỉ. Hình ảnh con thuyền “chở đạo” là sự diễn đạt mệnh đề “văn dĩ tải đạo” của Nho gia. Nguyễn Đình Chiểu ví văn chương như con thuyền chở bao nhiêu đạo lí vẫn không “khẳm” (đầy). “Đạo” ở đây là đạo lí, là cái “tâm”, cái “đức”, cái “đạo làm người”. Đạo đức nho gia với “tam cương”, “ngũ thường”, “tam tông”, “tứ đức”.... đi vào thơ văn Đồ Chiểu với một màu sắc mới làm mất đi vẻ khô hạn, cứng nhắc vốn có của đạo đức phong kiến. Đồng thời với việc “chở đạo”, theo Đồ Chiểu thơ văn cũng phải có khả năng “đâm gian”. “Thằng gian” ở đây là chỉ tất cả những cái xấu, cái ác đối lập với những gì tốt đẹp, lành mạnh trên đời. Nguyễn Đình Chiểu yêu cầu văn chương phải có tinh thần chiến đấu cao, chiến đấu vì chính nghĩa, chiến đấu không mệt mỏi cho lẽ phải. Dù kẻ thù có gian ác đến đâu thì ngòi bút cũng phải vững vàng không để thế lực kẻ thù bẻ cong ngòi bút của mình. Quan niệm dùng văn chương làm vũ khí chiến đấu của Đồ Chiểu là sự kế thừa tinh thần "văn bút tảo thiên quân chi

trận" (văn chương phải có thể trận đuổi nghìn quân giặc – Trần Thái Tông) của cha ông ta. Nhưng quan niệm văn chương theo Nguyễn Đình Chiểu không đơn thuần là trừ gian, diệt ác mà quan trọng hơn là "chở đạo" bảo vệ đạo lý. Quan điểm sáng tác của ông không chỉ có giá trị đương thời mà nó còn phù hợp với thời đại sau bởi tính đúng đắn và tiến bộ trong đó:

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(Hồ Chí Minh)

Không chỉ có quan điểm sáng tác đúng đắn về mặt nội dung tư tưởng, Nguyễn Đình Chiểu còn coi trọng giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn học. Ông luôn đề cao vẻ đẹp của văn chương. Ông cho rằng văn chương là phạm trù của cái đẹp. Ông đã ví thơ như gấm thêu, vóc dẹt; như rồng bay, phượng múa:

“Văn đà khởi phụng đằng giao”

(Lục Vân Tiên)

Nguyễn Đình Chiểu cũng phân biệt giữa lời nói và lời văn:

*“Nói ra vàng đá chẳng xao
Văn ra dấy phụng, rời giao tung bồng”*
(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Đặc biệt, cái hay cái đẹp của tác phẩm văn học theo quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu phải được bắt nguồn từ đạo đức truyền thống và được thể hiện bằng lời văn và đó là thứ văn chương đích thực vượt lên mọi sự sáo mòn và những quy định gò bó:

*“Dẫn rằng nào phải trường thi
Ra đề vận hạn nhiều khi buộc ràng
Trượng phu có chí ngang tàng
Rộng cho phóng tứ làm bàn thi tiên”*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Nguyễn Đình Chiểu quan niệm, sáng tác văn chương không phải là công việc duy ở chốn trường thi với những quy định gò bó. Khi những quy định những chuẩn mực cũ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp thì phải vượt qua nó để đem đến cho văn chương một sức sống mới. Đây là nhận thức tiến bộ của một nhà nho vốn bị khuôn định trong nền tri thức văn hóa chữ Hán, nhất là sự ảnh hưởng của Tống nho.

Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút là một thiên chức. Ông quý trọng chức trách của mình thế nào thì ông lại càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc bất nghĩa chừng ấy:

*“Thấy nay cũng nhóm văn chương
Vóc dê da cọp khôn lường thực hư”*

Nhờ có một quan niệm nghệ thuật tương đối có hệ thống, tiến bộ nên Nguyễn Đình Chiểu đã đạt được những thành công lớn trong lĩnh vực nghệ thuật. Ông trở thành nhà văn đạo đức trữ tình xuất sắc nhất Việt Nam.

1.3. Đôi nét về văn bản truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

Trong cuộc đời sáng tác của mình, Nguyễn Đình Chiểu để lại ba truyện Nôm dài viết theo thể lục bát là: truyện *Lục Vân Tiên* dài 2082 câu, *Dương Từ - Hà Mậu* dài 3456 câu và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* dài 3642 câu.

Lục Vân Tiên là tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trước ngày thực dân Pháp đánh vào Nam Bộ những năm 50 của thế kỷ XIX. Tác phẩm là truyện thơ Nôm đầu tay của Đồ Chiểu. Thông qua những nhân vật lý tưởng như: Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Tử Trực, Tiểu đồng... và những người lao động giàu lòng nhân nghĩa như vợ chồng ông Ngư, ông Tiều, Đồ Chiểu lên tiếng đề cao ca ngợi chính nghĩa đồng thời phê phán những điều bất nhân bất nghĩa.

Hiện nay, có rất nhiều bản in *Lục Vân Tiên* bằng chữ Nôm và trên 20 bản in bằng chữ quốc ngữ (theo thống kê của nhóm tác giả nghiên cứu văn học Lê Quý Đôn, “*Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam*”, Hà Nội, 1957, tr.283).

Văn bản được chúng tôi dùng để nghiên cứu và tìm hiểu là văn bản *Lục Vân Tiên* in trong cuốn “*Lục Vân Tiên tác phẩm và lời bình*” của Nxb Văn học năm 2008.

Dương Từ - Hà Mậu là truyện thơ Nôm thứ hai của Nguyễn Đình Chiểu sau truyện *Lục Vân Tiên*. Tập truyện dài 3456 câu thơ lục bát với 33 bài thơ, câu đối, văn tế khác nhau. Nguyễn Đình Chiểu soạn *Dương Từ - Hà Mậu* từ những năm 1951 và hoàn chỉnh vào những năm trước khi thành Gia Định rơi vào tay thực dân Pháp. Qua hai nhân vật chính của truyện là Dương Từ và Hà Mậu trên con đường tìm đạo, Đồ Chiểu lên án, đả kích mạnh mẽ bọn tín đồ Thiên chúa giáo, Phật giáo uơ hèn, vô trách nhiệm, mất hết mọi liên hệ với nhân dân, với những truyền thống đạo đức của dân tộc mà làm những điều cần bậy.

Tác phẩm toát lên một tinh thần yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. Trước nguy cơ đổ vỡ cả nền tảng đạo đức cổ hữu do ý đồ của bọn xâm lược. Tác phẩm như lời kêu gọi mọi người trở về với chính đạo đồng thời nó cũng chỉ ra một chân lý sáng ngời là: phải biết tiếp thu những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà ông cho gọi là “chính đạo” để tu dưỡng nhằm mọi người đạt tới một sự thống nhất tư tưởng, biết yêu lẽ chính, ghét cái tà để hành động cho mọi sự tiến bộ của xã hội.

Cho đến nay có rất nhiều bản *Dương Từ - Hà Mậu* khác nhau: Theo nhóm tác giả trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập I* của Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội năm 1980 thì có đến 6 bản *Dương Từ - Hà Mậu*.

Các bản trước ngày giải phóng: đầu tiên phải kể đến là bản Nôm chép tay của ông Nhiêu Cơ và bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa. “*Theo bài của Nguyễn Văn Nghĩa đăng trên báo Việt Nam xuất bản tại Sài Gòn, số ra ngày 14 – 11- 1936 thì khi cụ Đồ Chiểu mù, ở tại Tân - thuận đông, tổng Dương – hòa hạ, trong hai ba năm, nơi nhà ông bạn, ở đấy muốn vui lòng ông bạn, luôn tiện để bênh vực đạo nho, cụ Đồ Chiểu đọc quyển Dương Từ - Hà Mậu cho ông nhiêu cơ chép*” [17, tr. 255].

Như vậy, theo như lời dẫn của Nguyễn Văn Nghĩa thì bản Nôm chép tay của ông Nhiêu Cơ được xem là bản gốc *Dương Từ - Hà Mậu*.

Sau đó là hàng loạt những bản *Dương Từ - Hà Mậu* khác đó là: bản của nhà xuất bản Tân Việt năm 1964 do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích. Bản Nôm của ông Hồ Văn Lân ở Cần Giuộc (chợ lớn) chưa rõ vào năm nào.

Sau ngày giải phóng có thêm ba bản *Dương Từ - Hà Mậu* đó là: bản quốc ngữ chép tay chưa rõ tác giả là ai, bản Nôm của ông Quách Đăng Vân và bản photocopie hai bản này thực ra chỉ là một.

Ở đề tài này chúng tôi sử dụng bản của Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội in trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập I* năm 1980. Vì đây là bản mà các tác giả trên cơ sở so sánh nhiều bản *Dương Từ - Hà Mậu* khác nhau khảo dị và hiệu đính lại cho phù hợp hơn.

Ngư Tiều y thuật vấn đáp là truyện Nôm cuối cùng của Đồ Chiểu tác phẩm được coi là “lệ ngôn” của ông. Tác phẩm gồm 3642 câu thơ lục bát và 21 bài thơ thuật chuyện Ngư, Tiều đi học thuốc để chữa bệnh cứu dân, mà cũng là tìm thầy học đạo cứu đời. Nguyễn Đình Chiểu mượn lời các nhân vật trong truyện để diễn tả ngay nỗi lòng của ông.

Cho đến nay chưa thể xác định được đâu là nguyên tác văn bản *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Theo thống kê của nhóm tác giả của Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội in trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập II* năm 1982 có tới 7 bản *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* khác nhau đó là các bản: bốn bản Nôm (bản của ông Huyện - hàm Sắc, bản của ông Nguyễn Đình Chiêm con trai cụ Đồ Chiểu, bản của ông Nguyễn Văn Tri, bản của ông Huyện - hàm Đức), ba bản chữ quốc ngữ (bản Tân Việt xuất bản 1952 do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, bản của Nxb Văn hóa năm 1957, bản của Nxb Văn học 1963).

Ở đề tài này chúng tôi sử dụng bản của Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội in trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập II* năm 1982. Vì đây là bản được nhóm tác giả của nhà xuất bản sau khi tham khảo nhiều bản khác nhau mà bổ sung và sửa chữa lại cho hợp lý.

Tóm lại qua việc tìm hiểu văn bản truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu chúng tôi nhận thấy:

Khó có thể tìm ra được đâu là bản chính của ba truyện Nôm. Bởi Đồ Chiểu sáng tác các tác phẩm của mình trong điều kiện mù lòa nên ông phải đọc cho người khác chép. Mà những tác phẩm dài như ba truyện Nôm này thì có lẽ không thể đọc chép một lần mà phải đọc chép nhiều lần mới xong được. Hơn nữa "*Cũng như Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp không được phổ biến theo lối truyền khẩu, mà chỉ được sao chép truyền tay nhau đọc, bản sau chép theo bản trước*" [18, tr. 101]. Chính vì vậy mà giữa các bản chép ắt hẳn sẽ có những dị biệt. "*Tuy nhiên nó không quá lớn để làm ảnh hưởng đến nội dung của tác phẩm mà chỉ có một ít sai biệt nhỏ về một số từ ngữ chiếm một tỷ lệ không đáng kể*" [18, tr.101].

Tác phẩm Lục Vân Tiên ngay từ khi mới ra đời đã được đông đảo quần chúng đón nhận. Vì được lưu truyền bằng phương thức "kể là chính" nên chắc chắn sẽ có những sai lệch. Vì vậy ngay cả đến tình trạng văn bản của nó cũng không thuần nhất. Bằng chứng là có rất nhiều bản Lục Vân Tiên như đã dẫn ở trên.

Một điều cần lưu ý nữa là "Về phần hoàn cảnh xã hội liên quan đến việc bảo quản tác phẩm ở gia đình tác giả có hai sự kiện đáng lưu ý: thứ nhất đó là đám cháy thiêu rụi ngôi nhà mà Nguyễn Đình Chiểu ở làng An Bình Đông (Ba Tri) chỉ vài tháng sau khi ông mất, thứ hai là trận bão lụt năm 1904" [18, tr.548]. Trận bão đã cướp đi một phần sách vở của ông.

Một nhân tố cũng cần phải lưu tâm đến trong công tác nghiên cứu văn bản của Đồ Chiểu đó là: tình trạng chữ quốc ngữ lúc mới bắt đầu phổ biến có nhiều chỗ không chính xác, do phát âm không đúng, do người sử dụng chưa quen.

Tất cả lý do trên lại càng làm cho công tác nghiên cứu, bảo quản và lưu truyền tác phẩm của Đồ Chiểu thêm phần khó khăn.

** Tiểu kết chương 1*

Qua việc tìm hiểu và nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến truyện Nôm chúng tôi nhận thấy: Truyện Nôm là thể loại dùng ngôn ngữ dân tộc – chữ Nôm để sáng tác. Truyện Nôm được hình thành và phát triển trong bốn thế kỷ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX trên cơ sở những tiền đề về lịch sử, kinh tế, văn hóa – xã hội của dân tộc. Truyện Nôm thường được chia làm hai loại: truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học. Truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu mang dáng dấp riêng vừa bình dân vừa bác học trên phương diện nội dung cũng như nghệ thuật so với các truyện Nôm khác thời trung đại.

Song song với việc tìm hiểu những vấn đề về lý luận, chúng tôi chú trọng đến những vấn đề thực tiễn. Tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác, quan điểm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi nhận thấy: Đồ Chiểu là người giàu nghị lực, một tấm gương sáng ngời về đạo đức suốt đời gắn bó và chiến đấu không mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi của dân tộc, đất nước. Ông sáng tác ở nhiều thể loại và thể loại nào cũng gặt hái được những thành công nhất định. Riêng ở thể loại truyện Nôm, với ba truyện Nôm dài ông được coi là cây bút có bút lực dồi dào ở thể loại này mà không có một tác gia trung đại nào sánh kịp. Về văn chương: do có quan niệm nghệ thuật đúng đắn và tiến bộ nên Đồ Chiểu đã thực hiện thành công lý tưởng "chở đạo thâm gian". Ông trở thành ngọn cờ đầu của văn chương yêu nước thời kỳ đầu Pháp thuộc.

Tìm hiểu những vấn đề về văn bản ba truyện Nôm của Đồ Chiểu. Những vấn đề còn khúc mắc, tồn tại xung quanh ba truyện Nôm của Đồ Chiểu đã bước đầu được tái hiện đầy đủ và có hệ thống làm tiền đề để nghiên cứu những vấn đề về nội dung và nghệ thuật trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Tất cả những vấn đề về lý luận và thực tiễn trên đây là những tiền đề không thể thiếu để chúng tôi tiếp tục tiến hành nghiên cứu và triển khai các chương sau của đề tài.

Chương 2:
ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG TRONG TRUYỆN NÔM
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

2.1. Đề tài

Đề tài là một phương diện quan trọng của nội dung tác phẩm văn học. Đề tài là đối tượng đã được nhận thức, kết quả lựa chọn của nhà văn. Đề tài là sự khái quát về phạm vi xã hội, lịch sử của đời sống được phản ánh trong tác phẩm. Đề tài trong tác phẩm văn học gắn với hiện thực khách quan và do lập trường tư tưởng, vốn sống nhà văn quy định. Đề tài là cơ sở để nhà văn khái quát những chủ đề và xây dựng những hình tượng.

Về cơ bản truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu nổi lên hai đề tài lớn là: đề tài hiện thực cuộc sống và đề tài mang tính tự truyện – những yếu tố trong cuộc đời nhà văn.

2.1.1. Đề tài hiện thực đời sống

Trong văn học trung đại phần lớn các truyện Nôm thường lấy đề tài từ những cốt truyện trong kho tàng truyện cổ của Trung Quốc (chẳng hạn như trường hợp của truyện *Hoa Tiên* và *Truyện Kiều*. *Hoa Tiên* được Nguyễn Huy Tụ phóng tác dựa theo một ca bản Trung Quốc có tên *Đệ bát tài tử Hoa Tiên ký*. Nguyễn Du sáng tạo nên *Truyện Kiều* dựa theo tác phẩm cổ của Trung Quốc có tên là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân.) và truyện cổ dân gian (các truyện *Thạch Sanh*, *Thoại Khanh – Châu Tuấn*, *Phạm Tải – Ngọc Hoa*, *Tống Trân – Cúc Hoa*..).

Giống như một số tác gia truyện Nôm khác thời trung đại. Nguyễn Đình Chiểu lấy đề tài từ cuộc sống hiện thực, xã hội – lịch sử của đất nước đó là hình ảnh của vùng quê Nam Bộ thân yêu nơi nhà thơ sinh ra và lớn lên. Mặc dù theo lời tác giả thì ba truyện Nôm đều là chuyện xưa kể lại:

*Trước đèn xem truyện Tây Minh,
Gã cười hai chữ nhờn tình éo le.*

(Lục Vân Tiên)

*Coi rồi chuyện cũ chur gia,
Lòng vì đạo học chép ra để đời.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

*Ngày nhàn xem truyện Tam công,
Thương người hiền sĩ sanh không gặp thời.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Nhưng thực ra đó là sản phẩm do nhà văn sáng tạo ra. Dường như hiện thực cuộc sống muôn màu sẽ là nơi cung cấp một nguồn đề tài phong phú và đa dạng cho ông. Đúng như lời nhận xét của Thanh Lãng: "*Đối với văn học nước nhà, Nguyễn Đình Chiểu đã hoàn tất cuộc cách mạng mà Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát mới bắt đầu nhóm lên; tức là đưa vào văn chương những kết quả của sự quan sát thực tế đương thời, chứ không phải làm văn một cách bông lông, tưởng tượng với những đề tài lựa lựa đâu trong sách Tàu*" [22, tr.117].

Những tên đất, tên sông hay những cây cầu ở vùng Nam Bộ được Đồ Chiểu nhắc đến trong truyện Lục Vân Tiên:

*- Có người ở quận **Đông Thành**,
Tu nhờn tích đức sớm sanh con hiền.
- Vân Tiên chi xiết nổi sâu,
Tiểu đồng dìu dắt qua cầu **Lá Buôn**.*

Vùng Nam Bộ không có một địa danh nào có tên Đông Thành mà ở đây "quận Đông Thành" là tên đất tác giả tự đặt ra, chắc ít nhiều có ngụ ý tới các tên sông Đông Thành ở An Giang, Châu Đốc và Đông Phở, tên cũ thành Gia Định, để chỉ chung cả một địa phương Nam Bộ.

Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, thì đường cái qua từ Phú Xuân (Huế) vào Gia Định có đi qua cái rạch Lá Buôn và cầu Lá Buôn. Cây cầu này hiện nay thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Phải chăng trước đây trên đường lên kinh ứng thí Đồ Chiểu cũng đi qua cây cầu này.

Đồ Chiểu là người khá am hiểu về địa lý Nam Bộ. Những chi tiết về khí hậu, gió mùa cũng được ông phản ánh trong truyện Nôm của mình. Khi Vân Tiên từ già cha mẹ lên đường đi thi ngay lúc mùa nắng ở Đồng Nai, gió chướng xoay hướng thổi ngọn từ biển vào bờ:

*Ra đi tách rặm băng chùng,
Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.*

Chính ngọn gió nam tạo ra không khí đặc biệt của miền nhiệt đới Đồng Nai có mưa dầm nắng gắt.

Trong *Dương Từ - Hà Mậu* có những câu hát của mục đồng:

*Chẳng phải trời Nghiêu bóng chiều ngao ngán,
Trời đã tối rồi chờ sáng cũng lâu.*

Của người tắm suối:

*Tắm nước trong tâm lòng đã sạch,
Cảm thương người là khách trần ai.*

Hay người hái dâu:

*Cành dâu khâm cây trâm cài đóng,
Buổi sang giàu dù vống thiếu chi.*

Những câu hát đó, phảng phất những câu hò mái đẩy, hò già gạo của Huế - quê nội ông – nơi sản sinh biết bao câu hò mang nặng nỗi niềm mất nước của dân tộc ngay từ buổi đầu tiếp xúc với quân xâm lược:

*Mưa như mưa trên trời mưa xuống
Gió như gió ngoài Hà Nội thổi vô
Kể từ ngày thất thủ Kinh đô
Ông Tây qua giảng giây thép họa địa đồ nước Nam...*

Đồng thời những câu hát đó mang hơi thở của ca dao miền Nam quê mẹ:

*Khoan khoan bớ chị hái dâu,
Chị đừng ngắt đọt để dâu lên chồi.
Thôi thôi tôi đã ngắt rồi,
Còn da nó mọc, còn chồi nó lên.*

Phong tục tập quán của nhân dân Nam Bộ cũng hiện lên trong truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu. Cảnh sinh hoạt của mẹ con Đỗ thị cũng không khác là mấy so với cảnh sinh hoạt của người nghèo ở nông thôn xưa:

*Họ Dương từ thuở ly hương,
Một mình Đỗ thị nấu nướng quê nhà.
Hai con thuở mới lên ba,
Đến khi năm tuổi trong nhà nghèo thêm.
Đỗ nương canh cửi nghề êm,
Bữa đi dệt mướn còn hiêm kiếm ăn.
Dương Trân, Dương Bửu hai thằng,
Tuổi thơ còn bé nhọc nhằn xiết bao.
Bà con nội ngoại lãng xao,
Quan tiền chén gạo người nào giúp đâu.
Anh em nay vững mai bà,
Hái dâu câu cá nuôi nhau năm dài...*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Cuộc sống của người dân thôn quê với những nghề truyền thống: trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải....là một nét đặc trưng trong văn hóa của người Việt xưa. Họ sống hòa hợp với thiên nhiên, chủ yếu dựa vào thiên nhiên. Những sản vật của thiên nhiên như: chim muông, cỏ cây, sản vật...được họ tận dụng tối đa trong bữa ăn của mình. Do điều kiện địa lý đặc thù nhiều sông ngòi kênh rạch, nên hoạt động sản xuất của người dân Nam Bộ chủ yếu sống dựa

vào thiên nhiên sông nước. Có lẽ không thể tìm thấy ở một miền quê nào trên đất nước ta ngoài vùng Nam Bộ những khung cảnh sinh hoạt với những "chích", "đầm", những "doi", "vũng"... Khung cảnh sinh hoạt sông nước là nét đặc trưng của người dân Nam Bộ.

Những địa danh, những phong tục tập quán trong sinh hoạt nhân dân Nam Bộ hiện lên rõ nét trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu. Tất cả làm nên bức tranh hiện thực phong phú và sinh động của con người nơi đây. Đó cũng chính là lý do làm cho truyện Nôm của Đồ Chiểu dễ dàng đi vào với cuộc sống của quảng đại quần chúng và được nhân dân Nam Bộ đặc biệt yêu thích, trân trọng.

2.1.2. Đề tài mang tính tự truyện

Truyện Nôm của Đồ Chiểu không những tái hiện hiện thực cuộc sống của nhân dân Nam Bộ mà bóng dáng Đồ Chiểu cũng in dấu trong đó.

Trước hết là những chi tiết trùng hợp. Trong truyện *Lục Vân Tiên* có nhiều chi tiết đời thực của Nguyễn Đình Chiểu giống với nhân vật Lục Vân Tiên. Vân Tiên cũng không khác gì Nguyễn Đình Chiểu lúc vào đời đầy hăm hở và khát vọng, cũng lên kinh ứng thí cũng muốn lập thân bằng con đường khoa cử:

*Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo bổ sau là hiển vang.*

Năm 1840, sau một thời gian ở Huế học nhờ một người bạn cũ của cha Nguyễn Đình Chiểu trở về Nam. Đến năm 1843, ông đỗ tú tài có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông. Vân Tiên trong truyện *Lục Vân Tiên* cũng có vị hôn thê là con gái gia đình nhà Võ Công.

Năm 1847, ông trở ra Huế để chuẩn bị dự kỳ thi hương nhưng nào ngờ ngày thi vừa đến thì nghe tin mẹ mất. Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi về chịu tang mẹ. Thật là:

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân.

Ông đau đớn xót xa, than khóc. Nỗi đau xót của Lục Vân Tiên mất mẹ mà sau này ông miêu tả phải chăng cũng chính là nỗi đau xót của bản thân ông:

*Hai hàng lụy ngọc nhỏ sa,
Trời Nam đất Bắc xót xa đoạn trường*

....

*Hai hàng lụy ngọc rờn rờn
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Cánh bướm bao quản gió xiêu
Ngàn trùng biển rộng chín chiu ruột đau.
Thương thay chín chữ cù lao,
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.*

Trên đường về Nam chịu tang mẹ dọc đường vì quá vất vả, lại ngày đêm thương khóc mẹ, ông sinh bệnh và bị đau mắt nặng dẫn đến mù cả hai mắt. Ánh sáng của đôi mắt mất đi cũng đồng nghĩa với việc con đường công danh đóng sập trước mắt ông:

*Tiền răng: khô héo lá gan,
Ôi thôi đôi mắt đã mang lầy sâu.
Mịt mù nào thấy chi đâu,*

...

*Có thân phải khổ với thân,
Thân ơi thân biết mấy lần chẳng may.*

Từ đây sống trong cảnh mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu không thể đọc sách và viết văn được nữa. Gia đình nhà giàu trước đây hứa gả con gái cho ông nay đã bội ước. Chàng Lục Vân Tiên cũng bị gia đình nhà Võ Công bội ước.

Năm 1851, Nguyễn Đình Chiểu mất mẹ. Ông mở trường dạy học và làm thuốc chữa bệnh cho đồng bào. Đồ Chiểu đã ngoài 30 tuổi mà vẫn chưa lập gia đình. Có một học trò vì mến mộ và cảm thông với cảnh neo đơn của thầy đã xin bố mẹ gả em gái của mình cho ông. Cô năm Điền đã trở thành người vợ hiền của Nguyễn Đình Chiểu. Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga thủy chung, son sắc với chàng họ Lục có lẽ cũng ít nhiều có nét tương đồng với hình ảnh người vợ hiền tần tảo, thủy chung của Đồ Chiểu ngoài đời:

*Trăm năm thề chẳng lòng phàm,
Sông Ngân đưa bạn cầu Lam rước người.
Thân con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi.*

Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* nhân vật chính trong truyện là Kỳ Nhân Sư cũng mang bóng dáng của cụ Đồ Chiểu. Giống như Đồ Chiểu ngoài đời Kỳ Nhân Sư trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là nhân vật mù. Tuy nhiên, nếu việc mất đi ánh sáng đôi mắt của Đồ Chiểu do tai ương, tật bệnh gây nên thì Kỳ Nhân Sư trong tác phẩm tự mình xông mắt cho mù không chịu làm ngự y cho giặc Liêu:

*Thà cho trước mắt mù mù
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.*

Hành động thà đui mù chứ không chịu hợp tác với kẻ thù, sống trong sạch, làm thuốc cứu người của Nhân Sư làm gợi nhớ đến hình ảnh Đồ Chiểu ngoài đời. Theo sử sách cũ còn ghi lại, Đồ Chiểu là người được nhân dân yêu mến và tín nhiệm. Biết được điều đó, thực dân Pháp nhiều lần tìm cách mua chuộc ông. Chúng dùng tiền bạc mua chuộc ông không nhận. Chúng bày tỏ việc muốn trả lại đất đai, ruộng vườn của ông nơi quê nhà, ông trả lời dứt khoát, thẳng thắn: "*đất vua không ai trả, đất tôi còn sá kể gì!*" [22, tr.113].

Ngoài những chi tiết trùng hợp có nhiều chi tiết tự thuật được Nguyễn Đình Chiểu nâng lên thành những điển hình khái quát thông qua một số nhân vật trong ba truyện Nôm của ông.

Đồ Chiểu là người coi trọng tình thầy trò. Hình ảnh người thầy trong ba truyện Nôm đều được ông miêu tả là những người danh tiếng, tài giỏi, rất nhiều học trò và ai ai cũng kính nể. Thầy là người dạy cho học trò biết lễ chính, tà:

*Đạo trời nào phải có đâu xa,
Gội tắm lòng người há thấy ra.
Theo nghĩa ai đành làm phản nước,
Có nhân đâu nỡ bỏ tình nhà.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Trong cuộc sống đời thường ông luôn bày tỏ thái độ yêu mến, kính trọng đối với người thầy của mình. Bằng chứng là sau khi thầy mất Nguyễn Đình Chiểu vẫn thường hay cúng giỗ thầy. Trong truyện *Lục Vân Tiên* tình thầy trò cũng rất chân thành, sâu sắc. Vì vậy, khi phải từ biệt thầy lên kinh ứng thí bước chân Vân Tiên đã ngập ngừng, thương nhớ:

*Ra đi vừa rặng chơn trời,
Ngùi ngùi ngó lại nhớ nơi học đường.*

Nguyễn Đình Chiểu là một thầy giáo được học trò rất yêu mến và kính trọng. Suy nghĩ của những học trò về Kỳ Nhân Sư trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* phải chăng cũng là suy nghĩ của những thế hệ học trò về Đồ Chiểu:

*Tiều rằng: Chử gọi Nhân Sư,
Tiên hay là phật bậc gì công phu ?
Ngư rằng: Vốn thiệt thày nhu,
Lòng cưu gắm nhiều lại giàu lược thao.
Nói ra vàng đá chẳng xao,*

*Văn ra dấy phụng rời giao tung bình.
Trong mình đủ việc kinh luân,
Thêm trau đạo đức mười phân rõ ràng.
Chẳng may gặp thuở nước loạn,
Thương câu dân mặc về đàng Y – lâm.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Đáp lại những tình cảm của học trò với mình, người thầy trong truyện Nôm của Đồ Chiểu cũng là những người rất yêu thương học trò:

*Tiên rằng: "Thiên các nhứt phương,
Thầy đeo đoạn thảm tơ vương mối sầu.
Quản bao thân trẻ dãi dầu,
Mang đai Tử Lộ quấy bầu Nhan Uyên.*

Có lẽ những tình cảm của thầy dành cho Vân Tiên cũng chính là những tình cảm mà Đồ Chiểu dành cho những học trò của mình.

Trong kho tàng truyện Nôm của dân tộc, Đồ Chiểu không phải là người đầu tiên mang những yếu tố cuộc đời mình vào trong tác phẩm. Trước đó nhà văn Phạm Thái đã đem cả mối tình của mình ký thác vào trong *Sơ kính tân trang*. Cả hai nhân vật trong truyện là Phạm Kim và Trương Quỳnh Thu đều được lấy từ nguyên mẫu của ông và người tình của mình là Trương Quỳnh Như. Tuy nhiên, tính tự truyện ở đây chỉ gửi gắm trong một nhân vật là Phạm Kim. Nhưng chỉ đến Đồ Chiểu tính tự truyện mới được đề cao, mang nhiều yếu tố đậm đặc bởi được biểu hiện ở nhiều nhân vật. Phong thái ông Ngư, ông Tiều trong *Lục Vân Tiên* là đức thanh khiết, lòng nhân đạo cao cả trong con người Đồ Chiểu. Nhiều lần, truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu xuất hiện những vần thơ thể hiện lòng yêu thương quý trọng con người:

*Ăn mày cũng đũa trời sinh,
Bịnh còn cứu được thuốc dành cho không.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Ông đau xót trước thực tế đất nước dưới ách nô nê của thực dân Pháp. Quyết tâm ôm tài giấu tiếng đi cứu nước bằng nghề y của Mộng Thê Triền, Bào Tử Phục trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cũng chính là con đường Đồ Chiểu đã đi. Như vậy xét về tính tự truyện thì trong truyện Nôm của Đồ Chiểu được mở rộng hơn.

Tóm lại, giống như một số tác giả truyện Nôm trong văn học trung đại, đề tài trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu được lấy từ hiện thực cuộc sống xã hội, lịch sử (Ví dụ truyện *Chúa Thao cổ truyện* lấy hiện thực cuộc chiến tranh Trịnh – Mạc khoảng những năm đầu thế kỷ XVII, khi nhà Mạc bị thua rút lên Cao Bằng). Việc Nguyễn Đình Chiểu đưa hiện thực cuộc sống đất và người Nam Bộ vào trong truyện Nôm làm nên nét riêng trong nguồn đề tài truyện Nôm của Đồ Chiểu. Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần mang đến một mảng đề tài mới – đề tài viết về cuộc sống của người dân vùng Nam Bộ trong ba nguồn đề tài phong phú của truyện Nôm. Đặc biệt, nguồn đề tài mang tính tự truyện rất ít có trong văn học trung đại đã được ông triển khai lên một bước tiến mới. Một số nhân vật trong ba truyện Nôm của ông đều ít nhiều mang dáng dấp Đồ Chiểu. Đây là một đặc điểm mang tính hệ thống trong ba truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu so với các tác gia trung đại khác.

2.2. Chủ đề

Chủ đề là vấn đề chủ yếu, trung tâm, là phương diện chính yếu của đề tài. Nói cách khác, chủ đề là những vấn đề quan trọng nhất được nhà văn tập trung soi rọi, tô đậm, nêu lên trong tác phẩm .

Khi nghiên cứu sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả Hà Huy Giáp trong bài viết: “*Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn yêu nước, chống xâm lăng, một tâm hồn vàng vạc nhân nghĩa, một tấm gương kiên trung và bất khuất.*” có nhận xét: “*Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu toát*

*lên một tư tưởng nhân nghĩa lớn, bao trùm quan hệ xã hội, nhưng cốt lõi là tình yêu nước thương dân sâu sắc” [22, tr.126]. Đề cao đạo lý dân tộc và chủ nghĩa yêu nước là hai chủ đề lớn xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Đồ Chiểu. Nếu như ở giai đoạn một *Lục Vân Tiên* là tác phẩm ca đề cao đạo lý dân tộc thì sang giai đoạn hai *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là hai truyện Nôm mang chủ đề yêu nước, đồng thời thể hiện được cảm xúc mãnh liệt của Nguyễn Đình Chiểu.*

2.2.1. Đề cao đạo lý dân tộc

Đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội.

Trong quá trình phát triển của xã hội có những hành vi đạo đức không còn phù hợp sẽ bị đào thải và thay thế. Ngược lại có những hành vi đạo đức ngày càng được củng cố, phát huy, nổi dài trên chặng đường lịch sử. Khi đó, đạo đức sẽ trở thành đạo lý. Đạo lý chính là tài sản tinh thần quý báu của một quốc gia, dân tộc.

Do những hoàn cảnh địa lý, lịch sử, xã hội nhất định, mỗi dân tộc trên thế giới có những chuẩn mực đạo lý riêng. Người Việt Nam thường lấy tình yêu thương làm cơ sở cho cách xử thế. Tất cả những mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội người ta thường nói đến như: tình cha con, tình mẫu tử, tình anh em, tình bạn bè, tình vợ chồng, tình hàng xóm láng giềng, tình thầy trò, tình đồng chí...đều bắt nguồn từ chữ tình. Tình đưa đến nghĩa. Tình trước nghĩa sau, tình sâu nghĩa nặng. Tình luôn gắn với nghĩa nên gọi chung là tình nghĩa. Trong gia đình tình yêu thương là tình cảm tự nhiên cho nên: cha mẹ hết lòng vì con cái, con cái kính trọng nuôi nấng cha mẹ về già, vợ chồng ăn ở với nhau như bát nước đầy, anh chị em môi hở răng lạnh... Ngoài xã hội thì sẵn sàng nhường cơm sẻ áo cho những ai đói rách lâm than, bệnh vực cho những ai yếu đuối bị kẻ hung ác áp bức, cứu vớt người hoạn nạn... với tình

thần "*lá lành đùm lá rách*", "*thương người như thể thương thân*" không mong báo đáp. Vì đề cao nhân nghĩa nên trong cuộc sống, người Việt Nam không tha thứ cho chuyện phụ tình, phụ nghĩa, bội bạc, đổi trắng thay đen mà rất trọng người thủy chung như nhất, vẹn tình trọn nghĩa. Đó là đạo lý của người Việt trong cách đối nhân xử thế.

Trong xã hội, người Việt Nam không chia ra từng loại người, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Dân ta xem ai cũng như ai, bình đẳng như nhau, yêu thương lẫn nhau, đoàn kết với nhau để tạo thành sức mạnh chống lại kẻ thù. Điều này được ghi lại trong kho tàng ca dao, tục ngữ: *Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng; Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn...*

Tinh thần lạc quan cũng là một giá trị đạo đức được kết tinh lâu đời trong dân gian. Trong cuộc sống khi gặp phải khó khăn dân ta luôn tìm cách tự an ủi để nhủ lòng vượt qua vất vả, khó khăn ấy.

Như vậy, tinh thần nhân nghĩa, đoàn kết yêu thương lẫn nhau cùng với tinh thần lạc quan chính là những đạo lý tốt đẹp được kết tinh từ ngàn năm của dân tộc Việt.

Nhà nước phong kiến Việt Nam lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống. Nho giáo được hiểu đơn giản là học thuyết đạo đức, chính trị chủ yếu nói về phép cư xử của con người. Nho giáo đưa ra những tiêu chuẩn trong mọi mối quan hệ xã hội như quân – thần, phụ – tử, phu – phụ, huynh – đệ, bằng – hữu... rồi biến các tiêu chuẩn ấy thành luật lệ, tất cả nhằm củng cố địa vị và quyền lợi cho giai cấp phong kiến. Vì vậy, đương thời văn học Nho giáo luôn mang đậm yếu tố đạo đức Nho giáo. Chủ đề lý tưởng nhân nghĩa thông qua việc bảo vệ thực hành Nho giáo là một chủ đề lớn.

Trước thời đại Nguyễn Đình Chiểu sống từ thế kỉ XVII đến hết thế kỉ XVIII nhà nước phong kiến Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm

trọng. Các cuộc tranh giành quyền lực giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn xảy ra liên miên làm cho đời sống nhân dân rơi vào cảnh lầm than. Do đó hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra chống lại triều đình phong kiến. Từ các cuộc đấu tranh đó người nông dân dần ý thức về vai trò và trách nhiệm của mình. Họ không còn tin vào triều đình phong kiến và ý thức hệ của giai cấp phong kiến cũng vì thế mà bắt đầu sụp đổ. Vì vậy văn học giai đoạn này chủ yếu viết về mối tình nam nữ, về số phận người phụ nữ thông qua đó thể hiện khát vọng về một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng, khẳng định giá trị chân chính của con người. Các truyện Nôm như *Hoa tiên*, *Sơ kính tân trang* và *Truyện Kiều* trong thời kỳ này cũng không nằm ngoài nội dung đó.

Những năm đầu thế kỷ XIX triều đình nhà Nguyễn nắm chính quyền. Các vua đầu thời Nguyễn ý thức sâu sắc vai trò của Nho giáo đối với việc củng cố bộ máy nhà nước phong kiến nên quan tâm phát triển Nho giáo trên mọi lĩnh vực làm cho học thuyết này hưng thịnh trở lại nhưng không còn nhiều ý nghĩa tiến bộ như trước mà tiến dần đến chỗ cực đoan, đến lúc suy tàn. Văn học giai đoạn này vì thế là sự bùng dậy hồi sinh của Nho giáo. Tuy nhiên, các nhà nho giai đoạn này ca ngợi Nho giáo theo quan niệm riêng của mình. Nguyễn Đình Chiểu cũng là một nhà văn như thế.

Chứng kiến sự suy đồi của chế độ phong kiến và đạo đức bị khinh rẻ, Đồ Chiểu đã dùng văn chương với mục đích "*muốn nêu cao ngọn cờ đạo đức nhằm mục đích cứu vãn lấy thể đạo nhân tâm*" [22, tr.77]. Ngay từ những câu thơ mở đầu *Lục Vân Tiên* Đồ Chiểu đã nói lên mục đích chính của mình là để truyền dạy đạo lý làm người:

*Trước đèn xem truyện Tây minh,
Gãm cười hai chữ nhơn tình éo le.
Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước lành dè thân sau.*

*Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

Đạo lý làm người được bắt nguồn từ những quan niệm về trung, hiếu, tiết, hạnh theo quan điểm của Nho giáo mà trước hết là nhân nghĩa. Nho giáo coi đó là những chuẩn mực để con người ta hướng đến. Vì vậy, nhiều người cho rằng *Lục Vân Tiên* là tác phẩm đề cao đạo đức nho giáo. Tất cả nhân vật trong tác phẩm là những tấm gương đạo đức cứng nhắc. Tuy nhiên, dễ thấy trong *Lục Vân Tiên* Nguyễn Đình Chiểu vẫn đề cao đạo đức nho giáo, đề cao nhân nghĩa nhưng tất cả đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân. Trong toàn bộ tác phẩm *Lục Vân Tiên* là những tình cảm cao đẹp của những con người nhân hậu biết giúp nhau trong hoạn nạn, yêu thương nhau lúc khó khăn, những con người sống có tình có nghĩa. Vân Tiên trên đường đi thi gặp bọn cướp Phong Lai hung bạo, ý thế hiếp người không quản hiểm nguy sẵn sàng ra tay cứu giúp người bị nạn:

*Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.
Kêu rằng bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.*

Chàng làm việc nghĩa như một nhu cầu với tâm lý "giữa đường gặp chuyện bất bình chẳng tha". Hành động của Vân Tiên ra tay cứu nạn phò nguy hiện lên đẹp như một người nghĩa hiệp ra tay thực hiện công lý, bảo vệ cho lẽ phải, cho công bằng xã hội. Chàng làm việc nghĩa không chút vụ lợi, không mong được người khác đền ơn:

*Vân Tiên nghe nói liền cười,
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai.*

Chàng Hớn Minh trên đường đi thi gặp con quan huyện là Đặng Sinh ý thể cường gian con gái giữa đường thì không thể bỏ qua chàng đã:

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.*

Hành động xả thân vì nghĩa của Hớn Minh tuy là cứu giúp người nhưng tự ý hành động là coi thường phép công. Biết trước điều này nên sau đó chàng tự trói mình đem nộp cho huyện đàng xét xử, không để ai phải liên lụy vì hành động của mình:

*Mình làm nữ để ai lo,
Bó tay chịu trói nộp cho huyện đàng.*

Với hành động này, Hớn Minh đã cho thấy mình là một người dám làm dám chịu, dám chịu trách nhiệm trước việc làm của mình.

Kiều Nguyệt Nga là một người con gái "có sắc khuynh thành" trên đường cha gọi về định bề nghi gia chẳng may gặp cướp được Vân Tiên cứu giúp đã nguyện suốt đời chung thủy với chàng:

*Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.
Nặng nề hai chữ uyên ương,
Chuỗi sầu ai khéo vắn vương vào lòng.
Nguyện cùng nguyệt lão hồi ông,
Trăm năm cho vẹn chữ từng mới an.*

Nguyệt Nga coi Vân Tiên là người chồng suốt đời để mình trọn nghĩa. Về nhà nàng tưởng tượng vẽ lại chân dung Vân Tiên và mang bức tranh ấy suốt đời, nguyện một lòng son sắc với mối tình thủy chung. Sau này khi nghe tin Vân Tiên không còn nữa nàng rất đau khổ, khóc lóc thảm thiết:

*Biết nhau chưa được mấy hồi,
Kẻ còn người mất trời ôi là trời!*

Thề xưa tạc dạ ghi lời,

Thương người quân tử biết đời nào phai.

Nàng bị vua bắt đi cống Ô Qua, trước khi đi nàng làm chay cho Vân Tiên đồng thời đến thăm cha Vân Tiên để lại cho ông một số tiền để ông dưỡng già. Trên đường đi cống Ô Qua để giữ trọn tình với Vân Tiên nàng nhảy xuống sông tự tử. Được Quan Âm cứu Nguyệt Nga thoát nạn và sống nhờ cha con nhà Bùi Kiệm. Bùi Kiệm say mê sắc đẹp của nàng, hẳn tìm cách dụ dỗ, ép nàng lấy hẳn. Thấy không thể ở yên được đêm đến nàng bỏ đi vai mang bức tượng Vân Tiên. Nguyệt Nga là người con gái thủy chung lại sống có tình, có nghĩa. Một người chịu ơn lại hiểu sâu sắc đạo lý làm người, biết ơn ân nhân của mình. Có thể nói ở Kiều Nguyệt Nga kết tinh những vẻ đẹp của con người cần có như ước mơ của Đồ Chiểu về cuộc sống.

Tất cả những việc làm trên đây của Vân Tiên, Hồn Minh, Nguyệt Nga đều xuất phát từ chữ tình, tình yêu thương con người đồng loại cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn. Họ làm việc nghĩa xuất phát từ trái tim không chút mưu toan, lợi lộc. Vì vậy nhân dân ta nhất là người dân Nam kỳ lục tỉnh rất yêu thích tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Họ kể cho nhau nghe, cùng nhau ca ngợi những con người hết lòng vì nghĩa. Người ta yêu quý Hồn Minh vì chàng là người dám bất chấp quyền uy trừng trị kẻ vô đạo. Người ta yêu quý Vân Tiên vì chàng là người dám quên mình xả thân cứu giúp người vô tội. Người ta yêu quý Nguyệt Nga bởi nàng là người sống có tình có nghĩa, biết suy nghĩ trước sau.

Trong *Lục Vân Tiên* ngoài những nhân vật chính như: Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trục, Nguyệt Nga thì những con người như: ông Quán, ông Ngư, ông Tiều, lão bà đều là những người có lòng nhân nghĩa. Họ là những người làm những công việc khác nhau trong xã hội nhưng đều gặp nhau ở một điểm chung là yêu thương, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Sau khi

bị Trịnh Hâm đẩy xuống thuyền Vân Tiên được ông Ngư vớt lên, cả gia đình ông đều lo lắng, cùng nhau giúp người bị nạn:

Hỏi con vầy lửa một giờ,

Ông hơ bụng dạ mù hơ mặt mày.

Họ làm việc nghĩa không phải mong người khác sẽ trả ơn cũng không phải vì tiền bạc hay bởi một động cơ cá nhân nào mà xuất phát từ chính lòng thương người của họ:

Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,

Dốc lòng hơn nghĩa há chớ trả ơn,

Trong tác phẩm Lục Vân Tiên, bên cạnh tình mẫu tử thiêng liêng, tình vợ chồng chung thủy, tình bạn chân thành còn có một tình cảm đáng trân trọng giữa những người chủ tớ. Vân Tiên khi nghe tin mẹ mất nhuốm bệnh mù cả hai mắt, tiểu đồng không hề bỏ rơi chàng trong cơn hoạn nạn. Người đồng tử nghĩa tình ấy đi khắp nơi tìm thầy thuốc, thầy bói, thầy pháp mong có thể chữa cho đôi mắt chủ mình sáng lại. Khi bị Trịnh Hâm ra tay hãm hại bắt trói vào một gốc cây trong rừng, tiểu đồng chẳng màng đến sự an nguy của mình mà vẫn một lòng lo lắng cho chủ:

Tiểu đồng bị trói khôn vè,

Kêu la chẳng tháu bốn bề rừng hoang.

Phận mình đã mắc tai nạn,

Cảm thương họ Lục suôi vàng bơ vơ.

Xiết bao những nỗi dật dờ,

Đò giang nào biết, bụi bờ nào hay.

Vân Tiên hôn có linh rày,

Dem tôi theo với đỡ tay chơn cùng.

Khi nghe bà quán nói tướng Vân Tiên đã chết thì không khỏi xót thương và hành động cho trọn tình chủ tớ:

*Tiểu đồng nằm giữa rừng hoang,
Che chòi giữ mả lòng toan trọn bề.
Một mình ở đất Đại Đê,
Sớm đi khuyên giáo tối về quải đơm.
Dốc lòng trả nợ áo cơm,
Sống mà trọn nghĩa thác thom danh hiền.*

Vân Tiên sau này khi đạt được công danh cũng không quên người đẩy tớ trung thành ngày xưa, truyền quân bày lễ tế riêng. Khi chủ tớ nhận ra nhau thì mừng vui khôn xiết.

Bên cạnh việc ca ngợi những con người hết lòng vì nghĩa Đồ Chiểu đã lên án gay gắt những người hành động trái với đạo lý của dân tộc.

Đồ Chiểu lên án những kẻ bội bạc, lọc lừa thông qua gia đình nhà họ Võ. Lúc đầu, khi Vân Tiên lên kinh ứng thí vì thấy chàng là người tài giỏi nghĩ sẽ đỗ đạt cao nên cả gia đình Võ Công tiếp đón nồng hậu. Nhưng sau này, Vân Tiên gặp nạn hai mắt không còn nhìn thấy được nữa thì cả gia đình nhà họ Võ lại tìm cách hại chàng, đem chàng bỏ vào hang Thương Tòng.

Trịnh Hâm là một người trí thức nhưng "tâm thường nghề văn" thấy Vân Tiên và Tử Trục tài cao hấn tỏ ra bực tức khó chịu, ôm hận trong lòng. Trên đường rời khỏi trường thi về nhà gặp lại Vân Tiên, hấn không quên mối hận hôm nào ra sức hãm hại chàng:

*Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời,
Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phui pha.*

Nếu như Trịnh Hâm là kẻ nham hiểm, độc ác thì Bùi Kiệm là kẻ dâm ô ham hưởng lạc. Nguyệt Nga nhảy xuống sông tự tử được quan âm cứu sống và đem nàng bỏ vào vườn hoa nhà Bùi ông. Bùi Kiệm thấy Nguyệt Nga xinh

đẹp liền tìm cách dụ dỗ. Hấn khuyên nàng không nên thủ tiết với Vân Tiên làm gì:

*Ai từng mặc áo không bầu,
Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau ?
Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,
Giữ ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình.*

Nguyệt Nga biết hấn là đưa tiểu nhân, không thể ở nhà Bùi ông lâu được nên nàng trốn đi để giữ trọn tiết hạnh với Vân Tiên.

Tất cả hành động của gia đình nhà họ Võ, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm đi trái lại với nhân nghĩa, với đạo đức của nhân dân không thể dung thứ. Cuối cùng họ cũng bị trừng phạt vì những việc làm bất nhân đó.

Đồ Chiểu là người được đào tạo trong nền giáo dục phong kiến, tuy nhiên ông là người sống rất gần gũi, gắn bó với quần chúng nhân dân. Chính điều đó làm ông xa lạ với kinh viện của Nho gia. Ông tiếp thu những gì gần gũi và bình dân nhất, ông cũng hiểu nó một cách rất bình dân. Quan niệm về nhân nghĩa của ông cũng bình dị, nó mang một nội dung đời sống, nội dung đạo đức có tính nhân dân rõ rệt. Có thể nói, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là tư tưởng tiến bộ nhất, cách mạng nhất, đại diện cho những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cho ý thức kiên cường và tự giác của nhân dân. Tư tưởng nhân nghĩa của Đồ Chiểu là sự kế thừa truyền thống nhân đạo trước đó của nhân dân ta mà Nguyễn Trãi đã từng nêu lên ở thế kỷ XV với câu nói bất hủ:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân;
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

(Bình Ngô đại cáo)

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì nhân dân, vì đất nước, vì phẩm giá con người. Đạo đức trong Lục Vân Tiên là đạo lý làm người.

Cùng với tinh thần nhân nghĩa, tinh thần lạc quan vốn là truyền thống đạo lý của dân tộc ta từ xưa đến nay cũng được Đồ Chiểu nêu lên trong truyện *Nôm Lục Vân Tiên*. Lục Vân Tiên sau khi trải qua nhiều biến cố trong cuộc đời vẫn luôn nhìn đời bằng con mắt lạc quan tin tưởng chàng khuyên Hớn Minh:

*Lúc hư còn có lúc nên,
Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay.*

Tinh thần lạc quan của Nguyễn Đình Chiểu chính là sự kế thừa tinh thần lạc quan của nhân dân được kết tinh lại trong văn học dân gian mà tác phẩm *Mười cái trướng* là một minh chứng điển hình.

Tóm lại, những truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc được xây dựng nên từ hàng ngàn năm nay được Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục khẳng định lại trong *Lục Vân Tiên*. Tư tưởng nhân nghĩa và tinh thần lạc quan chính là những nhân tố quan trọng góp phần làm nên sự chuyển biến về nội dung tư tưởng của Đồ Chiểu ở giai đoạn sau.

2.2.2. Đề cao chủ nghĩa yêu nước

Yêu nước là một trong những tình cảm sâu sắc được củng cố qua hàng ngàn năm tồn tại của các quốc gia riêng biệt. Nó trở thành thước đo giá trị chi phối quan niệm sống về tình yêu, quê hương đất nước. Chủ nghĩa yêu nước là nguyên tắc đạo đức và chính trị, tình cảm xã hội mà nội dung cốt lõi của nó là tình yêu và lòng trung thành với tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Nó là tư tưởng tình cảm thiêng liêng nhất, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử dân tộc, là chuẩn mực cao nhất của đạo lý dân tộc, là năng lực nội sinh, sức mạnh tiềm tàng trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc ta.

Trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII yêu nước gắn với lý tưởng trung quân – ái quốc. Yêu nước là tự hào về truyền thống của dân tộc (*Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi tự hào về truyền thống nhân

nghĩa, yêu nước thương dân...). Yêu nước là yêu con người, yêu ngôn ngữ của dân tộc (nhiều bài thơ được viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi trong *Quốc âm thi tập* thể hiện ý thức dùng ngôn ngữ dân tộc – chữ Nôm để sáng tác) . Yêu nước là căm thù giặc, quyết tâm đánh giặc cứu nước (*Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn). Sang thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX nội dung yêu nước có thêm biểu hiện mới là: yêu nước gắn liền với ý thức về vai trò của người hiền tài đối với đất nước (Ví dụ: *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm); yêu nước gắn liền với tư tưởng canh tân đất nước (Ví dụ: *Xin lập khoa luật* của Nguyễn Trường Tộ); âm hưởng bi tráng trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước.

Sang giai đoạn sáng tác thứ hai lý tưởng nhân nghĩa trong *Lục Vân Tiên* vẫn còn đó nhưng được Đồ Chiểu phát triển lên một tầm cao mới. Nguyễn Đình Chiểu quan niệm yêu nước lúc này chính là đánh giặc cứu nước, trừ gian diệt bạo:

Chớ bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

(Dương Từ - Hà Mậu)

Yêu nước là trung thành với vua, với đất nước thể hiện trong việc tin và đi theo con đường chính đạo của dân tộc, đất nước. Qua lời Lão Nhan, Nguyễn Đình Chiểu bày tỏ nỗi lòng yêu nước của mình và khuyên mọi người nên đi theo con đường chính nghĩa:

Đạo trời nào phải ở đâu xa,

Gội tâm lòng người há thấy ra.

Theo nghĩa ai đành làm phản nước,

Có nhân đâu nỡ bỏ tình nhà.

Xưa nay đời chuộng đường trung hiếu,

Sách vở còn ghi lẽ chánh tà.

*Năm phảm rừng nhu sấn sóc lấy,
Trên đời trăn bửu báu nào qua.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Đồ Chiểu cho rằng đạo không ở đâu xa mà đạo ở ngay trong lòng người, trong lòng dân. Mọi người cần tu thân theo những truyền thống đạo lý có ý nghĩa lớn lao của dân tộc được ông cho là chính đạo – đạo Nho, để từ đó lo việc trị quốc trong cơn biến loạn của nước nhà:

*Lòng gồm kinh sử mấy mươi pho,
Vàng ngọc nào hơn báu học trò.
Cây trái rừng nho ra sức hái,
Lộ gành biển thánh rán công dò.
Cảm văn thêu dệt đời đời chuộng,
Đạo vị trau dồi một bữa no.
Gặp thừa mây xanh siêng đọc sách,
Một nhà đều hưởng lộc trời cho.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Nguyễn Đình Chiểu mượn chuyện Thạch Tấn cắt đất cho Khiết Đan lên án vua nhà Nguyễn đầu hàng cắt đất cho giặc:

*Kẻ từ Thạch Tấn ở ngôi,
U , Yên mấy quận cắt bồi Khiết Đan.
Sinh dân nào xiết bần than,
U Yên trọn cũng giao bàn về Liêu.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Qua đây, ông vạch trần sự thối nát của triều đình phong kiến đồng thời ông cũng nhìn ra hiện thực lịch sử đất nước lúc này, đó là một hiện thực đau thương khi có bàn chân xâm lược của thực dân Pháp:

*Mắt nhìn trong tiết thanh minh,
U Yên đất cũ cảnh tình trên ngươì.
Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
Như tuồng xiêu lạc gặp người cố hương.
Cỏ cây đưa nhánh đón đường,
Như tuồng níu hỏi Đông hoàng ở đâu ?.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Tội ác của thực dân Pháp reo rắc khắp nơi cả đến loài cỏ cây dường như cũng thấu hiểu. Vì thế ông mong ngóng có một đảng mình quân xuất hiện cứu đời. Câu hỏi này ngay từ những ngày đầu khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta đã được Đồ Chiểu nhắc đến:

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này*

(Chạy giặc)

Ông hiểu rõ nguyên nhân của cảnh "nửa khóc nửa cười" ấy:

*Trời đông mà gió Tây qua,
Hai hơi ẩm mát chẳng hòa đau dân.*

Nguyễn Đình Chiểu không quên cái bệnh gốc gây lên nỗi đau của nhân dân đó là ách ngoại xâm. Chính luồng "gió Tây" ấy là căn nguyên gây bệnh "đau dân" – bệnh của những người dân mất nước.

Mượn hình ảnh nhân vật Kỳ Nhân Sư, Đồ Chiểu nói lên lòng căm thù giặc sâu sắc của mình:

*Thà cho trước mắt tối mù
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
Thà cho trước mắt vắng hui,*

Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.

Thà cho trước mắt tối thẳm,

Chẳng thà thấy đất lục tràm can qua.

Hành động tự xông mắt cho mù của Nhân sư thể hiện sự phản kháng quyết liệt đối với giặc Liêu cũng là thái độ rõ ràng, dứt khoát bất hợp tác với kẻ thù của Đồ Chiểu. Theo sử sách cũ còn ghi lại, thái độ căm thù giặc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện ở việc ông từ chối tất cả những gì người phương Tây mang đến. Ông cho rằng tất cả những gì do phương Tây mang lại đều là xấu. Ngay cả khi giặt đồ ông cũng chỉ giặt bằng nước tro chứ không giặt bằng xà bông. Ông nhất định không học chữ quốc ngữ. Có lẽ vì vậy trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác văn chương của mình Đồ Chiểu chủ yếu dùng chữ Nôm. Điều này có thể xem là một biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

Mặc dù hiện thực đất nước có đau thương, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta dần đi đến thất bại nhưng Nguyễn Đình Chiểu vẫn luôn nhìn đời bằng con mắt lạc quan tin tưởng:

Sau trời Thúc Quý tan mây,

Sông trong bể lặng mắt thầy sáng ra.

Ông vẫn tin ở một tương lai tươi sáng sẽ trở lại, đất nước ta sẽ sạch bóng quân xâm lược:

Ngày nào trời đất an ngôi cũ,

Mừng thấy non sông bắt gió Tây.

Canh cánh trong mình nỗi lo cho dân, cho nước, Đồ Chiểu luôn mong góp một phần nhỏ sức lực của mình vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Nhưng vì điều kiện bản thân không cho phép nên ông không thể ra chiến trường như những người dân bình thường. Đã nhiều lần trong thơ văn Đồ Chiểu xuất hiện những vần thơ bày tỏ tâm sự của mình về điều đó:

*Đã cam chút phận dở dang,
Trí quân hai chữ mơ màng năm canh.
Đã đành lỗi với thương sinh,
Trạch dân hai chữ luống doanh ở lòng.
Lại cam thẹn với non sông,
Cứu thời hai chữ luống trông thuở nào ?
Nói ra thì nước mắt trào,
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Có thể nói, trước Nguyễn Đình Chiểu chưa có một tác gia trung đại nào trong truyện Nôm của mình lại xuất những vần thơ chất chứa trong lòng bao nhiêu nỗi niềm của một người hết lòng vì dân, vì nước như thế. Điều đó làm nên nét riêng trong chủ đề truyện Nôm Đồ Chiểu so với những chủ đề chung của truyện Nôm trước đây.

** Tiểu kết chương hai*

Sau khi tìm hiểu những đặc điểm nội dung truyện Nôm trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi nhận thấy:

Trong truyện Nôm của ông hình ảnh đất và người Nam Bộ hiện lên thật chân thực, sinh động. Những chất liệu từ hiện thực cuộc sống được Đồ Chiểu đưa vào trong truyện Nôm khiến cho sáng tác của ông gần với quần chúng hơn. Cùng với việc lấy chất liệu hiện thực cuộc sống làm đề tài trong truyện Nôm, Đồ Chiểu còn kết hợp những yếu tố của cuộc đời mình khiến người đọc hình dung rõ tâm tư, tình cảm, của con người nhà thơ – một tâm hồn thanh cao, trong sạch, sống hết mình vì dân vì nước. Đó là nét riêng trong đề tài truyện Nôm của Đồ Chiểu.

Về chủ đề, nếu như trước đây truyện Nôm của các tác gia trung đại thường đề cập đến vấn đề hạnh phúc cá nhân thì truyện Nôm của Nguyễn

Đình Chiểu đề cập đến những chủ đề mang tính cộng đồng là: đề cao đạo lý dân tộc và đề cao chủ nghĩa yêu nước. Như vậy, đề tài trong truyện Nôm của Đồ Chiểu được mở rộng hơn. Ngoài những nội dung vốn có trước đây của truyện Nôm (phản ánh bất công trong xã hội, khát vọng tự do giải phóng cá nhân...) đến Nguyễn Đình Chiểu truyện Nôm mang đậm chủ đề "chở đạo đâm gian".

Một tác phẩm văn học bao giờ cũng là sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức. Để chuyển tải được những đề tài và các chủ đề cần có một hình thức nghệ thuật đặc trưng. Đó sẽ là nội dung chương ba của luận văn.

Chương 3:
ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN NÔM
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

3.1. Cốt truyện và yếu tố ngoài cốt truyện

3.1.1. Cốt truyện

Cốt truyện là một chuỗi các sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của câu chuyện.

Về cơ bản, cốt truyện trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu vẫn tuân thủ theo mô hình chung của truyện Nôm là “Gặp gỡ - Tai biến – Đoàn tụ”. Trong truyện *Lục Vân Tiên*, trải qua bao sóng gió Vân Tiên cuối cùng cũng lập được công danh và chung sống hạnh phúc bên Nguyệt Nga. Trong truyện *Dương Từ - Hà Mậu* kết thúc là cảnh Dương Từ, Hà Mậu đã tìm được chính đạo – đạo Nho, trở về sum họp với gia đình. Hai nhân vật Ngư và Tiều trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cuối cùng cũng học được nghề thuốc và quay về chữa bệnh cho dân.

Trong truyện *Lục Vân Tiên*, Đồ Chiểu sắp xếp những nhân vật của mình thành hai tuyến rõ rệt. Một bên là những con người chính nghĩa như: Vân Tiên, Hớn Minh, Tử Trục, Nguyệt Nga, tiểu đồng, ông quán, ông ngư, ông tiều và bên kia là những kẻ bất nhân, bất nghĩa như gia đình Võ Thê Loan, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm và các nhân vật khác như thầy pháp, thầy bói... Nhìn chung lối kết cấu này không có gì mới lạ so với lối kết cấu trong truyện Nôm. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là sự đối lập ở đây không phải chỉ nói chung giữa hai tuyến nhân vật mà đối lập ngay trong từng cặp nhân vật một.

Sự đối lập ở hai tuyến nhân vật trong hai gia đình: nếu gia đình Nguyệt Nga thủy chung, tình nghĩa thì gia đình Võ Công lại phản trắc, lọc lừa, bội bạc. Nguyệt Nga là tấm gương sáng của lòng tri ân và chung thủy còn Thê Loan là người bội bạc, ham vinh hoa phú quý. Nếu Hớn Minh, Tử Trục là

những người hết lòng vì bạn thì Trịnh Hâm, Bùi Kiệm lại là những người sẵn sàng phản bạn. Quan Thái Sư là một tên lòng dạ hẹp hòi, một tên gian thần còn ông Quán là người yêu dân, yêu nước....

Tuy nhiên, khi xem xét hai truyện Nôm còn lại của Đồ Chiểu là *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* vẫn là lối kết cấu theo mô hình Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ nhưng trong hai tác phẩm này hệ thống nhân vật không nằm đối lập với nhau mà giữa các nhân vật ấy có sự bổ sung cho nhau, đan xen với nhau nhằm phục vụ cho chủ đề mà tác giả nêu lên. Đây chính là một điểm rất mới so với lối kết cấu truyền thống của truyện Nôm.

Ở *Dương Từ - Hà Mậu* trong đoạn Lão Nhan làm phép cho Dương Từ, Hà Mậu xuống địa ngục ở đây hai người nhìn thấy rất nhiều người làm việc xấu xa hại người bị trừng phạt. Tuy nhiên khi xây dựng toàn cảnh địa ngục Đồ Chiểu muốn cho Dương Từ, Hà Mậu hiểu được đâu là chính đạo, lợi ích của chính đạo để họ nhìn ra được mình đang đi lầm đường, mỗi đạo mình đang theo không phải là chính đạo và quyết tâm từ bỏ đạo Phật và đạo Thiên chúa. Dương Từ và Hà Mậu luôn song hành cùng nhau trong hành trình tìm đến chính đạo. Họ đều là những người trí thức biết văn chương. Đồ Chiểu không đặt họ trong thế đối lập nhau chính – tà mà họ đều là những người lầm đường lạc lối, hoài nghi về mỗi đạo mà mình đang theo nên họ đi tìm chính đạo.

Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* Ngư và Tiều trên đường đi tìm Lão Nhan học nghề thuốc họ gặp rất nhiều người bạn như: Châu Đạo Dẫn, Đường Nhập Môn, Hưởng Thanh Phong, Ảnh Minh Nguyệt. Họ đều là những người trí thức ở ẩn biết y thuật. Ngư, Tiều được họ dạy cho những bài học đầu tiên về y thuật trước khi gặp được bậc tôn sư của mình.

3.1.2. Yếu tố ngoài cốt truyện

Để có thể chuyên tải chủ đề chính trong truyện Nôm của mình là: đề cao đạo lý dân tộc và đề cao chủ nghĩa yêu nước bên cạnh những yếu tố cốt

truyện chính như trên Đồ Chiểu còn sử dụng nhiều yếu tố ngoài cốt truyện trong truyện Nôm của mình.

Trong truyện *Dương Từ - Hà Mậu*, Dương Từ đang một mình thơ thẩn tìm nơi nghỉ mình thì gặp một “*tiểu sanh*” đang cho trâu uống nước dưới ghềnh Hà Tây thổi sáo và nghêu ngao hát rằng:

*Chẳng phải trời Nghiêu bóng chiều ngao ngán,
Trời đã tối rồi chờ sáng cũng lâu.
Nghe con chim oanh đỗ trên cành cây mới biết,
Ai day đồng kéo lại trời tây ?
Trong cõi nhân gian nhiều đàng làm lỗi,
Gặp buổi trời chiều khó nổi đi xa.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Có lẽ, những câu hát của “*tiểu sanh*” đã phần nào làm Dương Từ thức tỉnh, thêm phần hoài nghi mỗi đạo mình đang theo. Từ đó, Dương Từ thêm phần quyết tâm trên con đường tìm về chính đạo.

Đó là tiếng hát của người con gái hái dâu:

*Ngọn gió day một ngày một khác,
Ta nhớ người câu hát thể tần.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Dương Từ tiến lại gần hai cô gái hỏi đường lên chùa “Linh – diệu” nhưng đã bị hai cô từ chối đồng thời còn nói những lời tỏ vẻ khinh thường những người xuất gia làm bản thân mình thêm ngậm ngùi.

Hay một số bài thơ Nôm Đường luật có thể tách ra đứng thành nhiều tác phẩm độc lập. Đó là những bài thơ ca ngợi đạo lý thánh hiền:

*Ba vua năm đế dẫu vừa qua
Mỗi đạo trời trao đức thánh ta.
Hai chữ cương thường dẫn các nước
Một câu trung hiếu vững muôn nhà.*

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm.
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.
Căm bậy bầy ngu theo thói mọi,
Trời gần chẳng kính kính trời xa.*

(Dương Từ - Hà Mậu)

Bài thơ mang đậm mùi vị đạo lý của Lão Nhan dạy cho những học trò còn ngu muội, đi lầm đường. Vì vậy, những học trò của ông hiểu được đâu là chính đạo, đâu là tà đạo. Bài thơ cũng tỏ rõ thái độ tôn sùng đạo Nho của Đồ Chiểu.

Thông qua lời thơ của Đường Nhập Môn, Đồ Chiểu thể hiện tấm lòng yêu dân, yêu nước của mình:

*Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông
Chúa xuân đâu hỏi có hay không ?
Mây giăng ải bắc trông tin nhận,
Ngày xé non Nam bật tiếng hồng
Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng swong nay há đội trời chung ?
Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Bài thơ lột tả cảm xúc của một tấm lòng còn “cưu nhà nước cũ” của Đồ Chiểu. Nhìn thấy hiện thực đất nước đau thương, bị chia cắt, ông mong có một đảng minh quân mang tài đức giúp đất nước thoát khỏi cảnh lầm than này.

Những bài thơ ca ngợi đạo lý và thể hiện lòng yêu nước đã góp phần tô đậm chủ đề tác phẩm mà Nguyễn Đình Chiểu muốn nói. Tinh thần yêu nước luôn chất chứa trong lòng ông đồ đất Đồng Nai. Nó luôn soi sáng mọi nẻo đường trên cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu.

Tóm lại vẫn là lối kết cấu truyền thống của truyện Nôm nhưng Đồ Chiểu đã vận dụng một cách linh hoạt trong khi triển khai các tình tiết, diễn biến của sự việc. Ông vận dụng sáng tạo lối kết cấu theo tuyến nhân vật trong truyện Nôm bằng việc đặt nhân vật trong từng cặp một đối lập với nhau hình thành hai tuyến rõ rệt trong *Lục Vân Tiên*. Trong *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* nhân vật được Đồ Chiểu đặt trong thế đan xen, bổ sung cho nhau. Đặc biệt, việc xen vào truyện Nôm những bài thơ có thể tách ra thành nhiều tác phẩm đứng độc lập mang nội dung đạo lý, Đồ Chiểu muốn nhấn mạnh giá trị đạo đức trong truyện Nôm của mình. Với Nguyễn Đình Chiểu, đạo đức là thước đo quan trọng nhất khẳng định giá trị của con người. Tất cả làm nên nét độc đáo trong kết cấu truyện Nôm của Đồ Chiểu so với kết cấu truyện Nôm truyền thống.

3.2. Nhân vật

3.2.1. Phác thảo thế giới nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Nhân vật trong tác phẩm văn học là những con người hay những sự vật mang cốt cách của con người được xây dựng bằng các phương tiện của nghệ thuật ngôn từ.

Vì lấy đề tài từ hiện thực cuộc sống nên Đồ Chiểu đã xây dựng một thế giới nhân vật thật phong phú, sinh động, gần gũi với cuộc sống hàng ngày của nhân dân.

Họ là những con người có tên: Vân Tiên, Tử Trục, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Dương Từ, Hà Mậu, Mộng Thê Triền, Bào Tử Phục, Kỳ Nhân Sư... hay những con người không có tên được Nguyễn Đình Chiểu gọi qua công việc họ làm: ông Quán, ông Ngư, ông Tiều... Đôi khi đó là hình ảnh của đông đảo quần chúng nhân dân:

- *Tiểu đồng chẳng kịp hỏi han,
Năm lẫn bên má khóc than một hỏi.*

*Người đều xem thấy thương ôi,
Cùng nhau vác cuốc đều lui ra đàng
- Xóm làng cô bác gần xa
Đều cùng chạy đến chạ nhà hỏi thăm.*

(Lục Vân Tiên)

Xét theo địa vị xã hội nhân vật trong ba truyện Nôm của Đồ Chiểu gồm nhiều tầng lớp: vua (Sở vương trong *Lục Vân Tiên*, Tần vương trong *Dương Từ - Hà Mậu*), quan (quan Thái sư trong *Lục Vân Tiên*, Tần khanh trong *Dương Từ - Hà Mậu*), nho sĩ, nông dân, thương nhân. Trong đó, nho sĩ là tầng lớp chiếm số lượng đông đảo. Trong ba truyện Nôm của Đồ Chiểu hầu hết các nhân vật đều là những người trí thức Hán học thông hiểu kinh viện Nho gia. Trong *Dương Từ - Hà Mậu*, ông lái đò cũng là một trí thức:

*Ngư rằng: Lời khéo cợt nhau
Ai từng khát nước đứng đầu bờ ao?
Đời nay có khác xưa nào
Đất dày thăm thẳm, trời cao mù mù.
Bốn mùa thành quách làm râu
Dân gầy nước ốm mỡ dầu cũng khô
Thấy đời danh lợi muốn phô.
Khác nào con cháu nháy vô thiếp dầu
Tư rằng: Xưa sách có câu
Công thành danh toại ai hầu chê ai?
Ngư rằng: Xưa đáng hiền tài
Lập thân há chẳng biết bài bảo thân.*

Nhân vật trí thức trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* do sống trong thời buổi đất nước rối loạn không thể đem tài ra giúp đời nên họ ôm tài, giấu tiếng làm ngư, làm tiều, làm thuốc, sống một cuộc sống tự do, tự tại, giữ tâm hồn mình thanh cao, trong sạch.

Xét trên phương diện nghề nghiệp, nhân vật trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu là những con người làm những nghề khác nhau trong xã hội: nghề đánh cá (ông ngư), nghề đốn củi (ông tiều), bán cơm (ông quán), làm nghề y (Bào Tử Phục, Mộng Thê Triền...), làm thầy dạy học (Nhân Sư), làm nghề đồng cốt, bói toán...

Dựa vào phẩm chất đạo đức, truyện Nôm của Đồ Chiểu chia ra các loại nhân vật: nhân vật chính diện (tốt), nhân vật phản diện (xấu) và một số nhân vật mang tính trung gian.

Nhân vật chính diện là loại nhân vật mang trong mình những phẩm chất cao đẹp, đại diện cho cái tốt, cái thiện. Trong truyện Nôm của Đồ Chiểu những nhân vật này gặp nhau ở một điểm họ đều là những con người hay thương người, biết quên mình vì nghĩa, những người yêu dân, yêu nước. Ngòi bút của Đồ Chiểu khi đi miêu tả những nhân vật này ông đều bày tỏ một thái độ trân trọng, ngợi ca. Họ đều là những người hết sức bình thường không cần phải là những người quyền cao, chức trọng, hay những bậc quân tử. Đôi khi họ là những con người bán quán, bán cơm, đốn củi, đánh cá.

Nhân vật phản diện đại diện cho cái xấu, cái ác, mang những phẩm chất xấu xa trái với đạo lý, lý tưởng. Đó là những nhân vật đại diện cho những thế lực phản động, lạc hậu, ngăn cản cái tốt, cái đẹp có ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến cuộc đời nhân vật chính diện. Trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu đó là những người làm việc bất nhân, bất nghĩa. Khi đi miêu tả những con người ấy ngòi bút của Đồ Chiểu bày tỏ thái độ căm phẫn, coi thường.

Đồ Chiểu vạch trần tâm địa của loại người bội bạc, tráo trở lọc lừa, ham giàu sang, vinh hoa phú quý qua việc miêu tả Võ Thê Loan. Khi Vân Tiên lên kinh ứng thí nghĩ rằng thế nào chàng cũng lập được công danh nàng ta ra sức sẵn đón, nói những lời tình tứ với chàng. Sau đó, Vân Tiên gặp nạn mù cả hai mắt nàng ta lại trở mặt ngay tức thì:

*Thà không trót chịu một bề,
Nữ đem mình ngọc dựa kẻ thất phu.
Dốc lòng chờ đợi danh nhu,
Rẻ đâu có rẻ đui mù thế ni ?*

Biết Tử Trục đậu cao nàng ta tìm cách dụ dỗ chàng:

*Ngày ngày trang điểm phấn dôi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngò cho xuê.*

Thê Loan còn đưa ra lý lẽ rất hợp nhân tình thế thái:

*Thiếp đà chẳng trọn lời thề
Lỡ bề sửa tráp lỡ bề mưng khăn.
Tiếc thay dạ thỏ nằng nằng,
Đêm thu chờ đợi bóng chăng bấy chầy.
Chẳng ưng thời cũng làm khuây,
Nữ buông lời nói chẳng vì chẳng kiêng.*

Thông qua nhân vật Bùi Kiệm, Nguyễn Đình Chiểu lên án thói dâm ô, hưởng lạc. Bùi Kiệm biết Nguyệt Nga thủ tiết với Vân Tiên nhưng vẫn ra sức ve vãn, khuyên Nguyệt Nga không nên thủ tiết với Vân Tiên vì đời người ngắn ngủi:

Ba xuân đã hết ngàn vàng khôn mua.

Loại người tiểu nhân nham hiểm, cơ hội bị ông lên án thông qua nhân vật Trịnh Hâm. Kém tài văn chương hơn Vân Tiên và Tử Trục, hấn ghen tức, ôm mối hận trong lòng. Trên trường thi về gặp Vân Tiên bị nạn, hấn tìm cách hãm hại tiểu đồng:

*Trịnh Hâm trong dạ gươm đao,
Bắt người đồng tử trói vào gốc cây.
Trước cho hùm cạp ăn mây,
Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong.*

Hãm hại tiểu đồng xong hấn giả làm người tốt. Nhưng hấn chưa dừng lại khi chưa thực hiện được mục tiêu:

*Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vờ.*

Trong *Dương Từ - Hà Mậu* hệ thống nhân vật đó mới thật hoàn chỉnh. Khi xuống địa ngục Dương Từ, Hà Mậu gặp đủ các hạng người: thầy pháp, thầy địa lý, bọn cho vay nặng lãi, bọn thơ lại ở cửa quan, bọn loạn luân, dâm bôn, bọn trộm cướp... Họ đều là những hạng người bất chính, lừa đảo nhân dân bị trừng phạt. Toàn cảnh địa ngục trong *Dương Từ - Hà Mậu* phải chăng là hiện thực của xã hội Việt Nam thời phong kiến suy tàn, tây ta lẫn lộn.

Nhân vật trung gian là nhân vật đứng giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Đây là loại nhân vật có thể tốt lên hoặc xấu đi tùy theo tác động của hoàn cảnh.

Nhân vật vua trong *Lục Vân Tiên* khi nghe thái sư bày mưu đưa Nguyệt Nga cống Ô Qua không suy xét tình hình liền bằng lòng ngay:

*Sở vương nghe tấu thuận tình,
Châu phê dạy sứ ra dinh Đông Thành.
Sắc phong Kiêu lão thái khanh;
Việc trong nhà nước đã đành cậy người.
Nguyệt Nga nàng ấy nên người,
Lựa ngày tháng chín hai mươi cống Hồ.*

Trong tình huống này, vua là người gián tiếp đẩy Nguyệt Nga lựa chọn đến cái chết. Đồng thời, ông cũng vô tình tiếp tay cho tội ác của tên thái sư lòng dạ hẹp hòi, gian ác. Sau này biết rõ Nguyệt Nga còn sống lại mắc tội khi quân vì không sang cống Phiến như lời của thái sư nhưng vua không trách tội nàng mà nhận trách nhiệm về mình:

*Gian ngay sao cũng có trời,
Việc này vì trẫm nghe lời nên oan.*

Ngồi trên ngai vàng ông phán xử rõ ràng, phân minh:

*Sở vương phán trước trào ca:
Thái sư cách chức về nhà làm dân.
Trịnh Hâm là đũa bạo thần,
Giao cho quốc trạng sử phân pháp hình.
Nguyệt Nga là gái tiết trinh,
Sắc phong quận chúa hiển vinh rõ ràng.*

Vua không trách tội đánh người, dám coi thường phép của Hón Minh còn sắc phong cho chàng làm phó tướng cùng Vân Tiên ra trận giết giặc, cho chàng một cơ hội lập công danh. Điều đó chứng tỏ ông là người biết dụng nhân tài, có lòng trọng nghĩa.

Trong truyện *Dương Từ - Hà Mậu*, cả Dương Từ và Hà Mậu theo cách nói của Đồ Chiểu lúc đầu đều theo tà đạo. Họ đều tự hào về mối đạo mà mình đang theo:

*Có người về đạo Hoa – lang,
Năm đời giữ thói khoe khoang cầu hồn.*

Nhưng sau này vì nghi ngờ về mối đạo mà mình đang theo nên quyết tâm đi tìm chính đạo:

*Mậu rằng: tiên cảnh tốt tươi,
Phen này ta nguyện theo người đi tìm.
Làm người há chẳng bằng chim,
Chim còn biết chọn cây im gởi mình.
Vén mây mới thấy trời xanh.
Tìm đànang phải dọn mấy cành gai chông.*

Cuối cùng họ cũng tìm được về với chính đạo, đi đúng con đường chân chính:

*Cùng nhau bàn luận việc đời,
Theo đường nhân nghĩa bỏ vời dị đoan.*

Qua một số nét phác thảo thế giới nhân vật trong truyện Nôm của Đồ Chiểu chúng tôi nhận thấy: Đồ Chiểu đã vẽ lên một bức tranh về xã hội loài người thật chân thực, rộng lớn trong truyện Nôm của mình. Nhân vật trong truyện Nôm của ông gồm nhiều hạng người trong xã hội. Điều này cho thấy khả năng và tầm bao quát hiện thực, sự thấu hiểu nhân tình thế thái của Đồ Chiểu.

3.2.2. Nhân vật mang tính cách người miền Nam

Nam Bộ là một vùng đất mới của tổ quốc. Người dân Nam Bộ ngoài những người bản địa, một số không ít vốn là những người nông dân nghèo ở miền Bắc vào đây sinh cơ lập nghiệp, hoặc là những người chống đối các triều đại phong kiến ngoài Bắc bị khủng bố, chạy vào đây trốn tránh... Tất cả những con người nghèo khổ và nghĩa khí ấy sống với nhau trong điều kiện thiên nhiên có nhiều thuận lợi cho việc làm ăn nên họ càng hào hiệp, nghĩa khí. Tính cách của họ nhìn chung vẫn là tính cách của cộng đồng người Việt nhưng ở họ có một số nét địa phương rất rõ. “*Đó là những con người đã tròn thì ra tròn, vuông thì ra vuông, dứt khoát rõ ràng, như rựa chém đất, không lắt léo khó hiểu, có thể nói là không suy nghĩ lâu, không tính toán kỹ.*” [13, tr. 686].

Quả thực, trong *Lục Vân Tiên* xuất hiện hàng loạt những con người hết lòng vì nghĩa như Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trực, Tiểu đồng, ông ngư, ông tiều, bà lão... Họ đều là những con người có một tâm hồn giàu lòng nhân hậu yêu thương con người như chính những con người ở vùng quê Nam Bộ thân yêu mà hàng ngày Đồ Chiểu sống ở đó. Nơi quê hương thân yêu như dòng

suối mẹ có những con người như thế đã nuôi dưỡng chàng thanh niên sớm gặp nhiều bất hạnh trong cuộc đời. Những con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu có tính cách như những con người trong ca dao. Họ đều là người trọng nghĩa khinh tài:

*Theo nhau cho trọn đạo trời,
Dẫu không có chiếu trái toi mà nằm.*

Người dân miền Nam Bộ là những con người hào hiệp trọng nghĩa, khi gặp chuyện bất bình họ sẵn sàng xả thân vì nghĩa cứu giúp người bị nạn:

*- Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.
Kêu rằng: Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.*

(Lục Vân Tiên)

Chính vì trọng nghĩa khinh tài nên họ không coi trọng tiền bạc của cải vật chất. Họ cho rằng đó là việc mình nên làm không tính toán thiệt hơn, không mong người khác báo đáp thật đúng như câu ca dao Nam Bộ:

*Giúp ai nhiều ít nên quên,
Phiền ai một chút để bên dạ này.*

Một hệ quả của tính trọng nghĩa là sự thẳng thắn, bộc trực. Người Nam Bộ có phong cách rõ ràng, dứt khoát. Họ nói như rựa chém xuống đất, như đinh đóng cột. Làm ra làm, chơi ra chơi. Họ đã hứa là làm. Tính cách này thể hiện rất rõ thông qua nhân vật Kỳ Nhân Sư trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Ông thà đui chứ nhất định không chịu làm tay sai cho giặc, quyết giữ trọn khí tiết thanh cao, trong sạch của mình:

*Thà đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.*

*Thà đui mà khỏi tanh nhờn,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.*

Cũng vì thẳng thắn bộc trực nên khi gặp chuyện bất bình họ không thể bỏ qua. Đối với những việc hợp với đạo lý họ sẵn sàng xả thân. Ngược lại, trái với đạo lý họ nhất định không làm. Chàng Hớn Minh trong *Lục Vân Tiên* cũng là một con người như thế. Khi gặp Đặng Sinh con quan huyện cậy thế hãm hiếp con gái giữa đường chàng không thể bỏ qua dù biết việc đánh con quan huyện là sai, hậu quả sẽ là tù đày:

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò*

Do tính bộc trực, thẳng thắn người dân Nam Bộ ít khi che giấu được cảm xúc của mình. Họ thường bộc lộ cảm xúc mãnh liệt. Khi đứng trước một tình cảnh thương tâm nào đó họ thường hay khóc. Vân Tiên khi nghe tin mẹ mất đã không cầm nổi nước mắt:

*Hai hàng lụy ngọc nhỏ sa,
Trời Nam đất Bắc xót xa đoạn trường.*

Và khóc cho đến hai mắt vĩnh viễn không nhìn thấy ánh sáng được nữa. Nguyệt Nga khi nghe tin Vân Tiên không còn nữa thì:

*Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng khóc rờn rờn như mưa.*

Tử trực khi nghe tin Vân Tiên đã mất cũng không khỏi thương tâm:

*Nghe qua Tử Trực chạnh lòng,
Hai hàng nước mắt rờn rờn như mưa.*

Có lẽ đây chính là những giọt nước mắt của những con người sống vì tình nghĩa. Họ khóc bằng chính trái tim chan chứa tình yêu thương con người. Những con người giàu nước mắt nhất lại là những người anh hùng, những người sống hết lòng vì tình nghĩa. Nếu không có tình cảm, không biết rung

động xót thương, không biết sống sâu sắc có lẽ đã không thể khóc một cách tự nhiên như thế. Những kẻ sống ác, xấu xa không có lòng thương người đương nhiên sẽ không có những giọt nước mắt rơi vì tình nghĩa như thế. Vì vậy hành động khóc của các nhân vật đóng vai trò như một chi tiết nghệ thuật. Nó chính là một biểu hiện của lòng nhân nghĩa.

Đứng trước một việc phẫn nộ, không đồng tình họ cũng thể hiện thái độ dứt khoát, rõ ràng. Kỳ Nhân Sư khi được vua Liêu sai sứ giả đến mời vào triều làm ngự y nhất quyết từ chối bằng hành động tự mình xông mắt cho mù:

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân
...Thà cho trước mắt tối thâm,
Chẳng thà ngồi ngó lục trâm can qua.*

Họ hành động phản kháng quyết liệt mà không quan tâm đến việc có thể mình sẽ phải trả giá bằng cả tính mạng.

Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu đã vẽ lên thế giới nhân vật với nhiều hạng người trong truyện Nôm của mình. Qua đó khẳng định ông là người có tầm bao quát hiện thực và sự thấu hiểu nhân tình thế thái. Đặc biệt, điều làm nên nét riêng của nhân vật trong truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu là việc ông đã xây dựng nên những nhân vật mang phẩm chất đạo đức, tính cách của con người Nam Bộ.

3.3. Ngôn ngữ

3.3.1. Lóp từ vựng đặc trưng

3.3.1.1. Lóp từ thuộc phạm trù đạo đức

Nhắc tới Đồ Chiểu là nhắc tới nhà văn đạo đức trữ tình xuất sắc nhất trong lịch sử văn học dân tộc. Ông đã nghệ thuật hóa được rất nhiều khái niệm, phạm trù đạo đức của nhân dân trong sáng tác của mình và ngôn ngữ đã phục vụ đắc lực cho việc truyền tải những nội dung đạo đức ấy.

Ở đây chúng tôi lấy truyện Nôm *Lục Vân Tiên* làm đối tượng nghiên cứu và khảo sát chính bởi "*đây là một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người trung nghĩa* [18, tr.73]". Trước hết, đọc *Lục Vân Tiên* ta bắt gặp một lớp từ biểu đạt các khái niệm mang nội dung đạo đức được ông sử dụng với tần số rất lớn như: trung, hiếu, tiết, hạnh, thảo, đức...đặc biệt là chữ ơn (ân) và chữ nghĩa (ngãi / nghi) được xuất hiện nhiều nhất (xem *Phụ lục 1* trang 1).

Chữ “ơn” (ân), chữ “nghĩa” (ngãi, nghi) được nhắc lại nhiều lần đã khẳng định lẽ sống của nhân dân được thể hiện qua mối quan hệ giữa các nhân vật. Chúng đã tạo ra một không khí rất phù hợp và có sức thuyết phục cao cho những câu chuyện và những lời đối đáp về đạo lý làm người.

Song song với việc sử dụng lớp từ ngữ biểu đạt mang nội dung khái niệm đạo đức, Đồ Chiểu còn vận dụng rất nhiều những điển tích, điển cố để khẳng định, ngợi ca cái thiện, đả kích, phê phán cái xấu, cái ác. Hóa thân vào nhân vật ông Quán, Đồ Chiểu bày tỏ nỗi lòng mình:

*Quán rằng: Ghét việc tâm phào,
Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
Ghét đời **Kiệt, Trụ** mê dâm,
Để dân đến nỗi xa hãm sẩy hang.
Ghét đời **U Lê** đa đoan,
Khiến dân luống chịu làm than muôn phần.
Ghét đời **Ngũ bá** phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời **Thúc Quý** phân băng,
Sớm đầu tới đánh lừng nhằng rối dân.*

Theo từ điển *Lục Vân Tiên* Kiệt, Trụ là hai tên vua rất tàn bạo và hoang dâm cuối cùng đều bị diệt vong.

U, Lệ: U là U vương vua thứ mười hai; Lệ là Lệ Vương, vua thứ mười của nhà Tây chu. Đây là hai vị vua khét tiếng tàn bạo của lịch sử Trung Quốc.

Ngũ Bá: năm nước chư hầu thay nhau làm bá chủ Trung Quốc thời Xuân Thu. Năm nước chư hầu đó là: Tề, Tấn, Tống, Sở, Tần. Sử gọi là thời Xuân Thu Ngũ Bá, đây là thời loạn lạc nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Thúc Quý: Thúc là chót, quý là cuối. Cuối đời thì gọi là thúc thế hay quý thế.

Từ việc giải thích nghĩa của các điển cố trên cho thấy: đối tượng mà ông Quán ghét là những triều đại vua chúa ăn chơi trác táng, say đắm tửu sắc, lạm dụng quyền lực làm cho nhân dân khốn cùng, đất nước bán loạn, suy vong.

Ông Quán nói về lẽ thương của mình:

*Thương là thương đức **thánh nhân**,
Khi nơi Tống Vệ lúc Trần lúc Khuông.
Thương thầy **Nhan tử** dở dang,
Ba mươi một tuổi tách đàng công danh.
Thương ông **Gia Cát** tài lành,
Gặp con Hồn mặt đã đành **phôi pha**...*

Thánh nhân là người có cốt cách cao ở đây chỉ Khổng Tử ông tổ của Nho gia.

Nhan tử tức Nhan Uyên một trong những học trò giỏi nhất của Khổng Tử nhưng không may sớm qua đời.

Gia Cát tức Gia Cát Lượng là một bậc mưu lược đại tài nhưng thích ở ẩn, tự lo cày cấy và vui đàn hát.

Nhằm phê phán những hành vi đạo đức xấu của con người Đồ Chiểu cũng sử dụng điển cố:

*Hay là theo thói nước Tề,
Vợ người **Tử Củ** đưa về **Hoàn Công**.
Hay là học thói Đường Cung,
Vợ người **Tiểu Lạc** sánh cùng **Thế Dân**.*

*Hay là học thói nhà Tần,
Bất Vi gả vợ Dị Nhân lấy nhằm.*

Tử Củ con Tề Hy Công khi cha chết chính sự nước Tề rối loạn, Tử Củ chạy sang nước Lỗ. Em Tử Củ là Tiểu Bạch được về làm vua chính là Tề Hoàn Công. Sau đó Tề Hoàn Công xin vua nước Lỗ giết anh mình rồi đoạt vợ anh.

Tiểu Lạc tên thật là Lý Nguyên Các em ruột vua Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) bị Thế Dân giết và cướp vợ.

Dị Nhân là con thái tử nước Tần bị bắt làm con tin nước Triệu. Tại đây, gặp Lã Bất Vi được Bất Vi giúp của và giúp mưu để được rước về làm vua, nhưng lại bị Lã Bất Vi lừa lấy phải người vợ bé của hắn.

Đồ Chiểu đã sử dụng lớp từ ngữ này như một yếu tố phù trợ đặc địa trong việc truyền tải những nội dung đạo đức của ông.

3.3.1.2. Lớp từ ngữ tôn giáo

Đồ Chiểu viết *Dương Tử - Hà Mậu* nhằm bênh vực đạo Nho, khuyên mọi người trở về với chính đạo nên trong tác phẩm này ông sử dụng nhiều lớp từ ngữ tôn giáo nhằm làm sáng tỏ nội dung chủ đề trong tác phẩm.

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều người thì *Dương Tử - Hà Mậu* được soạn từ năm 1951 và hoàn chỉnh vào những năm trước khi thành Gia Định rơi vào tay thực dân Pháp. Lúc đầu Nguyễn Đình Chiểu viết truyện Nôm này với mục đích dạy đạo Nho cho học trò. Sau đó, khi quân đội viễn chinh của thực dân Pháp muốn xâm lược nước ta, đã âm mưu lợi dụng Hội truyền giáo, cho các giáo sĩ sang nước ta để dò la tin tức, quan sát tình hình, để mê hoặc, ru ngủ quần chúng nhân dân ta bằng những giáo lý huyền hoặc của Thiên chúa giáo.

Là một con người nhạy bén với thời cuộc, Đồ Chiểu thấy rõ được điều này nên ông đã chỉnh sửa lại tác phẩm *Dương Tử - Hà Mậu* cho hợp với thời cuộc.

Lớp từ ngữ tôn giáo ông dùng chủ yếu là ở ba tôn giáo chính: Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo. Trong tương quan với Nho giáo, Nguyễn Đình Chiểu coi Phật giáo và Thiên chúa giáo là tà giáo. Có rất nhiều từ ngữ ở hai tôn giáo này được Đồ Chiểu vận dụng có thể kể ra hàng loạt những từ ngữ thuộc phạm trù Phật giáo như: quả báo, phật, tu hành, xuất gia, nam – vô, từ bi, chùa, chuỗi bồ đề, Như Lai, đại sư, mười điều giới cấm, quy y, bần tăng.... Những từ ngữ thuộc phạm trù Thiên chúa giáo: thiên đàng, địa ngục, a - men, đức chúa trời, Da - tô, rửa tội, cha...

Phật giáo là tôn giáo mà giáo lý của nó răn dạy con người sống lià xa vòng danh lợi của cuộc sống, tu tâm, diệt dục theo những giáo lý của nhà Phật. Vào thời điểm đất nước đang đứng trước nguy cơ một cuộc ngoại xâm đòi hỏi mỗi người đều phải góp một phần nhỏ sức lực của mình trong việc ngăn chặn cuộc xâm lược ấy xảy ra. Giáo lý nhà phật trở thành đối tượng bị lên án:

*Tóc râu là dạng nam nhi,
Của cha mẹ đức can gì cạo đi ?
Tổ tiên chút đã đền chi,
Vừa hương bát nước mấy khi phụng thờ.
Áo com còn nợ sờ sờ,
Ngọn rau con cá cũng nhờ đất vua.
Trốn xâu lánh thuế vô chùa,
Trong đời những sãi thời vua nhờ gì*

Đồ Chiểu vạch rõ âm mưu lợi dụng Thiên chúa giáo để mở đường xâm lược của Tây phương:

*Dân ta về đạo Tây rồi,
Nước người Tây lấy mấy hôi nhọc lo.
Ai dẫu tránh khỏi bể giò,*

*Lại đem nha phiến đem cho hút ghiền.
Năm co ôm ống hút liền,
Nào lo toan trước đánh phiến dẹp loạn.*

Ông phê phán giáo lý của Thiên chúa giáo vì giáo lý thiên chúa giáo cho rằng con người chết sẽ được lên thiên đàng:

*Từ theo đạo ấy đến giờ,
Họa con thiên cầu cũng nhờ ít ăn.
Một năm cho nộp một lần,
Trăm năm hồn hóa làm phần nương tai.
Vua Tây lo sợ lâu dài
Hồn đâu cho đủ nộp hoài liền năm.
Cùng nhau toan chước lo thâm,
Khiến người các nước đều làm nghe va.
Đặt lên làm chức nhà cha,
Cho đi dạy đạo gần xa phỉnh người.
Bùa mê thuốc cấu đổi đời,
Lòng người đều mắc vào nơi Tây tà.
Sống thời kêu nó bằng cha,
Thác thời lại hóa hồn ma đem về*

Vì những lẽ đó mà ông khuyên mọi người nên rời xa "tà đạo" và quay trở về với "chính đạo" – đạo Nho. Bởi chỉ có đạo Nho mới dạy con người về chữ trung, chữ hiếu:

*Biết ơn phụ tử nghĩa quân thân,
Nhờ có trời sanh đức thánh nhân.
Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn,
Dấu xe hành đạo rạch trong trần.*

Đồ Chiểu sử dụng rất nhiều các từ thuộc phạm trù Nho giáo như: cương thường, trung, hiếu, hiền thảo, lễ, nghĩa... Ông cho rằng:

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

*Đạo Nho là đạo trời cho,
Truyện hiền kinh thánh nhiều pho dạy đời.*

Ông khuyên mọi người về với đạo Nho không phải nhằm mục đích củng cố bộ máy thống trị cho triều đình phong kiến mà vì ông thấy trong hệ thống giáo lý Nho giáo nhiều yếu tố tiên bộ, tích cực có thể đem ra giúp đời nhất là vào lúc người dân đang bị Thiên chúa giáo ru ngủ làm quên đi nghĩa vụ của mình với đất nước đương thời.

Trong văn học trung đại việc sử dụng những triết lý của đạo Phật, những từ ngữ của Nho giáo của các tác gia vào trong sáng tác của mình là một điều rất phổ biến. Tuy nhiên, xuất phát từ mục đích là con thuyền "chở đạo" Đồ Chiểu đã sử dụng hàng loạt những từ ngữ thuộc cả ba tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo để chỉ rõ cho mọi người thấy đâu là "chính đạo" và đâu là "tà đạo". Đây chính là một điểm rất mới trong việc sử dụng từ ngữ của Đồ Chiểu vào trong truyện Nôm.

3.3.1.3. Lớp từ ngữ y học

Ngư tiêu y thuật vấn đáp là tác phẩm viết về y học. Tác phẩm được viết trong giai đoạn cuối đời của Đồ Chiểu khi cuộc kháng chiến của nhân dân ta dần đi đến thất bại. Hầu hết các tỉnh Nam Bộ nước ta lúc này đều rơi vào tay thực dân Pháp.

Có lẽ từ trước đến nay chưa có một tác phẩm truyện Nôm nào tần số những từ y học lại xuất hiện một cách dày đặc như thế có thể kể ra một số từ như: đau, châm cứu, thận, tim, bàng quang, ruột, mật, bao tử, thai, đẻ, tử cung, kinh huyết (phần *Phụ lục 2* trang 6).

Điều đặc biệt Đồ Chiểu sử dụng lớp từ ngữ y học một cách có hệ thống.

Khi nói về sản khoa, Đồ Chiểu khuyên người phụ nữ khi sinh đẻ dùng thuốc cần chú ý nhiều mặt:

*Tổ xưa dùng thuốc đẻ rồi,
Có ba điều cần người ôi ghi lòng.*

Cắm thang phật thủ chớ dùng,
Bởi trong có vị *xuyên khung* chẳng lành.
Xuyên khung tán khí đã đành,
Lại hay phát hãn trong mình hư thêm.
Cắm thang tứ vật phương kiềm,
Địa hoàng thực dược chẳng hiểm dụng sinh.
Địa hoàng sống lạnh máu kinh,
Bách thời phải dụng chín mình chế đi.
Để sau khí huyết đương suy,
Thực dược chua lạnh dùng thì tửu sao.
Cắm dùng *thang tiểu sài hồ*,
Hoàng cầm tánh mát ngăn hồ huyết đi.
Cho hay bệnh sản nhiều nguy,
Mấy lời kinh huấn chủ trì chớ quên.

Một số căn bệnh trẻ em thường mắc phải:

Đứa thời đau chứng *cấp kinh*,
Đứa thời *cam tích* bùng bình bĩn ra.
Đứa thời hai mắt *quáng gà*,
Đứa thời tím miệng khóc la *rún lời*.
Đứa thời *đau bụng lõi chòi*,
Đứa thời *ỉa kiết rặn* lời tròng trê.
Đứa thời *sài ghẻ nóng mê*,
Đứa thời *hoa trái* độc về hông vai.

Thông thường một cuốn sách dạy những kiến thức y học để chữa bệnh thì đòi hỏi văn phong mang phong cách ngôn ngữ khoa học. Nhưng ở đây Đồ Chiểu lại viết dưới hình thức một tác phẩm văn học – một truyện Nôm lớn. Ông đã vận dụng một cách sáng tạo vốn ngôn ngữ y học kết hợp với văn học

góp phần đưa một lớp từ khoa học vào Truyện Nôm. Nhờ đó thể loại văn học dân tộc từ đây có thêm một chức năng mới: cung cấp tri thức, hiểu biết y học góp phần nâng cao dân trí cho nhân dân. Đây chính là nét độc đáo, mới lạ và cũng là đóng góp to lớn của Nguyễn Đình Chiểu so với các tác gia truyện Nôm trung đại khác.

3.3.2. Ngôn ngữ bình dân

Nếu như truyện Nôm bác học thường sử dụng rất nhiều thành ngữ, điển tích Hán làm cho tác phẩm khó đi vào được đông đảo quần chúng nhân dân thì truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu sử dụng rất nhiều từ ngữ trong từ kho tàng ca dao, tục ngữ dân gian, làm cho ngôn ngữ trong truyện Nôm của ông bình dị, mộc mạc, nôm na gần với quần chúng nhân dân. Nhận xét về ngôn ngữ trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả Hồng Dân trong bài viết: *"Nguyễn Đình Chiểu, cái mốc lớn trên tiến trình của tiếng Việt Văn học"* đưa ra nhận xét: *"Mặt chủ yếu góp phần tạo ra cái bản sắc riêng, độc đáo ở Nguyễn Đình Chiểu là ở chỗ, cùng với các tác giả khuyết danh của một loại truyện Nôm giàu giá trị, cụ lại tiếp tục phủ định thực trạng nói trên, làm cho ngôn ngữ của tác phẩm văn học gần gũi hơn với ngôn ngữ sinh động, phong phú và đa dạng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của đại chúng, của nhân dân"* [22, tr.544].

Từ đó tác giả đi đến một sự so sánh đầy hình ảnh:

"Cái đẹp của ngôn từ trong Cung oán ngâm khúc, trong Truyện Kiều...có phần giống cái đẹp của cây đa, cây đề được chăm chút gọt tĩa khéo léo trong vườn thượng uyển, trong công viên; còn cái đẹp trong ngôn từ của loạt truyện Nôm, mà ngày nay vẫn chưa tìm ra tên tác giả, cũng như cái đẹp của ngôn từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu lại có phần giống với cái đẹp của cây đa, cây đề mọc ở đầu làng, ở giữa cánh đồng, ở một bên nước, bờ sông nào đó của thôn quê Việt Nam, mộc mạc và bình dị, chân thực và hồn nhiên lạ thường.

Đặc điểm này quán xuyên toàn bộ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp....Ta có thể bắt gặp ở đây những từ ngữ cửa miệng, những từ ngữ phương ngôn, những thành ngữ, tục ngữ, những cách nói quen thuộc trong nói năng hàng ngày của đại chúng nói chung, của nhân dân Nam Bộ nói riêng..." [22, tr545].

Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng thành công chất liệu ngôn ngữ dân gian trong tác phẩm của mình.

Khi chia tay Vân Tiên để chèo lên kinh ứng thí Võ Thê Loan đã rất khéo léo khi vận dụng linh hoạt một câu ca dao đạo đức để nhắc nhở Vân Tiên.

*"Xin đừng tham đó bỏ đấng,
Chơi lê quên lựu, chơi trắng quên đèn."*

Hay khi Nguyệt Nga tự vẫn nhưng được quan âm cứu, dạt vào vườn hoa nhà Bùi Công. Con trai ông là Bùi Kiệm say mê nhan sắc nàng nhưng biết nàng thủ tiết với Vân Tiên nên hẳn đã tìm mọi lời lẽ để dụ dỗ, thuyết phục nàng:

*"Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết mình vào đâu.
Ai từng mặc áo không bầu,
Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau."*

Câu ca dao thể hiện trạng thái bơ vơ của người con gái khi quyết định bẽ nào trong cuộc tình duyên. Bùi Kiệm dẫn câu ấy như một sự đưa đẩy đi đến khẳng định cái "vô lý" của Nguyệt Nga khi nàng cứ ôm bực tượng thờ người đã mất.

Bên cạnh những câu ca dao được sử dụng nguyên vẹn, trong tác phẩm có những câu mang một mảnh của câu ca dao hoặc dựa trên ý của một câu ca dao được Đồ Chiểu vận dụng linh hoạt. Lục Vân Tiên khi nghe tin mẹ mất chèo đau xót vô cùng. Nghĩ tới con đường về xa xôi chèo than thở:

*“Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng chín chiu ruột đau”*

Hình ảnh từ ngữ đó đã nhắc nhớ đến câu ca dao diễn tả tâm trạng của một người con gái lấy chồng xa, thương mẹ, nhớ quê nhà:

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.”*

Bên cạnh ca dao, hàng loạt những thành ngữ dân gian quen thuộc cũng được Đồ Chiểu sử dụng trong tác phẩm của mình (xem Phụ lục 3 trang 9). Các thành ngữ xuất hiện với tần số rất lớn (87 lần) có thể kể đến như: tu nhân tích đức, tả đột hữu xông, liễu yếu đào tơ, ếch ngồi đáy giếng, đàn gảy tai trâu, nước đổ đầu vịt, công thành danh toại, chim trời cá nước, bạc như vôi, đau như dằm, tiền mất tật mang, màn trời chiếu đất....

Tất cả thành ngữ ấy góp phần diễn đạt làm cho câu văn diễn tả hay hơn, hợp với vần điệu của thể thơ lục bát. Chẳng hạn như khi gặp lại Vân Tiên ở Ô Sào Nguyệt Nga nửa tin, nửa ngờ:

*“Nguyệt Nga bâng lảng bơ lơ,
Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai.”*

Không những sử dụng ca dao, thành ngữ một cách đặc địa, Đồ Chiểu còn vận dụng khá tài tình kho tàng tục ngữ dân gian. Chúng ta có thể tìm thấy trong các tác phẩm của ông những mô hình của các câu tục ngữ như: chùa rách phật vàng, nước có nguồn cây có cội, sông sao thác vậy.... Những câu tục ngữ vốn là những sự đúc kết sâu sắc, cô đọng kinh nghiệm sống của nhân dân giờ đi vào thơ văn của ông một cách thật tự nhiên. Khi nghe Hớn Minh động viên Vân Tiên lúc chàng gặp nạn:

*“Tháp cao vàng biết tuổi vàng,
Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm xuê.”*

Thì rõ ràng ý của câu này hàm chứa ý nghĩa của câu tục ngữ: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”.

Đọc hai câu thơ là suy nghĩ của Kim Liên khi Nguyệt Nga trên đường đi Ô Qua đã nhảy xuống sông tự tử :

*“Trá hôn về nước Ô – qua
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu ?”*

Rõ ràng ý của câu này lấy từ câu tục ngữ quen thuộc: “vạch lá tìm sâu” của nhân dân ta.

Tính chất bình dân trong truyện Nôm của Đồ Chiểu còn được thể hiện ở những câu chữ, những hình ảnh, cách nói quen thuộc, gần gũi trên cửa miệng của nhân dân. Trong lời bày tỏ với Hón Minh về những gian lao mà mình phải trải qua, Lục Vân Tiên đã bày tỏ nỗi ngóng trông của cha mẹ dành cho mình như sau:

*“Trông con như hạn trông đào,
Minh này trôi nổi phương nào biết đâu?”*

“Trông” là cách nói gần gũi và so sánh “trông như hạn trông đào” bộc lộ sâu sắc trạng thái trông chờ của người thân với Vân Tiên. Từ “trông” ở câu thơ này khiến ta liên tưởng đến từ “trông” trong câu ca dao:

*“Trông trời trông đất trông mây,
Trông mưa trông nắng, trông ngày trông đêm.*

Trong truyện Nôm của Đồ Chiểu ta còn bắt gặp bao nhiêu cách nói thông thường cửa miệng của quần chúng nhân dân mà vẫn rất thơ:

- *Riêng than: Trâm hồi là trâm!*
Vô duyên chi bậy ai cầm mà mơ.
- *Biết nhau chi được mấy hồi,*
Kể còn người mất trời ôi là trời.
- *Vân Tiên từ già phản hồi,*

Nguyệt Nga than thở: Tình ôi là tình!

- Thôi thôi anh chớ vội về

Ở đây nương nấu toan bề thuốc thang.

Với cách sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo vốn ngôn ngữ gần gũi với quảng đại quần chúng nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu đã tạo nên tính bình dân, bình dị trong sáng tác của mình. Trong toàn bộ sáng tác của mình Đồ Chiểu chỉ dùng chữ Nôm điều này cho thấy ông là người có ý thức sử dụng ngôn ngữ dân tộc trong sáng tác văn chương. Ông vận dụng tối đa thành tựu văn hóa dân gian trong sáng tác. Đối với ông, bất cứ một từ ngữ nào trong ngôn ngữ đời sống cũng có thể trở thành từ ngữ của thơ.

Tuy nhiên, ngôn ngữ bình dân cũng có mặt trái của nó. Có lẽ do quá quen với cách nói, cách diễn đạt của quần chúng nhân dân nên đôi khi ông có những câu thơ đơn giản đến khó hiểu, gây cảm giác là tác giả thiếu dụng công nghệ thuật như:

“Tiểu đồng vội vã bước vào,

Xóm làng mới hỏi: Thằng nào tới đây?”

(Lục Vân Tiên)

Quan rằng: Thằng sãi xông pha

Tới nắm cửa miếu vậy mà hỏi ai ?

(Dương Từ - Hà Mậu)

Theo chúng tôi có ba nguyên nhân gây nên những thành công và hạn chế trong ngôn ngữ thơ của Nguyễn Đình Chiểu là:

Một là, Đồ Chiểu là người sống gần gũi với nhân dân, với quần chúng nhân dân lao động, được bao bọc trong tình cảm ấm áp của bà con dân ấp. Chính vì thế đời sống văn hóa đã giúp ông thấm nhuần vốn ngôn ngữ nhân dân. Đúng như tác giả Nguyễn Quang Vinh nhận xét: “*Nguyễn Đình Chiểu*

học được hàng nghìn “trang sách đời” trong cuộc sống văn hóa dân gian phong phú”. [18, tr. 376].

Hai là, tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được truyền bá trong quần chúng nhân dân trước khi được in ra thành sách. Để có thể phục vụ đắc lực cho việc kể thì ngôn ngữ trong tác phẩm phải thực sự dễ đọc, dễ nhớ, dễ hiểu gần gũi với đời sống nhân dân. Như tác giả Nguyễn Lộc đã gọi tên: “đó là thứ ngôn ngữ vừa kể vừa làm động tác, và nghe kể là hiểu ngay tức khắc.” [13, tr. 647].

Và Nguyễn Lộc cũng phân tích rõ hơn: “Có lẽ cũng do yêu cầu nghe kể là phải hiểu ngay như thế, cho nên nhà thơ sử dụng khá nhiều chất liệu ngôn ngữ trong kho tàng ca dao, tục ngữ, và có xu hướng cấu tạo những câu thơ theo mô hình ca dao, tục ngữ. [13, tr. 647].

Do phục vụ cho việc kể mà trong truyện Nôm của Đồ Chiểu ông thường phân chia ra làm các thứ, các lớp:

Thứ này đến thứ Vân Tiên

(Lục Vân Tiên)

Hay:

Thứ này tới thứ họ Dương.

(Dương Từ - Hà Mậu)

Rồi lại:

Thứ này hai họ nghĩa giao

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Sự phân chia ra làm mỗi đoạn, mỗi thứ như thế tương ứng với mỗi lần kể tác phẩm là một lớp, một thứ đoạn, còn thứ khác sẽ kể tiếp vào lúc khác. Nếu không được phân chia rõ ràng như thế thì người kể sẽ không biết mình nên dừng lại ở chỗ nào và ngày hôm sau sẽ bắt đầu kể từ đâu. Bởi truyện Nôm của ông đều là những tác phẩm có dung lượng lớn nên không thể kể một tối mà hết được.

Ba là, Đồ Chiêu là người rất có ý thức, trách nhiệm đối với việc cầm bút. Các tác phẩm của ông viết ra không nhằm mua vui, giải trí mà nó đều là những bài ca đạo đức, thể hiện lòng yêu nước, tinh thần nhân nghĩa, chiến đấu chống quân lại kẻ thù. Vì vậy, tác phẩm viết ra phải nôm na, dễ nhớ mới có sức lôi cuốn, lay động lòng người, có sức thuyết phục mọi người.

3.3.3. Ngôn ngữ địa phương

Đọc tác phẩm của Đồ Chiêu dễ dàng nhận ra ngay màu sắc Nam Bộ trong sáng tác của ông. Trước hết là qua một loạt những từ cụ thể khác với phương ngữ Bắc Bộ (xem Phụ lục 4 trang 20). Tần số xuất hiện của những từ địa phương là rất cao, có thể kể ra một số từ như: cộp/ hổ; trái/ quả; đau/ ốm; nhơ, dơ/ bẩn; đui/ mù; vậy (lửa)/ nhóm (lửa); dòm, ngắm, ngó, coi/ nhìn, xem; trở việc/ bận việc; hỏi/ giục... Đây là những phương ngữ nếu chúng ta không dựa vào văn cảnh hoặc không có vốn từ địa phương thì sẽ rất khó hiểu.

Tiếp đến phải kể đến những từ có dạng biến thể ngữ âm giữa các phương ngữ. Phương ngữ mỗi miền đều có cách phát âm riêng. Vì thế giữa các phương ngữ luôn tồn tại những biến thể phát âm, thường diễn ra ở bộ phận âm chính hoặc phụ âm đầu. Chẳng hạn như: chun, chơn/ chân; lịnh/ lệnh; bịnh/ bệnh; phụng/ phượng; rày/ nay; này/ này; hiển vang/ hiển vinh; đàng/ đường; đương/ đang; nhon/ nhân; đờn/ đàn; lụy/ lệ; đặng/ được; phước/ phúc; ngãi/ nghĩa; trào/ triều; phang/ phương; tràng/ trường; bực / bậc; sanh/ sinh; đứng/ đáng; hớn/ hán; chi/ gì; nhứt/ nhất... Dường như vốn ngôn ngữ trong sinh hoạt đời thường, trong lời ăn tiếng nói của bà con cô bác xóm giềng, của những con người Nam Bộ mến thương đã được Đồ Chiêu khai thác rất thành công.

Khi đọc truyện Nôm của Đồ Chiêu người đọc sẽ được tiếp cận với một lớp các từ ngữ có thể coi là khẩu ngữ của đồng bào Nam Bộ, như: vừa hương, chia bầu, tua, xuê, hỏi phăn, nói nhây, chẳng khứng, đòi con, tốt đời, tách vôi, lăm... từ “xuê” với ý nghĩa là xinh đẹp, tươm tát lặp lại ở một số câu thơ:

- Bấy lâu cửa thánh dựa kê,
Đã tươi khí tượng lại **xuê** tinh thần.
- Tháp cao vàng biết tuổi vàng,
Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm **xuê**.
- Ngày ngày trang điểm phấn dôi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngời cho **xuê**.
- Cha con thấy nói mừng lòng,
Dọn nhà sửa chỗ động phòng cho **xuê**.
- Ông rằng: có nàng Nguyệt Nga,
Bạc tiền đem giúp cửa nhà mới **xuê**.

(Lục Vân Tiên)

- Đông tây sơn đỏ hai lâu,
Chuông vàng mỡ ngọc chiếu châu rất **xuê**
- Có hồn giúp dựng rất **xuê**,
Nước tây mới dựng khỏi bề tai ương.
- Sấm sanh sáu lễ đương **xuê**,
Họ hàng mới nhóm toan bề phụng chiêm.

(Dương Từ - Hà Mậu)

Màu **xuê** lễ nhạc nhiễm sương bay

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Từ “vua hương” cũng được ông nhắc tới trong câu:

Thương vì đôi lứa chưa thành,
Vua hương bát nước ai dành ngày sau.

(Lục Vân Tiên)

Tổ tiên chút đã đền chi,
Vua hương bát nước mấy khi phụng thờ.

(Dương Từ - Hà Mậu)

Đây đúng là lời nói của một cô gái vùng quê Nam Bộ. “Vùa hương” là từ chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ của nhân dân Miền Nam. “Vùa” là đồ dùng hình cái bát, đựng cát cắm hương. Nên ở trong câu thơ trên “vùa hương” là chỉ cái bát cắm hương.

Từ "chộn rộn" với ý nghĩa là bận bịu, vướng víu và từ "đành rành" với ý nghĩa là rõ ràng, chắc chắn cũng được Đồ Chiểu nhắc đến trong hai câu thơ:

- Theo năm **chộn rộn** khó toan rẽ rời.

- Nhớ lời đạo hữu dạy ta **đành rành**.

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Đọc truyện Nôm của Đồ Chiểu đôi khi ta còn lầm lẫn dường như mình đang đứng trò chuyện với những con người bằng xương, bằng thịt. Các nhân vật trong truyện xưng hô nghe thật tự nhiên, mộc mạc:

Bụi dâu dâm con chim cưu đậu,

*Thuở nghiêng nghèo có **bậu** với **qua**.*

Dân rằng: Lũ nó còn đây,

*Qua xem tướng **bậu** thơ ngây đã đành.*

Cách xưng hô “qua” (nghĩa là tôi chỉ người nói) và “bậu” (nghĩa là cậu chỉ người nghe) là cách xưng hô rất đặc trưng trong ngôn ngữ sinh hoạt của người dân Nam Bộ.

Tóm lại Đồ Chiểu rất thành công trong việc sử dụng ngôn ngữ mang phong cách địa phương Nam Bộ vào trong sáng tác của mình. Điều này làm cho tác phẩm của ông gần với ngôn ngữ của quần chúng hơn và dễ được quần chúng đón nhận hơn.

* *Tiểu kết chương ba*

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, mặc dù Đồ Chiểu vẫn vận dụng lối kết cấu truyền thống của truyện Nôm trong việc triển khai các tình tiết, diễn biến câu chuyện. Tuy nhiên, ông đã vận dụng một cách sáng tạo khi đưa vào trong

đó là lối kết cấu theo tuyến nhân vật thể hiện ngay trong từng cặp nhân vật một. Việc đặt nhân vật trong thế đan xen, bổ sung hỗ trợ cho nhau trong *Dương Tử - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cùng việc đưa vào những bài thơ mang nội dung đạo lý, trong truyện Nôm góp phần tô đậm chủ đề đạo lý trong truyện Nôm Đồ Chiểu. Tất cả làm nên nét riêng trong kết cấu truyện Nôm của Đồ Chiểu so với các tác gia truyện Nôm trung đại khác.

Ông đã xây dựng được thế giới nhân vật phong phú với đầy đủ mọi tầng lớp, giai cấp, hạng người trong xã hội cho thấy khả năng bao quát hiện thực và sự thấu hiểu nhân tình thế thái của Đồ Chiểu. Vì lấy đề tài từ hiện thực cuộc sống của con người Nam Bộ nên nhân vật trong truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu là những con người mang những nét tính cách của họ. Người Nam Bộ là những người cương trực, ngay thẳng, yêu ghét phân minh như chính con người ông vậy. Điều đó làm nên nét riêng của nhân vật trong truyện Nôm của ông so với các tác gia trung đại khác. Nhân vật trong truyện Nôm của ông dễ đi vào đời sống của những con người nơi ông sinh ra và lớn lên.

Về mặt ngôn ngữ, nhằm phục vụ cho chủ đề: đề cao đạo lý dân tộc và đề cao chủ nghĩa yêu nước, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng nhiều lớp từ vựng của nhiều lĩnh vực như: đạo đức, tôn giáo, y học vào trong truyện Nôm. Với việc vận dụng một cách có hệ thống lớp từ ngữ y học vào *Ngư Tiều y thuật vấn*, Đồ Chiểu góp phần không nhỏ trong việc nâng cao sự hiểu biết của người dân về một ngành khoa học thiết thực mà họ có thể vận dụng trong cuộc sống hàng ngày. Nguyễn Đình Chiểu vận dụng linh hoạt những câu ca dao, tục ngữ cùng với sự xuất hiện của hàng loạt những thành ngữ dân gian làm cho tác phẩm của ông dễ dàng đến với công chúng hơn. Điều đặc biệt việc sử dụng hàng loạt những từ ngữ trong phương ngữ Nam Bộ tạo nên nét riêng trong tác phẩm của ông so với các tác gia truyện Nôm vùng Bắc Bộ.

KẾT LUẬN

1. Là một tác gia lớn trong giai đoạn cuối cùng của văn học trung đại, Đồ Chiểu có một bút lực dồi dào trong thể loại truyện Nôm. Có thể nói không một tác gia trung đại nào có khối lượng sáng tác truyện Nôm đồ sộ như ông (ba truyện Nôm lớn). Điều đó khẳng định lại một lần nữa sức sống của truyện Nôm một thể loại có thể nói là phát triển rực rỡ nhất trong các thể loại của văn học trung đại.

2. Về mặt nội dung, tác phẩm của Đồ Chiểu không vay mượn cốt truyện trong kho tàng văn học dân gian, trong văn học cổ Trung Quốc mà lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống, từ chính cuộc đời mình đưa vào trong tác phẩm. Đặc biệt, hiện thực cuộc sống của nhân dân Nam Bộ hiện lên chân thực, sinh động trong truyện Nôm của Đồ Chiểu. Nhiều nhân vật trong ba truyện Nôm mang bóng dáng Nguyễn Đình Chiểu ngoài đời. Vì vậy, ông góp phần mở rộng mảng đề tài mang tính tự truyện trước đây trong truyện Nôm. Đây là những mảng đề tài mới bổ sung vào nguồn đề tài chính (nguồn đề tài lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống) trong kho tàng truyện Nôm của dân tộc. Chính điều đó làm nên nét riêng trong nguồn đề tài truyện Nôm Đồ Chiểu. Truyện Nôm của ông ở hai giai đoạn là sự phát triển trong nội dung tư tưởng, chủ đề từ đề cao đạo lý dân tộc đến chủ nghĩa yêu nước, khẳng định lý tưởng sống cao đẹp của một con người luôn sống vì nhân dân vì đất nước. Bên cạnh những vấn đề mang tính cá nhân trước đây thì nay đến truyện Nôm Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện những chủ đề mang tính cộng đồng, mang tính chiến đấu cao "chở đạo đâm gian". Ông xứng đáng là lá cờ đầu của dòng văn học yêu nước giai đoạn thế kỷ XIX.

3. Về mặt nghệ thuật, Đồ Chiểu đã vận dụng một cách sáng tạo lối cốt truyện truyền thống "Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ" của truyện Nôm trong sáng tác của mình. Đề chuyển tải chủ đề: đề cao đạo lý dân tộc và đề cao chủ nghĩa

yêu nước, Nguyễn Đình Chiểu thêm vào truyện Nôm của mình những yếu tố ngoài cốt truyện. Trong *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, việc Đồ Chiểu xen vào những bài thơ, những câu hát mang nội dung đạo lý đúng độc lập góp phần tô đậm yếu tố đạo đức. Đạo đức là thước đo giá trị con người. Ông vẽ ra cả thế giới nhân vật với đủ mọi loại người, hạng người trong xã hội. Đặc biệt, việc khắc họa nên một số nhân vật mang những nét tính cách đặc trưng của người dân Nam Bộ làm cho nhân vật truyện Nôm của ông gần với nhân dân nhất là những người dân Nam Bộ. Nguyễn Đình Chiểu đã đưa vào truyện Nôm nhiều lớp từ vựng khác nhau như: đạo đức, tôn giáo, y học. Lớp từ ngữ y học được ông vận dụng một cách có hệ thống góp phần cung cấp những tri thức y học, nâng cao hiểu biết cho người dân về ngành khoa học này. Ông đã vận dụng linh hoạt ca dao, tục ngữ, thành ngữ cũng như lời ăn tiếng nói của người dân Nam Bộ làm cho ngôn ngữ trong truyện Nôm của ông nôm na, dễ hiểu, gần với quần chúng hơn và màu sắc Nam Bộ cũng hiện lên rõ nét.

4. Nghiên cứu truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi hy vọng đóng góp một ý kiến nhỏ trong một vấn đề lớn là nghiên cứu toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Đồ Chiểu để từ đó khẳng định vị trí và vai trò to lớn của ông trong dòng chảy văn học trung đại nói riêng cũng như trong nền văn học Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Nguyệt Anh (2001), *Nhân vật truyện Nôm và truyện Kiều – những nét tương đồng, dị biệt*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường ĐHSP Thái Nguyên.
2. Lại Nguyên Ân biên soạn (2005), *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỉ XIX*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Huệ Chi (1972), *Con đường thơ của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Đình Chiểu, tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Chú (chủ biên) (2005), *Văn học 11 tập I phần Văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
5. Phạm Văn Đồng (1963), *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, Tạp chí Văn học, (1) In lại trong máy vấn đề về cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, in lần 1 Nxb Khoa học, Hà Nội.
6. Nguyễn Thạch Giang (2000), *Từ ngữ - Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
7. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục.
8. Kiều Thu Hoạch (2011), *Truyện Nôm lịch sử hình thành và bản chất thể loại*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội.
9. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Đinh Gia Khánh (chủ biên) (2005), *Văn học Việt Nam, thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Hoàng Thị Lan (2009), *Từ láy trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Luận văn thạc sĩ khoa học ngôn ngữ, ĐHSP Thái Nguyên.

12. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*, Nxb khoa học xã hội Hà Nội.
13. Nguyễn Lộc (2012), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục
14. Phương Lựu (chủ biên) (2006), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Đăng Na chủ biên (2010), *Văn học trung đại Việt Nam tập 2*, Nxb Đại học sư phạm.
16. Nhiều tác giả (2008), *Lục Vân Tiên tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học.
17. Nhiều tác giả (1980), *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập I*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội
18. Nhiều tác giả (1982), *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập II*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội
19. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.
20. Nguyễn Hữu Sơn (2005), *Văn học Trung đại Việt Nam, quan niệm về con người và tiến trình phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Trần Đình Sử (chủ biên) (2012), *Lý luận văn học tập 2 tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
22. Nguyễn Ngọc Thiện tuyển (chọn và giới thiệu) (1998), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
23. Dương Văn Thiệp (2004), *Kết cấu truyện Kiều trong tương quan so sánh với kết cấu truyện Nôm*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, ĐHSP Thái Nguyên.
24. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
25. Tuấn Thành – Anh Vũ tuyển chọn (2002), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và dư luận*, Nxb Văn học.

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bảng thống kê tần số xuất hiện của từ "ơn", "nghĩa" trong Lục Vân Tiên

STT	Câu thơ
1	Vân Tiên vội vã tạ ơn , Trăm năm dốc giữ keo sơn mọi lời.
2	Hà Khê qua đó cũng gần, Xin theo cùng thiệp đền ân cho chàng.
3	Vân Tiên nghe nói liền cười, Làm ơn há dễ trông người trả ơn .
4	Than rằng: đó khéo trêu đây, Ơn kia đã mấy của này rất sang.
5	Nghĩ mình mà ngán cho mình, Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.
6	Lao đao phận trẻ chi sồn, No nao dặng trả công ơn cho chàng.
7	Sao sao chẳng kịp thời chầy, Cha nguyên trả dặng ơn này thời thôi.

8	<p>Tiên rằng: cúi đội <i>ơn</i> cho, Tấm lòng ngại ngại hay lo xa gần.</p>
9	<p>Nên hư chút phận chi sòn, Nhớ câu dưỡng dục lo <i>ơn</i> sanh thành.</p>
10	<p>Chút nhờ cứu tử <i>ơn</i> sâu, Xin đem tới đó trước sau cho tròn.</p>
11	<p>Ngư ông đã có công đưa, Tới ngày sau sẽ lo lừa trả <i>ơn</i>.</p>
12	<p>Ngư rằng: lòng lão chẳng mơ, Dốc lòng nhọn nghĩa há chờ trả <i>ơn</i>.</p>
13	<p>Ngựa trông lọng cả cao dày, Cứu trong một buổi <i>ơn</i> tày tái sinh.</p>
14	<p>Mai sau về tới Đông Thành, Đền <i>ơn</i> cứu khổ mới đành dạ tôi.</p>
15	<p>Lão tiều mới nói: Thôi thôi, Làm <i>ơn</i> mà lại trông người sao hay ?</p>

16	Hón Minh quý gói lạy liền, On ông cứu đặng Vân Tiên bạn lành.
17	Vân Tiên nghe biết người ngay, Hỏi thăm tên họ phòng ngày đèn on .
18	Nghĩa tình nặng cả hai bên, Nếu ngay cùng chúa lại quên on chồng.
19	Nàng rằng: Việc ấy đã đành, Còn lo hai chữ ân tình chưa xong.
20	Tiên rằng: Ta lại hỏi hương, On nhau sau gặp khoa trường sẽ hay.
21	Làm trai on nước nợ nhà, Thảo cha ngay chúa mới là tài danh.
22	Đệ lời thề hải minh sơn, Mang on trước phải đền on cho rồi.
23	Cùng ta xưa có ân tình, Phải ra đón rước lộ trình họa may.
24	Trạng nguyện đưa tạ đáp ân ngư tiêu

25	<i>Ơn</i> ra một buổi của nhiều trăm xe.
26	Ngõ cho <i>ơn</i> ngãi vẹn tuyền, Phòng sau xuống chôn huỳnh truyền gặp nhau.
27	Nhớ câu kiến <i>nghĩa</i> bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.
28	Nhớ câu trọng <i>nghĩa</i> khinh tài, Nào ai chịu lấy của ai làm gì.
29	Tiên rằng: Tình trước <i>ngãi</i> sau, Có thương xin khá giúp nhau phen này.
30	Dộc lòng trả nợ áo cơm, Sống mà trọn <i>nghĩa</i> thác thơm danh hiền.
31	Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ, Dộc lòng nơn <i>nghĩa</i> há chờ trả ơn.
32	Ngư rằng tôi chẳng lòng sờn, Xin tròn nơn <i>nghĩa</i> còn hơn bạc vàng.
33	Xưa còn thương kẻ mắc nần, Huống nay ai nữ quên đàng <i>ngãi</i> nơn.

34	<p>Than rằng chạnh nhớ linh xưa, <i>Nghĩa</i> đà kết <i>nghĩa</i> tình chưa phải tình.</p>
35	<p>Tình phu phụ <i>nghĩa</i> quân thân, <i>Nghĩa</i> xa cũng trọn ơn gần cũng nên.</p>
36	<p><i>Nghĩa</i> tình nặng cả hai bên,</p>
37	<p>Ngõ cho ơn <i>ngãi</i> vẹn tuyền, Phòng sau xuống trốn huỳnh tuyền gặp nhau.</p>
38	<p>Tưởng bề nguồn nước cội cây, Công cao ngàn trượng <i>ngãi</i> dày chín trắng.</p>
39	<p>Tiên rằng: Cấm <i>nghĩa</i> Nguyệt Nga, Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng.</p>
40	<p>Vậy cũng đạo chúa <i>nghĩa</i> tôi, Thái sư ý muốn cướp ngôi chín trùng.</p>
41	<p>Xưa nay mấy đũa vô <i>ngì</i>, Dẫu cho có sống làm gì nên thân.</p>
42	<p>Làm người cho biết <i>ngãi</i> sâu, Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn.</p>

2. Phụ lục 2: Bảng lớp các từ ngữ y học trong Ngư Tiêu y thuật vấn đáp

STT	Câu thơ	Từ ngữ y học
1	Đứa thời đau chứng <i>cấp kinh</i> .	Cấp kinh
2	Đứa thời <i>cam tích</i> bụng bình bĩnh ra.	Cam tích
3	Đứa thời hai mắt <i>quáng gà</i> .	Quáng gà
4	Đứa thời đau bụng <i>lãi chòi</i> .	Lãi chòi
5	Đứa thời ỉa kiết rặn lòi <i>tròng trê</i> .	Tròng trê
6	Đứa thời <i>sài ghẻ nóng mê</i> .	Sài ghẻ nóng mê
7	Đứa thời <i>hoa trái độc</i> về hông vai.	Hoa trái độc
8	Việc kia <i>bào chế</i> việc này <i>cứu châm</i> .	Bào chế, cứu châm
9	Hai lâu <i>vấn thiết</i> hai lâu <i>vọng vắn</i> .	Vọng, vắn, vấn, thiết
10	Tạng <i>can</i> thuộc mộc cây rào mùa xuân.	Can
11	Tạng <i>tâm</i> thuộc hỏa mạch hồng.	Tâm
12	Tạng <i>tỳ</i> thuộc thổ sắc vàng.	Tỳ
13	Tạng <i>phế</i> thuộc kim mạch phù.	Phế
14	Tạng <i>thận</i> thuộc thủy mùa đông.	Thận
15	Hiệp <i>bàng quang</i> phủ gìn cầm hóa nguyên.	Bàng quang

16	Dẫn rằng: cái mật người ta.	Mật
17	Mấy chiều ruột nhỏ tiểu trường.	Ruột
18	Cái bao tử ấy thiết ghi công dày.	Bao tử
19	Giả như có thuốc truật linh .	Truật linh
20	Hoàng liên cát cánh phải chưa thệt heo.	Hoàng liên cát
21	Thường sơn hành sống chẳng theo.	Thường sơn
22	Địa hoàng củ cải lại chèo nhau ra.	Địa hoàng
23	Thịt trâu ngưu tất tránh xa.	Ngưu tất
24	Huyết đo kinh lạc phép màu cứu châm .	Huyết, châm cứu
25	Xẻ gan mổ bụng rửa gan cạo trường.	Xẻ gan, mổ bụng, rửa gan
26	Mạch kinh đã chẳng nêu đề.	Mạch kinh
27	Coi vào mạch lý lộn nhàu như tương.	Mạch lý
28	Mười hai kinh huyết găm bài thơ hay.	Kinh huyết
29	Thử xem một chứng thương hàn .	Thương hàn
30	Sao là ngoại cảm sao là nội thương .	Ngoại cảm, nội thương
31	Giả hàn giả nhiệt dễ làm dung y.	Giả hàn, giả nhiệt
32	Bệnh chính thời dụng thuốc thường.	Bệnh chính, thuốc

33	Bệnh tà thời dụng biến phương phép ngoài.	Bệnh tà
34	Có thai thời để xong nuôi vuông tròn,	Thai, để
35	Như đau lạnh thấu tử cung .	Tử cung
36	Có người gọi chứng âm kinh .	Âm kinh
37	Có người gọi chứng cầu thai .	Cầu thai
38	Gọi rằng thai lậu thiệt là huyết dư.	Thai lậu
39	Lại còn chứng gọi quỷ thai .	Quỷ thai
40	Trung hà, bĩ khối cũng loài bụng to.	Trung hà, bĩ khối
41	Trường đàm chứng ấy bụng to.	Trường đàm
42	Thánh xưa làm thuốc phụ khoa .	Phụ khoa
43	Môn rằng: sản hậu một khoa.	Sản hậu
44	Cấm thang phật thủ chớ dùng.	Phật thủ
45	Bởi trong có vị xuyên khung chẳng lành.	Xuyên khung
46	Cấm thang tứ vật phương kiềm.	Thang tứ vật
47	Địa hoàng thực dược chẳng hiểm dụng sinh.	Địa hoàng, thực dược
48	Cấm dùng thang tiểu sài hồ .	Tiểu sài hồ
49	Hoàng cầm tánh mát ngăn hồ huyết đi.	Hoàng cầm

3. Phụ lục 3: Bảng các thành ngữ sử dụng trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

STT	Câu thơ	Thành ngữ	Tác phẩm
1	Có người ở quận Đông thành, <i>Tu nhân tích đức</i> sớm sanh con hiền.	Tu nhân tích đức	LVT
2	Theo thầy <i>nấu sủ sôi kinh</i> , Tháng ngày bao quản sên trình lao đao.	Nấu sủ sôi kinh	LVT
3	Văn đà <i>khởi phụng đăng giao</i> .	Khởi phụng đăng giao	LVT
4	Tuy là soi khắp mọi nơi, <i>Khi mờ khi tỏ</i> khi vui khi đây.	Khi mờ khi tỏ	LVT
5	Con ai <i>vóc ngọc mình vàng</i> , Má đào mảy liễu dung nhan lạnh lùng.	Vóc ngọc mình vàng	LVT
6	Thương thay <i>tiền mắt tật còn</i> , Bơ vơ đất khách thon von tháng ngày.	Tiền mắt tật mang	LVT
7	Tưởng thôi như <i>cắt ruột gan</i> , Quặn đau chín khúc chứa chan mấy lần.	Đau như cắt	LVT
8	Vừa may mà gặp chùa này, <i>Mai danh ản tích</i> bầy chầy nấu nướng	Mai danh ản tích	LVT

9	<i>Rày đây mai đó</i> khôn rồi gian nan.	Nay đây mai đó	LVT
10	Loan rằng: <i>Gót đỏ như son,</i> Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn.	Gót đỏ như son	LVT
11	E khi chậm bước tới trưa, Chớ tin <i>sông cũ bến xưa</i> mà lầm	Sông xưa bến cũ	LVT
12	Thuyền nan một chiếc ở đời, <i>Tắm mưa trải gió</i> trông vời Hàn Giang.	Tắm mưa gội gió	LVT
13	Võ thêm <i>ba lược sáu thao</i> ai bì.	Ba lược sáu thao	LVT
14	Đêm khuya <i>lặng lẽ như tờ,</i> Nghinh ngang sao mọc mịt mờ sương bay.	Lặng như tờ	LVT
15	<i>Màn trời chiếu đất</i> dậm trường lao đao.	Màn trời chiếu đất	LVT
16	Xiết bao <i>ăn tuyết nằm sương.</i>	Ăn tuyết nằm sương	LVT
17	E khi <i>họa hổ bất thành,</i> Khi không mình lại xô mình xuống hang.	Họa hổ bất thành	LVT
18	Vân Tiên <i>tả đột hữu xông,</i> Khác nào triệu tử phá vòng Đương – dang	Tả đột hữu xông	LVT

19	Chút tôi <i>liễu yếu đào tơ</i> , Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phân.	Liễu yếu đào tơ	LVT
20	Trải qua <i>dấu thỏ đường dê</i> , Chim kêu vượn hú tứ bề nước non.	Dấu thỏ đường dê	LVT
21	Than rằng: <i>Lưu thủy cao sơn</i> Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri âm.	Lưu thủy cao sơn	LVT
22	Muốn cho Trục sánh cùng Tiên, Lấy câu <i>bình thủy hữu duyên</i> làm đề.	Bình thủy hữu duyên	LVT
23	Quán rằng sấm chớp mưa rào, <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> biết bao năm trời.	Ếch ngồi đáy giếng	LVT
24	Uổng thay <i>đòn gậy tai trâu</i> ,	Đòn gậy tai trâu	LVT
25	Nước xao đầu vịt gẫm âu nực cười.	Nước đổ đầu vịt	LVT
26	Hai hàng lựu ngọc nhỏ sa, <i>Trời nam đất bắc</i> xót xa đoạn trường	Trời nam đất bắc	LVT
27	Những năm <i>công toại danh thành</i> , Nào hay từ mẫu u minh sớm đời.	Công thành danh toại	LVT

28	Tiểu đồng <i>thở vắn than dài</i> , Trời sao trời nữ phụ tài người ngay.	Thở vắn than dài	LVT
29	Việc trong trời đất biết chi, <i>Sao đời vật đổi</i> còn gì mà trông.	Vật đổi sao đời	LVT
30	Dẫu cho <i>trước quỷ mưu thần</i> , Phong trần ai cũng phong trần như ai.	Mưu ma trước quỷ	LVT
31	Nào hay <i>nước chảy hoa trôi</i> .	Nước chảy hoa trôi	LVT
32	Nào hay phận <i>bạc như vôi</i> thế này.	Bạc như vôi	LVT
33	Mặt mù nào thấy chi đâu, Chân đi đã mỏi mình <i>đau như dằm</i> .	Đau như dằm	LVT
34	Linh đình <i>gió đập sóng đời</i>	Gió đập sóng đời	LVT
35	Nghe qua Tử Trục chạnh lòng, Hai hàng <i>nước mắt rờn như mưa</i>	Khóc như mưa	LVT
36	Thiếp đà chẳng trọn lời thề, Lỡ bề <i>sửa túi</i> lỡ bề <i>nâng khăn</i> .	Nâng khăn sửa túi	LVT
37	Người đời như bóng phù du, <i>Sớm còn tối mất</i> công phu lỡ làng.	Sớm còn tối mất	LVT

38	Ngửa than: Đất rộng trời cao, Tre cong măng mắt lẽ nào cho cân.	Đất rộng trời cao	LVT
39	Năm canh chẳng ngọt giọt châu, Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dằm.	Đau như dằm	LVT
40	Nàng rằng: Khôn xiết nỗi thương, Khi không gãy gánh giữa đường chẳng hay.	Đứt gánh giữa đường	LVT
41	Trên trời lặng lẽ như tờ, Nguyệt Nga nhớ nỗi tóc tơ chẳng tròn.	Lặng như tờ	LVT
42	Chúa xuân còn ở vườn đào, Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.	Ong qua bướm lại	LVT
43	Nhớ câu xuân bắt tái lai, Ngày qua hoa nở e mai hoa tàn.	Xuân bắt tái lai	LVT
44	Nguyệt Nga bán tín bán nghi, Đành liêu nhắm mắt theo đi về nhà.	Bán tín bán nghi	LVT
45	Nguyệt Nga bâng lảng bơ lơ, Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai.	Nửa tin nửa ngờ	LVT

46	Vân Tiên dẫn tích xưa ra, Nguyệt Nga khi ấy <i>khóc òa như mưa.</i>	Khóc như mưa	LVT
47	Cũng chưa <i>đồng tịch đồng sàng</i> Cũng chưa nên nghĩa tào khương đầu mà.	Đồng tịch đồng sàng	LVT
48	Nguyệt nga đứng dựa bên phòng, Tay ôm bức tượng <i>khóc rờn như mưa.</i>	Khóc như mưa	LVT
49	Kỳ rằng: Xưa sách có câu <i>Tế sanh hoạt mạng</i> ở đầu sách y	Tế sanh hoạt mạng	DTHM
50	<i>Hoa bay nước chảy</i> mấy chùng, Bóng tùng che núi như vừng lọng xây.	Nước chảy hoa trôi	DTHM
51	Nhớ câu <i>thiện ác đảo đầu,</i> Làm lành gặp phước sách đầu có lắm	Thiện ác đảo đầu	DTHM
52	Sang giàu lòng chẳng ước ao, <i>Hoa tàn mây nổi nước</i> xao trắng lờ.	Hoa tàn mây nổi	DTHM
53	Độc trùng ác thú không kinh, <i>Đàn chim dầu thỏ</i> lộ trình xiết bao.	Đàn chim dầu thỏ	DTHM

54	Nhớ câu <i>xuân bắt tái lai</i> , Bóng già theo gót biết nài chi đây.	Xuân bắt tái lai	DTHM
55	Từ đây khởi của công hầu, <i>Chim trời cá nước</i> mặc dầu nghinh ngang.	Chim trời cá nước	DTHM
56	Từ rằng: xưa sách có câu <i>Công thành danh toại</i> ai hầu chi ai.	Công thành danh toại	DTHM
57	Trên thời <i>ngiêng nước nghiêng thành</i> , Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao.	Ngիêng nước nghiêng thành	DTHM
58	Trước đi <i>kiệu bạc tán vàng</i> , Giữa che phủ phất sau đàn quạt tiêu.	Kiệu bạc tán vàng	DTHM
59	Ngồi trong <i>kiệu bạc tán vàng</i> , Một ông Không Tử dung nhan hòa lành.	Kiệu bạc tán vàng	DTHM
60	Nhớ câu: <i>Kế vãng khai lai</i> , Thực ông Không Tử đại tài thánh vương.	Kế vãng khai lai	DTHM
61	Than rằng: <i>Sự dĩ đào đầu</i> , Biết khôn rồi lại tóc râu hết rồi.	Dĩ sự đào đầu	DTHM

62	Trong đài có tấm bia bài, Chạm câu “ Địa quật hữu giai ” rõ ràng.	Địa quật hữu giai	DTHM
63	Mờ mờ một cõi quan san, Mây sầu gió thảm chàng ràng chêu người.	Mây sầu gió thảm	DTHM
64	Tay chân mình mấy người ta, Đầu trâu mặt ngựa tên là Dạ Xoa	Đầu trâu mặt ngựa	DTHM
65	Xiết bao mặt ủ mày chau, Nghĩ trong mình sãi ruột đau như dầm .	Đau như dầm	DTHM
66	Dầu dầu cổ úa hoa tàn , Lơ thơ trên bãi cát vàng buồn thay.	Cổ úa hoa tàn	DTHM
67	Dành lòng cắt hết tóc râu, Đã toan bất tử lại âu bất thân .	Bất tử bất thân	DTHM
68	Trước sân lai láng máu đây, Tan sương nát thịt cái bày tôi gian.	Tan sương nát thịt	DTHM
68	Cũng vì một tấm lòng tham, Sâu dân một nước đành làm bất nhân.	Sâu dân một nước	DTHM

69	Bia đề hai chữ Hỏa - xa, Ngục này trị kẻ <i>dâm tà vô luân</i> .	Dâm tà vô luân	DTHM
70	Mấy thằng <i>nói thiếu nói thừa</i> , Cầm kềm kéo lưỡi ra đưa khỏi hàm.	Nói thiếu nói thừa	DTHM
71	Trên trời đội nước ướt đầm, <i>Sương sa tuyết ủ</i> ruột tằm héo hon.	Sương sa tuyết ủ	DTHM
72	Cho hay <i>hữu sự đáo đầu</i> , Chưa về cõi thọ ai hầu biết khôn.	Hữu sự đáo đầu	DTHM
73	Dùng câu <i>cơ trá đa môn</i> , Dầu muôn việc cũng máy khôn đưa làm.	Cơ trá đa môn	DTHM
74	<i>Đường chim dẫu thỏ</i> luôn nhau, Chị em ngơ ngẩn khôn cầu đường ra.	Đường chim dẫu thỏ	DTHM
75	Cuộc cờ thúc quý đua bơi, Mấy thu <i>vật đổi sao rời</i> than ôi !	Vật đổi sao rời	NTVĐ
76	Văn chương ai cũng muốn nghe, <i>Phun châu nhả ngọc</i> báu khoe tinh thần.	Phun châu nhả ngọc	NTVĐ

77	Vì câu <i>sinh bất ngộ thân</i> , Đẹp nghề cử tử thep phần Kỳ lưu.	Sinh bất ngộ thân	NTVĐ
78	Nhớ câu <i>thủ thiện phụ nhân</i> , Nhờ người biết trước mở lần biết sau.	Thủ thiện phụ nhân	NTVĐ
79	Môn rằng đời lắm danh hư, So câu <i>tích thiện hữu dư</i> sao nhằm	Tích thiện hữu dư	NTVĐ
80	Đường khi <i>than vắn thở dài</i> , Vội nghe trống đánh lối ngoài cửa hang.	Than vắn thở dài	NTVĐ
81	Nhớ câu <i>thiện ác đáo đầu</i> , Phước đền họa trả đầu đầu không trời.	Thiện ác đáo đầu	NTVĐ
82	<i>Mây sầu gió thảm</i> đời nơi, Sấm đông tuyết hạ khác đời trung nguyên.	Sấm đông tuyết hạ	NTVĐ
83	Coi câu <i>thiện ác đáo đầu</i> , Lành đầu có trả dữ đầu có đền.	Thiện ác đáo đầu	NTVĐ
84	<i>Muông thỏ cung chim</i> tiếng trước dè.	Muông thỏ cung chim	NTVĐ
85	<i>Mây sầu gió thảm</i> biết chừng nào thanh !	Mây sầu gió thảm	NTVĐ

86	Lấy câu <i>hãn huyết chi tài</i> , Cúng cho chùa miếu nào ai chứng lòng ?	Hãn huyết chi tài	NTVĐ
87	Trộm nghề tay khéo vẽ theo, <i>Vẽ hùm ra chó</i> để chêu chúng cười.	Vẽ hùm ra chó	NTVĐ

4. Phụ lục 4: Bảng lớp từ ngữ địa phương Nam Bộ sử dụng trong sáng tác Nguyễn Đình Chiểu.

STT	Từ địa phương	Nghĩa toàn dân	Tác phẩm
1	Đã tươi khí tượng lại <i>xuê</i> tinh thần.	Tươi tắn, tươi tốt	LVT
2	Xem qua tướng <i>bậu</i> thơ ngây đã đành.	Cậu	LVT
3	Phong Lai trở chẳng <i>lập</i> tay.	Kịp	LVT
4	<i>Ví dẫu</i> ngàn dặm đường xa cũng đành.	Cho dù	LVT
5	Giữa đường lâm phải bụi <i>dơ</i> đã đành.	Bẩn	LVT
6	Chữ ân buộc lại chữ tình <i>lây dây</i> .	Vướng vịu, dai dẳng mãi không dứt.	LVT
7	<i>Ai dè</i> những đứng anh hùng.	Ai ngờ.	LVT
8	Đã <i>mau</i> mà lại thêm hay.	Nhanh, chóng	LVT
9	<i>Như vậy</i> ai lại thua ai.	Như vậy	LVT
10	Muốn pha khó <i>lọt</i> muốn dầm khôn phai.	Nhặt	LVT
11	Nước xao sóng dợn non <i>vây</i> đá cao.	Nhóm, họp	LVT
12	Quận thành nhắm <i>kiếng</i> coi người.	Cảnh	LVT
13	Liếc <i>coi</i> tướng mạo Vân Tiên	Nhìn, xem	LVT
14	Mặc dầu <i>giỡn</i> sóng mặc dầu chơi mây.	Đùa	LVT

15	Mãng còn trò chuyện với nhau.	Mãi, tập trung	LVT
16	Di Tề chẳng khúng giúp Châu.	Không chịu	LVT
17	Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường.	Chợt	LVT
18	Nói rồi quẩy quã ra đi.	Quay đi vội vàng	LVT
19	Bá vợ bá vát nói nhây không nhằm.	Dai dẳng, dây dưa kéo dài	LVT
20	Hối con vầy lửa một giờ.	Giục	LVT
21	Xuống gay chèo qué một giờ tách xa.	Vặn quai chèo cho mái chèo chặt vào cọc chèo để chèo thuyền.	LVT
22	Mai danh ẩn tích bấy chầy nấu nướng.		LVT
23	Bôn chôn sao khỏi đôi đời sao xong.	Nóng vội	LVT
24	Võ công làm việc trớ trĩnh .	Đối trá, lừa gạt	LVT
25	Tiếc thay dạ thỏ nằng nằng .	Nằng nặc	LVT
26	Vùa hương bát nước ai dành ngày sau.	Chỉ cái bát cắm hương	LVT
27	Cũng vì máy tạo én nhàn rẽ nhau.	Vận trời, số trời	LVT
28	Đất trời bao nữ chia bầu cho đành.	Chỉ sự chia ly	LVT
29	Ai từng mặc áo không bâu .	Cổ áo	LVT
30	Hãy tua chậm chậm sẽ vầy nhơn duyên.	Nên, phải	LVT

31	Người ngay trời phật cũng vung .	Thương tình phù hộ che trở cho.	LVT
32	Gã cười hai chữ nhon tình éo le.	Nhân	LVT
33	Dữ răn việc trước lành dè thân sau.		LVT
34	Gã trong số hệ khoa chàng còn xa.	Ngã, nghĩ	LVT
35	Sau đầu đặng chữ hiển vinh.	Được	LVT
36	Rày con xuống chốn phong trần.	Nay	LVT
37	Ra đi vừa rạng chơn trời.	Chân	LVT
38	Đoái nhìn phong kiêng thêm thương.	Cảnh	LVT
39	Trước là tìm bạn sau là nghỉ chun .	Chân	LVT
40	Hỏi ai than khóc ở trong xe nầy ?	Này	LVT
41	Thưa rằng: Tôi thiệt người ngay.	Thật	LVT
42	Chẳng hay tên họ là chi .	Gì	LVT
43	Sai quan đem bức thơ về.	Thư	LVT
44	Rước tôi qua đó định bề nghi gia.	Đưa, đón	LVT
45	Gặp đây đương lúc giữa đàng.	Đang	LVT
46	Hỏi qua tên họ một khi cho tường .	Rõ	LVT
47	Nguyệt Nga vốn đứng thuyền quyên.	Đấng	LVT

48	Phút đầu đã tới phủ đàng .	Đường	LVT
49	Kiều công xem thấy lòng càng sanh nghi.	Sinh	LVT
50	Chữ rằng Hồ Việt nhứt gia.	Nhất	LVT
51	Khá khen họ Lục phước hiền sanh con.	Phúc	LVT
52	Uổng thay đòn gậy tai trâu.	Đàn	LVT
53	Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gởi thơ .	Gửi thư	LVT
54	Vào tràng phút lại gặp tang.	Trường	LVT
55	Một vàng mây bạc dầu dầu khá thương.	Vàng	LVT
56	E khi mang bệnh nửa đường.	Bệnh	LVT
57	Chẳng qua làm phước cho chàng.	Phúc	LVT
58	Tiền rằng: tình trước ngãi sau.	Nghĩa	LVT
59	Còn ai nung đỡ trước sau cho mình.	Nâng	LVT
60	Linh đình thuyền giữa biển Đông.	Lênh đênh, trôi nổi nay đây mai đó.	LVT
61	Võ Công khôn ngót lòng phiền.	Không	LVT
62	Ai từng chanh khế sánh phần lựu lê.	Một giống, một bọn	LVT
63	Ra đi đương lúc tam canh.	Đang	LVT
64	Ngày xanh mòn mỏi má hồng phui pha .	Phôi pha	LVT

65	Có bầu đom đóm sáng nhờ đi theo.	Đom đóm	LVT
66	Rạng rồi một tấm lòng son.	Trau chia cho sáng tỏ để mọi người thấy.	DTHM
67	Ôn trời ngó đặng chút cho phước lành.	Nhìn được	DTHM
68	Khiến người Hà Mậu thấy tình sanh nghi.	Sinh	DTHM
69	Có đâu chữa ghen e khi bịnh gì ?	Bệnh	DTHM
70	Sai người rước bạn danh y.	Đón	DTHM
71	Mạch kia đã hẳn thuốc này ất hay.	Này	DTHM
72	Phút đâu lố thấy gân miên từng san.	Ló, để lộ ra	DTHM
73	Đường đi đá mọc ngình ngang.	Nghênh	DTHM
74	Bóng tùng che núi như vùng lọng xây.	Vàng	DTHM
75	Sao rằng sớm biết tánh danh ta rày ?	Này	DTHM
76	Ngó lên trên đỉnh thạch bàn.	Thấy, nhìn	DTHM
77	Mười phần cốt cách chẳng nhờ bợn gì.	Dơ bẩn, dính điều không sạch sẽ.	DTHM
78	Khéo nghe thầy tục tâm phơ nói xằng.	Vu vơ, không đâu	DTHM
79	Ông cha trước đã làm đàng .	Đường	DTHM
80	Họ Hà chưa hỏi việc chi đành rành .	Rõ ràng, chắc chắn	DTHM
81	Bao nhiêu chùa miếu cúng luôn.	Miếu	DTHM

82	Ra ơn làm phước hơn thua chẳng nài.	Hơn thiệt	DTHM
83	Phận mình dù có thanh bần cũng ung .	Bằng lòng	DTHM
84	Trăm năm xin gởi lời thề nước non.	Gửi	DTHM
85	Nói rồi quầy quả đặng trình.	Ra đi vội vàng	DTHM
86	Họ Hà nghe nói gựt mình.	Giật	DTHM
87	Gẫm trong mình lại muốn đi non tưng.	Ngẫm, nghĩ	DTHM
88	Chẳng đi đàng chánh lại đi đàng tà	Đường chính	DTHM
89	Thấy đều xung thánh khoe lời nói hay.	Tất cả	DTHM
90	Dặn rồi vội vã chun lui.	Chân	DTHM
91	Mãng xem phong cảnh dị kỳ.	Mải, tập trung	DTHM
92	Ra vô trong cõi Phù – đồ.	Vào	DTHM
93	Trời cao đất rộng thinh thinh .	Thênh thênh	DTHM
94	Non xanh nước biếc đã đành phui pha .	Phôi pha	DTHM
95	Vùa hương bát nước mấy khi phụng thờ.	Bát đựng hương	DTHM
96	Trốn xâu lánh thuế vô chùa.	Sưu	DTHM
97	Có người đốn củi lanh chanh hát rằng.	Láu táu, hấp tấp	DTHM
98	Trâu cày ngựa cỡi cái thân ra gì ?	Cưỡi	DTHM

99	Cùng người Hà Mậu đi <i>lòn</i> cửa hang.	Luồn	DTHM
100	Theo tôi làm Phật <i>bấy chầy</i> thấy không.		DTHM
101	Thấy ma thấy quỷ <i>chàng ràng</i> .	Vẻ bận rộn	DTHM
102	<i>Xảy</i> vừa tới lúc hùng đông.	Chợt	DTHM
103	Chuông vàng mỡ ngọc chiếu châu rất <i>xuê</i> .	Tươi mới, sáng sủa	DTHM
104	Ngồi bàn chông sắt máu doanh ruồi <i>lăng</i> .	Con nhặng xanh	DTHM
105	Lòng tham <i>cưu</i> thói bất nhân.	Mang	DTHM
106	Làm tuồng <i>chộn rộn</i> sợ hung.	Vướng víu	DTHM
107	No ngày <i>khảm</i> tháng đẻ ra.	Đầy	DTHM
108	Chị ta nào khác <i>đòn</i> cầm đứt dây.	Đàn	DTHM
109	Coi <i>giùm</i> cho cậu hơn vầy chơi không.	Giúp	DTHM
110	Cảm thương họ Liễu <i>phận bâu</i> .	Ý nói tiễn biệt nhau	DTHM
111	Cứ theo <i>đơm quảy</i> ông bà.	Cúng cơm cho người đã mất	DTHM
112	Thương người hiền sĩ <i>sanh</i> không gặp thời.	Sinh	NTVĐ
113	Nước còn đương cẩu <i>khôn</i> màng thánh nhân	Không	NTVĐ
114	Tình cờ lại <i>đặng</i> một ngày gặp đây.	Được	NTVĐ

115	Màu <i>xuê</i> Lễ Nhạc nhiễm sương bay.	Tươi mới, sáng sủa	NTVĐ
116	Thầy hay thời ở xa <i>đàng</i> .	Đường	NTVĐ
117	Ngư rằng: Chưa biết tên <i>chi</i> .	Gì	NTVĐ
118	Ai bằng làm <i>dữ</i> ắt lâm hại mình.	Ác	NTVĐ
119	Bước <i>vô</i> trong miếu lạnh lùng.	Vào	NTVĐ
120	Dặn dò <i>gởi</i> vợ lại bên họ Bào.	Gửi	NTVĐ
121	Lại may gặp bạn <i>cỡ</i> lừa ngâm thơ.	Cưỡi	NTVĐ
122	Ta từng <i>coi</i> sách thấy câu ca rằng.	Xem	NTVĐ
123	<i>Bịnh</i> trong tạng phủ phải lường thực hư.	Bệnh	NTVĐ
124	Theo năm <i>chộn rộn</i> khó toan rẽ rời.	Bận bịu, vướng víu	NTVĐ
125	Năm mùi hơi giúp khá <i>tua</i> nên bàn.	Phải	NTVĐ
126	Gạn màu <i>thiệt</i> giả xét hình mới lâu.	Thật	NTVĐ
127	Ta nghe làm <i>phước</i> nhiều nhà.	Phúc	NTVĐ
128	Trúc ty huyết ấy ở sau <i>chạng mà</i>	Chân mà	NTVĐ
129	Nhớ lời đạo hữu dạy ta <i>đành rành</i> .	Rõ ràng, chắc chắn	NTVĐ
130	Sách coi tật <i>bịnh máy mòi</i> .	Bệnh có triệu chứng báo trước	NTVĐ
131	Quả như thực chứng dùng rày mới nên.		NTVĐ

132	Gặp cơn trời tối thà <i>đui</i> .	Mù	NTVĐ
133	Phán rằng mây đã làm trò.	Mây	NTVĐ
134	Bụi hồ chẳng đến <i>nhơ</i> hình chiếc ghe.	Bản	NTVĐ
135	Thấy hai ông ấy tặng <i>thi</i> .	Thơ	NTVĐ
136	<i>Ai dè</i> thầy thuốc quá cha giặc mùa.	Ai ngờ	NTVĐ